

Số 150

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Lặng
Tr. 14

Biết ơn
và biết báo ơn
Tr. 24

Lại
Tây Du Ký!
Tr. 7



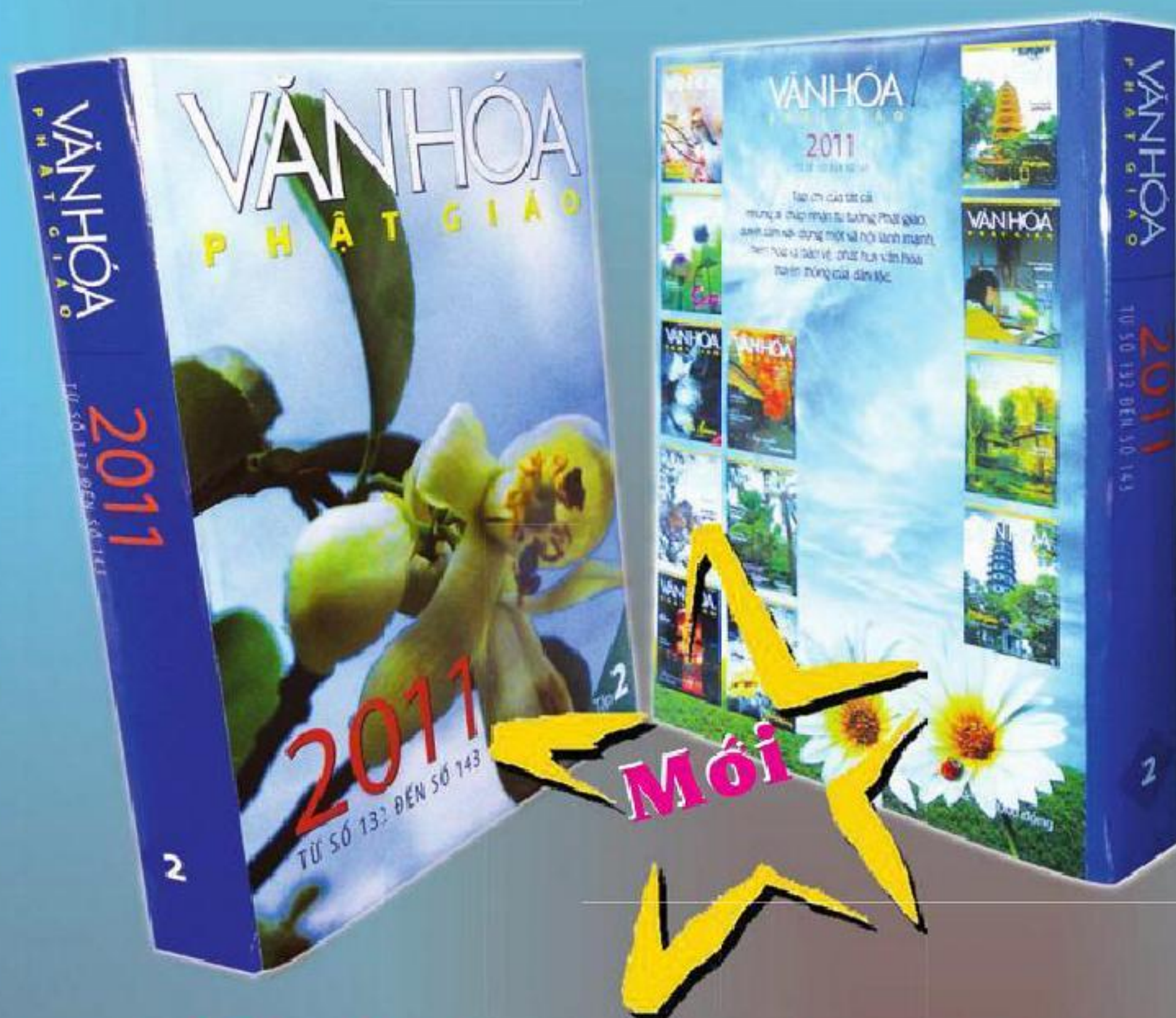
Ngàn năm câu hoa sen vẫn nở
Và bây giờ sen đã nở khắp nơi



Đang phát hành

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Đóng bộ **Tập 2** năm 2011, từ số 132 đến số 143

Giá: **210.000đ/cuốn**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại các bộ toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ : Tòa soạn Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

VĂN HÓA
PHÁT GIÁC

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Giá: 17.000 đồng



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Nổi mì và chén nước chấm (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	6
Lại Tây du ký! (Huyền Nhẫn)	7
Thi nhân và thiền sư (Vũ Thế Ngọc)	11
Lặng (Lê Hải Đăng)	14
Nguyễn Công Trứ không muốn làm người (Hà Thúc Hoan)	16
Con đường của những thực nghiệm an lạc (Yến Nhi)	18
Gốc khổ, vui (Thiện Tài)	21
Biết ơn và biết báo ơn (Nguyễn Thế Đăng)	24
A Di Đà Phật (Hoàng Tá Thích)	26
Những suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc đời (Cyril Siroj, Minh Nguyên dịch)	28
Bạn luôn khao khát tình yêu thương? (Rick Hanson, Đỗ Hoàng Tùng dịch)	30
Rước Phật trở lại chùa xưa (Nguyễn Thị Sơn)	32
Lá đơn (Hạnh Doan)	34
Niềm vui bên em (Diệu Hiền - Lâm Mỹ Tiên)	36
Mùa hè gọi tên (Mẫu Đơn)	38
Bà lão qua đường (Nguyễn Nhật Lâm)	40
Ấn tượng Lagi (Cao Huy Hóa)	43
Lên tháp Nhận, ngắm Tuy Hòa (Thục Quyên)	46
Để giảm tải bệnh viện (Đỗ Hồng Ngọc)	48
Thơ	51
Hướng thượng (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	53
Mẹ, tiếng chim kêu và dòng sông cổ tích (Thành Nam)	56
Tảo mộ (Hải Trình)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	59

Bìa 1: Lặng (Silence) . Nguồn: Spiralcage.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có Công văn số 88/CV.HĐTS ngày 17-3-2012 gửi các cơ quan có trách nhiệm để lên tiếng về việc một sản phẩm tuyên truyền cổ nội dung báng bổ Phật giáo. Việc lên tiếng là điều bất đắc dĩ, vì lẽ đạo Phật vẫn là tôn giáo khoan dung, sẵn sàng chấp nhận những quan điểm dị biệt, không quan tâm đến lời khen tiếng chê. Tuy nhiên, việc lên tiếng lần này của Trung ương Giáo hội lại là điều cần thiết, vừa xoa dịu dư luận quần chúng Phật tử trong ngoài nước đang phẫn nộ, vừa tỏ rõ lòng từ bi của người con Phật nhằm cảnh giác những kẻ thiếu ý thức nên tránh việc biếm nhẽ về tôn giáo và nên dành một con đường để trở về với Phật pháp khi cần.

Mấy ngày sau, báo điện tử VTC News thuộc Đài Truyền hình Kỹ thuật số đã gửi đến Trung ương GHPGVN Công văn số 23/CV-VTC NEWS ngày 19-3-2012 với nội dung xin lỗi, cho biết đã gỡ tin có liên quan, và đã tải công văn của Giáo hội về vụ việc. Kiểm tra trên trang mạng của VTC NEWS có thể thấy đúng là bản tin liên quan đã được gỡ bỏ, nhưng công văn của Giáo hội vẫn chưa thấy được đăng tải. Dù sao thì VTC NEWS cũng không phải là đơn vị có trách nhiệm cuối cùng, và sau VTC NEWS cũng chưa thấy cơ quan nào lên tiếng thêm. Như vậy, yêu cầu của GHPGVN theo nội dung công văn nói trên vẫn chưa được đáp ứng đúng mức.

Chúng ta đang ở thời gian chuẩn bị cùng với Phật tử toàn thế giới hân hoan kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh lần thứ 2.636. Trong niềm vui đón mừng ngày kỷ niệm Đức Bồ sư Thích-ca Mâu-ni ra đời, VHPG sẽ phát hành số báo đặc biệt kỷ niệm Phật đản Phật lịch 2556 vào ngày 1-5-2012, số báo 152. Để nội dung số báo đó thêm phong phú, ngay từ bây giờ, kính mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở liên quan đến ngày Phật đản. Bài viết cho số Phật đản xin gửi đến tòa soạn trước ngày 20-4-2012.

Trong niềm vui chờ đón ngày Khánh đản, chúng ta cùng nhau rũ bỏ mọi phiền muộn để hướng đến Ánh Đạo Vàng. Văn Hóa Phật Giáo xin chân thành kính chúc quý độc giả hưởng trọn niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo





Nổi mì và chén nước chấm

NGUYỄN CÁN

Niết-bàn và địa ngục ở đâu?

Inamori Kazuo, người sáng lập Công ty KDDI và Kyocera từng dành 200 triệu USD thành lập quỹ Kyoto nhằm tôn vinh và khen thưởng những ai có thành tích cống hiến cho sự phát triển và tiến bộ xã hội, có lần đã kể lại câu chuyện một thầy tu trẻ hỏi một vị sư già làm sao biết Niết-bàn và địa ngục là có thật? Vị sư già chậm rãi kể lại câu chuyện ngụ ngôn:

Chuyện rằng có một nổi mì mạch – udon – để giữa nhà với chén nước chấm để bên cạnh. Mì mạch là món ăn thịnh soạn với những người khổ tu. Bên cạnh nổi mì để sẵn những đôi đũa dài tới một thước. Quy định của nhà bếp là chỉ được ăn bằng loại đũa đó và phải dùng

đầu đũa để gấp mì rồi chấm vào chén nước chấm. Đến đoạn này thì địa ngục và Niết-bàn đều giống nhau. Kích cỡ nổi mì và người ăn vẫn vậy. Chỉ có cái tâm người ăn là khác nhau. Những người ở địa ngục lập tức tranh nhau gấp mì, tranh nhau nhúng mì vào chén nước chấm. Khổ nổi, đũa dài quá nên không sao đưa mì vào miệng mình được. Người này sợ người kia ăn hết nên giành giật để gấp. Một cảnh thê thảm diễn ra. Kết cục là không ai ăn được miếng nào, mì rơi vương vãi và những người ấy gầy trơ xương.

Trong khi đó những kẻ đầy lòng vị tha sống tại Niết-bàn lại đang mời mọc nhau “Xin mời, chúng ta ăn chung nhé!”. Mọi người nhường nhau, lần lượt gấp



mì, chấm nước chấm và đưa vào miệng người đối diện. Người đối diện ăn xong, nói “Cảm ơn, tôi đủ rồi, đến lượt anh chị ăn đi”. Cứ như thế, mọi người hợp sức, nhường nhịn lẫn nhau, ai cũng được ăn và không sợ mì nào rơi ra ngoài.

Vị sư già giảng: “Khung cảnh Niết-bàn là thế đấy!”. Nếu chỉ nhìn bề ngoài thì khó phân biệt đâu là Niết-bàn và đâu là địa ngục. Điểm khác nhau ở cái tâm của con người sống hai nơi đó. Những người sống ở địa ngục là những người ích kỷ, chỉ biết nghĩ đến bản thân. Còn ở Niết-bàn là những người có tấm lòng *vị tha*, luôn sống vì người khác...

Vị tha phải là gốc rễ của mọi công việc

Không chỉ trong công tác xã hội, từ thiện mà ngay trong kinh doanh, có nhà kinh tế đã không ngần ngại cho rằng gốc rễ kinh doanh chính là lòng *vị tha* dù cho ai đó từng phê phán: đó là thế giới của loài sói. Quả thật, ngay cả những nhà xã hội học nổi tiếng như Max Weber cũng cho rằng những người xây dựng Chủ nghĩa Tư bản chủ trương coi trọng những nguyên tắc đạo đức nghiêm khắc, tôn trọng lao động, lợi nhuận thu được trong các hoạt động kinh tế phải được dùng vào việc phát triển xã hội (Max Weber – Đạo Tin Lành và tinh thần của Chủ nghĩa Tư bản). Việc tìm kiếm lợi nhuận phải được thực hiện bằng các phương pháp đúng đắn được mọi người chấp thuận vì mục đích cuối cùng là giúp ích xã hội. Tinh thần *vị tha*, vì công ích hơn vì tư lợi phải trở thành quy tắc đạo đức chung. Đã có thời gian ở Nhật Bản người ta coi thường tầng lớp thương nhân hết như ở Việt Nam ngày xưa khi xếp “Sĩ nông công thương” ở đó thương nhân nằm ở nấc thang thấp nhất

trong xã hội. Ishida Baigan, nhà tư tưởng thời Edo đã phải lên tiếng bảo vệ họ khi ông cho rằng: “Việc buôn bán kiếm lời là hành vi chính đáng cũng giống như tầng lớp samurai hưởng bổng lộc mà thôi. Việc theo đuổi lợi nhuận không phải là việc xấu, không phải là tội ác, miễn là phương thức ấy phải ‘lợi người, lợi mình’ chứ không phải bằng mọi cách”. Thực vậy, tư tưởng *vị tha* đem lại tầm nhìn khoáng đạt hơn, bao dung hơn, xa hơn; vì khi kinh doanh không chỉ mình có lãi mà bạn hàng, hay khách hàng và đối tác khác cũng phải thu hoạch được lợi ích trong tinh thần WIN-WIN.

Vị tha là động cơ của mọi thái độ hay hành động

Các quan chức khi nghĩ đến xây cầu hay làm đường là nhằm giúp dân đi nhanh hơn, tiết kiệm thời gian hơn thì sẽ không quá băn khoăn là phải thu phí thật cao thật nhanh để hoàn vốn, bất kể sức chịu đựng của người dân. Quyết sách chủ trương nào cũng phải lấy dân làm gốc, phải biết “khoan sức dân” trong thời khó khăn, chứ các cơ quan hành chính thuế vụ cứ “đề” doanh nghiệp hay người dân để thu phí, bắt đóng đủ các loại phí hay thuế má mà không đặt mình vào địa vị của họ thì lâu dần sức dân sẽ cùng kiệt. Chúng ta sẽ không phải mất thời gian tranh cãi xem nên thu phí xe vào nội ô hay thu phí lưu hành xe bao nhiêu khi biết lắng nghe và mang tâm *vị tha* trong công việc. Thử hỏi lòng mình xem, mình có thực sự vì lợi ích của dân không? Hay chỉ vì muốn giúp ngành mình, công ty hoặc thậm chí cá nhân mình thêm thu nhập mà bất chấp hậu quả xảy đến cho dân! Động cơ có thật sự *VỊ THA*, hướng thiện không?

Kazuo trong một bài diễn thuyết trước Công ty DDI đã kêu gọi nhân viên: “*Vì người dân, hãy làm sao để giá*

cước điện thoại đường dài rẻ hơn. Cuộc đời chỉ có một lần, hãy sống sao cho có ý nghĩa... Hiện nay chúng ta đang được trao cơ hội đó, trăm năm có một lần. Chúng hãy bày tỏ lòng cảm tạ và tận dụng cơ hội đó". Ông sẵn sàng chịu thiệt trước đối thủ nếu phải hành động vì con người và xã hội. Ông nhường cho đối thủ NTT thị trường màu mỡ nhất: vành đai Thái Bình Dương bao gồm cả Tokyo nhưng vì ông tin "Tuồng thiệt hóa ra lợi, tuồng thua hóa ra thắng". Ông thuyết phục mọi người biến khó khăn thành thuận lợi, triển khai hệ thống di động DDI và ông đã thành công rực rỡ khi doanh số công ty ông tăng vọt. Điều đó chứng minh rằng chúng ta sẽ thành công nếu động cơ và tâm mình trong sáng.

Andrew Carnegie đã từng nói, "Tài sản cá nhân phải được sử dụng vì lợi ích xã hội". Bản thân Kazuo cũng đồng ý "Của cải trời cho phải được sử dụng vì sự phát triển của cộng đồng và xã hội". Chúng ta nhớ Bill Gates có lần đã tuyên bố rằng phải trả lại xã hội những tài sản mình nhận được... và ông đã hiến tặng gia sản mình cho những công ích của nhân loại.

Nói cách khác, đó chính là đạo tâm... khi tạo ra hay khi phân phối tài sản.

Vị tha là nền tảng của văn hóa

Vị tha không phải là cái gì quá cao xa, đơn giản chỉ là những hành động hay suy nghĩ vì người khác chứ không bay bổng như những ngôn từ "cống hiến hết mình cho nhân loại, cho sự phát triển xã hội". Hãy bắt đầu bằng việc để tâm một chút đến những người xung quanh ta. Chúng ta làm điều đó có gây phiền nhiễu, có làm ai buồn khổ, thất vọng không? Thậm chí một xã hội mang đặc trưng văn hóa nhấn nhay, ngăn nắp kỷ luật như Nhật Bản mà có người còn cho rằng đang đánh mất đi giá trị truyền thống, và đề ra yêu cầu bức thiết là phải nhìn lại "lễ sống" của họ thời hiện đại. Khi ta sống với phương châm vị tha, ta sẽ cân nhắc từng hành vi của mình với cộng đồng vì lúc đó văn hóa được xem như "hệ điều hành" của con người, nó chi phối toàn bộ suy nghĩ và hành động của chúng ta, của doanh nghiệp, của cả nền kinh tế và cả xã hội. Đối với doanh nhân, văn hóa biểu hiện rõ nhất ở cách họ kiếm tiền và sử dụng đồng tiền của họ.

Nếu việc kiếm tiền dẫn xuất từ những động cơ hoàn toàn vị kỷ thì kẻ kiếm tiền sẽ không ngần ngại làm hàng gian, hàng giả, chèn ép, sử dụng quyền lực nhóm lợi ích, đầu cơ trục lợi để rồi khi giàu có, người ta sẵn sàng tổ chức "siêu" đám cưới, phô trương bằng những chiếc Rolls Royce trong khi chiếm đoạt hàng trăm tỷ của nông dân; hay như đám cưới siêu khủng 50 tỷ ở Hà Tĩnh gây bàng hoàng dư luận vì ai chẳng biết Hà Tĩnh là một tỉnh còn nghèo, nhiều em học sinh ở mảnh đất ấy phải bỏ dở dang chuyện học vì thiếu tiền, không sách vở, nhiều gia đình chạy ăn từng bữa... Dù rằng mỗi người mỗi nghiệp, phước

báu của ai người nấy hưởng nhưng hưởng như thế nào để không tổn hại nhân tâm, không làm xao động, khiến người khác cảm cảnh chạnh lòng mới là người có trí theo quan điểm của đạo Phật. Xài tiền cũng phải có văn hóa, mà muốn xài tiền có văn hóa thì người có tiền phải có văn hóa. Thế nên người ta mới chia ra doanh nhân, trọc phú và con buôn. Trọc phú và con buôn đều giống nhau ở chỗ kiếm được tiền bằng thủ đoạn thiếu đạo đức chỉ khác nhau về quy mô thôi. Con buôn thì quy mô nhỏ, còn trọc phú thì quy mô lớn. Tuy nhiên, để đánh giá một người là một doanh nhân hay chỉ là con buôn thì người ta không nên nhìn vào quy mô mà nên nhìn vào cách kiếm tiền của họ. Ai đó đã có một sự đánh giá rất tinh tế khi cho rằng một bà bán trái cây dạo mà bán buôn một cách tử tế, không bán trái cây có dư lượng thuốc trừ sâu, không phun hóa chất để bảo quản trái cây, thì cũng xứng đáng để được coi là một doanh nhân. Bởi người giàu nhất hiện nay không phải là người có nhiều tiền nhất mà là người cho đi nhiều nhất.

Chúng ta hãy nghe Patrul Rinpoche nhắc nhở trong những Lời vàng của Thấy tôi rằng:

*Thời buổi suy đồi này không phải là lúc để khoe khoang;
Đã tới lúc khơi dậy lòng cương quyết.
Không phải là lúc để nắm giữ những địa vị cao;
Đã tới lúc giữ một vị trí khiêm tốn.*

để tự nhủ:

*... Đừng làm những ác hạnh nhỏ bé nhất,
Vi tin rằng chúng không thể tác hại;
Nhưng ngay cả một tàn lửa nhỏ
Có thể đốt cháy một núi rơm.*

Hãy luôn luôn đưa lời khuyên này vào thực hành, áp dụng chánh niệm và tỉnh giác liên tục, và cuối cùng bạn sẽ tích lũy được một khối lượng không thể tưởng tượng những thiện hạnh trong tiến trình sinh hoạt hàng ngày.

*Không làm những thiện hạnh nhỏ bé nhất,
Vi tin rằng chúng khó giúp ích được ai;
Nhưng từng giọt nước rơi
Sớm hay muộn cũng làm đầy một hồ lớn.*

Như chúng ta đã thấy, khi bạn hoàn toàn thoát khỏi lòng ham muốn bất kỳ điều gì cho bản thân thì sẽ tới lúc để bạn trực tiếp làm việc vì lợi ích của người khác, sống với tâm vị tha, cao hơn nữa là vô ngã thực hiện các thiện hạnh và tránh làm những ác hạnh cũng vì lợi lạc của cộng đồng và xã hội.

Niết-bàn và địa ngục, suy cho cùng, cận kề trong gang tấc vì chỉ khác động cơ vị tha hay vị kỷ. Tịnh độ hay uế độ cũng phát sinh từ đây. Chúng ta đang chứng kiến bao nhiêu nhớ nhãng, bao nhiêu trò hề, bao nhiêu tội ác, bao nhiêu điều chướng tai gai mắt do những con người vị kỷ gây ra. Hãy sống và biết cách cùng sống chung, sống với mọi người trong yêu thương, chia sẻ và ta sẽ thấy "thân tâm thường an lạc". ■



Này Cunda, một người bị ngập trong bùn lầy có thể kéo người khác lên khỏi bùn lầy; sự tình này không thể xảy ra.

***Kinh Đoạn giảm (Sallekha Sutta),
số 8, Trung Bộ.***

Lại Tây Du Ký!

HUYỀN NHÂN

Vụ tai tiếng về hoạt động tuyên truyền sức khỏe giới tính bằng một đoạn phim video ngắn mang tựa đề *Thấy trò Đường tông đi thỉnh...* đã được nhiều phương tiện truyền thông nhắc đến; tuy vậy, việc lược trình sự kiện cũng là điều cần thiết.

Lược trình sự kiện

Được MTV Staying Alive Foundation tài trợ, từ đầu năm 2011 một đơn vị của Trung tâm Chăm sóc và tư vấn về sức khỏe sinh sản trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS HCM có tên là Ngôi Nhà Tuổi Trẻ đã thành lập Câu lạc bộ Thân Thiện và giao cho Câu lạc bộ này xây dựng dự án 'Bao cao su (bcs) thân thiện' với mục đích quảng bá kiến thức về việc sử dụng bcs trong giới trẻ.

Câu lạc bộ huấn luyện một số giáo dục viên đồng đẳng là sinh viên thuộc một chục đơn vị học viện, trường đại học và cao đẳng trong phạm vi Hà Nội. Họ tổ chức nhiều hoạt động để tuyên truyền việc sử dụng bcs mà đỉnh điểm là ngày hội bcs 19-2-2012 đã diễn ra tại sân Ký túc xá Mễ Trì tại đó có trưng bày một bức tranh được dán từ 3.000 chiếc bcs.

Trước đó, khoảng tháng 8-2011, Câu lạc bộ đưa ra cuộc thi "Nói về người bạn nổi tiếng" để chọn lựa các thông điệp có ý nghĩa về bcs và việc sử dụng bcs đúng cách; thông điệp có thể được thể hiện ở dạng đoạn phim ngắn (video clip), khẩu hiệu (slogan), chuỗi tranh

biếm họa (cartoon clip) hay truyện ngắn; giải nhất là được phong làm đại sứ thiện chí của Ngôi nhà Tuổi trẻ, được giao lưu với các ngôi sao nổi tiếng tại một kỳ Đại nhạc hội, được cấp bằng chứng nhận, được hưởng một khoản tiền mặt cùng tặng vật không nêu rõ.

Ngay từ tháng 11-2011 đã có những đoạn phim ngắn dự thi được tung lên mạng và đến ngày 25-2-2012 thì đoạn phim hoạt hình của các sinh viên thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền được gửi đến Youtube với chú thích là tác phẩm được giải xuất sắc của cuộc thi tuyên truyền về bcs khối Sinh viên.

Ngày 27-2-2012, trang mạng của VTC News công bố một bản tin chi tiết kèm theo lời bình luận ca ngợi thành tích sáng tạo của nhóm tác giả đoạn phim đó. Với thời lượng 1 phút 36 giây, đoạn phim trình bày hình ảnh bốn nhân vật được gọi là thấy trò Đường Tông đi thỉnh bcs; mặc dù đã gọi trại tên nhân vật nhưng ai cũng biết đoạn phim đã diễn nhại sự tích Đường Tăng thỉnh kinh lâu nay vẫn được chiếu đi chiếu lại trên màn ảnh truyền hình. Bản tin của VTC News và đoạn phim được trao giải xuất sắc ấy đã làm dấy lên một làn sóng phản đối, không chỉ từ giới Phật giáo.

Lý giải vấn đề

Vấn đề sẽ được xem xét dưới góc độ văn hóa và không để bị chi phối bởi tình cảm tôn giáo. Để hiểu lý do khiến dư luận phản nộ, cần biết rõ một số thông tin liên quan đến người mà các tác giả dùng tên tuổi đặt thành nhân



vật chính của đoạn phim. Như nói trên, tuy đã bị đổi tên, khi là *Đường Toong*, khi là *Đường Tông*, thì ai cũng biết nhân vật của đoạn phim chính Đường Tăng trong *Tây du ký*, khiến bài viết trên VTC News cho rằng câu chuyện của đoạn phim đã “trở thành một phiên bản hoàn toàn mới lạ của tích *Tây du ký*”. Vấn đề nằm ở chỗ Đường Tăng cũng đã là một phiên bản diễn nhại của Ngô Thừa Ân liên quan đến Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, một vị Thánh Tăng của Phật giáo thế giới.

Hành trạng của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang

Huyền Trang (khoảng 595-664), tên thật Trần Vĩ (hay Trần Huy), là người Trung Quốc xuất thân trong một gia tộc nhiều đời tham gia chính sự. Năm 608, khoảng 13 tuổi, ông xuất gia tu theo đạo Phật, được đặt pháp danh là Huyền Trang. Trong quá trình tu tập, nhận thấy các vị Tăng Trung Quốc thời ấy giải thích kinh điển thiếu thống nhất, ngài quyết tâm sang Ấn Độ cầu học.

Vào năm 629, dưới đời vua Đường Thái Tông (626-649), ngài lên đường Tây du mặc dù lúc ấy triều đình có lệnh cấm dân Trung Hoa xuất ngoại. Không bạn đồng hành, ngài một mình cất bước, từng bị quan quân đuổi bắt vì vi phạm lệnh cấm. Trải nhiều gian nan, ngài đến được Ấn Độ, được tiếp nhận vào Đại học Nalanda, thụ giáo với nhiều vị thầy danh tiếng; đặc biệt, ngài được Đại sư Giới Hiên là viện chủ Nalanda bấy giờ quan tâm truyền dạy mọi sở đắc.

Ngài đi chiêm bái nhiều thánh tích, sang tận Sri Lanka, tham gia nhiều cuộc tranh luận với ngoại đạo và các tông phái khác, nổi tiếng là người thông hiểu kinh luật luận, được gọi là Tam tạng Pháp sư.

Rời Ấn Độ vào năm 643, ngài mang về Trung Quốc hơn 600 bộ kinh luận Đại thừa bằng tiếng Phạn. Suốt thời gian còn lại của đời mình, ngài miệt mài dịch kinh và đã dịch hoàn tất khoảng hơn 75 bộ kinh luận bằng tiếng Phạn sang tiếng Hoa với tổng số 1.335 quyển. Ngài còn là Tổ sáng lập Pháp Tướng tông có ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Việt Nam.

Ngoài ra, ngài có soạn một bộ dư địa chí lấy tên là *Đại Đường Tây Vực ký* ghi chép tỉ mỉ về tất cả những xứ sở ngoài Trung Quốc mà ngài đã từng đi qua; nhờ đó, ngài được nhiều dân tộc vùng Trung Á và dân tộc Ấn Độ ngưỡng mộ với lòng biết ơn.

Khi ngài viên tịch, sử chép cả triệu người Trung Quốc thời đó đến tiễn đưa ngài lúc tiến hành nghi lễ trà ti. Sau lễ tang, có tới gần ba vạn người cất lều cư tang gần mộ tháp. Phật tử toàn thế giới kính ngưỡng ngài như một nhà chiêm bái vĩ đại nhất và một người phiên dịch kinh điển vĩ đại nhất.

Về nhân vật Đường Tăng trong Tây du ký của Ngô Thừa Ân

Danh tiếng của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang và chuyến đi có một không hai của ngài khiến người đương thời thêu dệt nhiều chuyện ly kỳ về cuộc Tây du. Bấy giờ, phương tiện giao thông thô sơ; đường sá đi lại khó khăn; ra khỏi Trung Quốc về phía Tây là sa mạc chết người, là núi non hiểm trở, là những sắc dân xa lạ với những phong tục tập quán khác biệt; thông tin không được phổ biến rộng rãi, việc người Trung Quốc tò mò về hành trình của ngài Huyền Trang rồi loan truyền những sự kiện thất thiệt pha màu sắc mê tín dị đoan là điều chẳng có gì lạ.

Sau khi Huyền Trang viên tịch, đồ đệ của ngài có viết một quyển sách nhan đề là *Hành trạng vị Tam tạng Pháp sư chùa Đại Từ Ân nhà Đại Đường*, thuật lại chuyến Tây du của thầy mình, trong đó Huyền Trang được thể hiện như một vị có thần thông. Dựa vào đó, những người kể chuyện rong đã hư cấu thêm nhiều tình tiết mới, phổ biến dưới dạng thơ ca, đưa vào một số người giúp đỡ Huyền Trang trong chuyến Tây du, xây dựng hình ảnh một nhân vật gọi là Hầu Hành giả có tướng mạo giống khỉ. Lần lần, hành trình cầu pháp của Huyền Trang trở thành cuộc thỉnh kinh do Đường Thái Tông hỗ trợ, pháp danh Huyền Trang của ngài cũng mờ nhạt để làm nổi rõ nhân vật Đường Tăng hay Đường Tam Tạng, ý chỉ đó là vị Tỳ-kheo chính thống của nhà Đại Đường.

Ngô Thừa Ân (khoảng 1500-khoảng 1580) là nhà thơ và nhà tiểu thuyết sống dưới thời nhà Minh (1368-1644), ham đọc sách, có khả năng văn chương, sống trong một xã hội Trung Quốc bấy giờ đã suy đồi về đạo đức, chính sự rối ren, quan lại tham nhũng. Bất mãn với thời cuộc,

sau vài năm làm quan, họ Ngô gần như sống ẩn dật và dành cả cuộc đời viết sách, làm thơ. Ngoài sáu mươi tuổi, Ngô Thừa Ân mới viết *Tây du ký* với nhiều khả năng là đã lượm lặt chi tiết từ các truyền thuyết để xây dựng tác phẩm của mình; nhưng Ngô Thừa Ân đã có những thêm thắt chẳng những xuyên tạc nhân vật Huyền Trang mà còn bôi bác hình ảnh Đức Phật và các Bồ-tát.

Trong *Tây du ký*, cầm đầu đoàn thỉnh kinh là Đường Tăng, một nhân vật ngờ nghệch, có lòng thương người mà thiếu trí tuệ, được sự phò tá hết lòng của các đệ tử, đều là tiên thánh của Lão giáo bị đẩy xuống hạ giới, được Phật tổ Như Lai và Bồ-tát Quan Âm tuyển mộ giúp.

Chuyến đi của đoàn thỉnh kinh gặp đầy những tai nạn do sự u mê của Đường Tăng và sở dĩ thành công là nhờ một tay Tôn Ngộ Không, một con khỉ sinh ra từ một hòn đá nhưng đã tu luyện theo sự chỉ dạy của tổ sư Tu-bồ-đề, tuy là nhân vật Phật giáo nhưng đã bị Ngô Thừa Ân gán cho tư cách tiên thánh của Lão giáo. Tuy đoàn thỉnh kinh đến được đất Phật, nhận được kinh, nhưng Đường Tăng phải hối lộ cái bình bát; qua ngòi bút của Ngô Thừa Ân, việc A-nan và Ca-diếp đòi hối lộ là điều được Phật tổ Như Lai "phê chuẩn".

Ngô Thừa Ân thể hiện Phật tổ Như Lai hay Thái thượng Lão quân (tượng trưng cho giáo chủ Phật giáo và Lão giáo) đều phải nhận lệnh từ Ngọc Hoàng Thượng đế (tượng trưng cho giáo chủ Nho giáo theo tín ngưỡng dân gian của người Trung Quốc). Với sự hư cấu của Ngô Thừa Ân, hình ảnh của Đức Phật và các vị Bồ-tát lẫn lộn với hình ảnh của những vị thần tiên của Lão giáo; chẳng hạn, Ngô Thừa Ân cho người theo hầu Quan Âm Bồ-tát là Mộc Tra, nhân vật truyện *Phong thần*. Thỉnh thoảng, Ngô Thừa Ân lại cho Phật tổ đi "cứu giá" Ngọc Hoàng Thượng đế để được gặp các vị thần tiên bên Lão giáo. Trong lần "cứu giá" quan trọng nhất, Ngô Thừa Ân vung bút cho Phật Thích-ca biến năm ngón tay thành núi Ngũ hành để Tế Thiên đại thánh rồi sai người canh giữ, nếu thấy phạm nhân đói thì lấy sắt cục cho ăn, khát thì lấy đồng nấu chảy ra cho uống, sau đó lại được hàng loạt tiên thánh và cả Ngọc hoàng thượng đế ban tặng quà cáp lu bù; thể hiện sự xuyên tạc rất thô thiển về phẩm cách của bậc giải thoát.

Họ Ngô cho rằng mục đích của việc đem kinh về Đông độ chỉ là để có kinh thật sử dụng trong lúc tụng niệm, nhờ đó mới độ được người chết; tam tạng chính là ba tạng kinh gồm một tạng nói về việc trời, một tạng kể về việc đất và một tạng là để độ ma quỷ; hễ luyện được bảo bối đúng phép là có thể độ được người thành Phật.

Để giới thiệu Đường Tăng, Ngô Thừa Ân hư cấu một câu chuyện ân oán chất chồng khiến có một hài nhi bị bỏ trôi sông, được nhà sư cứu, nuôi dạy đến lớn rồi cho xuất gia, sau lại cho biết tông tích để tìm lại cội nguồn, trả thù kẻ giết cha và cuối cùng được Quan Âm chọn làm người thỉnh kinh. Qua đó, có thể thấy rằng hiểu biết của Ngô Thừa Ân về Phật pháp chỉ là hiểu biết của người bình dân; nhưng cũng nhờ đó mà tác phẩm của

Ngô Thừa Ân có sức lôi cuốn, cho rằng *Tây du ký* thể hiện tinh thần Phật pháp.

Từ khi tiểu thuyết *Tây du ký* ra đời, các phiên bản rời rạc khác về chuyến đi của ngài Huyền Trang trở nên mờ nhạt. Không phủ nhận rằng Ngô Thừa Ân có văn tài, vì thế mà *Tây du ký* được xếp vào một trong bốn tài tử thư của Trung Quốc, có sức lan tỏa rất mãnh liệt, khiến hình ảnh của Huyền Trang lịch sử hoàn toàn bị che lấp. Có thể nói, Ngô Thừa Ân đã xuyên tạc Phật giáo, đã biếm nhẽ các biểu tượng của Phật giáo, đã bóp méo hình ảnh Tam tạng Pháp sư Huyền Trang!

Nhận định về Tây du ký

So sánh hành trạng của vị Thánh Tăng Phật giáo được Phật tử toàn thế giới ngưỡng mộ là ngài Huyền Trang với nhân vật hư cấu Đường Tăng xuất hiện trong *Tây du ký* của Ngô Thừa Ân, ai ai cũng thấy rằng Đường Tăng và Huyền Trang không phải là một người. Đường Tăng đi thỉnh kinh không phải là ngài Tam tạng Pháp sư Huyền Trang sang Ấn Độ cầu học Phật pháp. Tiếc rằng, lâu nay *Tây du ký* vẫn được coi là một tác phẩm ca ngợi đạo Phật như nhiều người đã cố gắng "giải mã".

Rõ ràng, Ngô Thừa Ân đã viết *Tây du ký* chỉ để mua vui, và họ Ngô cũng chỉ hiểu biết về Phật giáo như quần chúng bình dân Trung Quốc thời đó hiểu mà thôi. Từ mục đích mua vui và với hiểu biết kém cỏi về đạo Phật, tác phẩm của Ngô Thừa Ân trở thành một bản văn xuyên tạc Phật giáo, xúc phạm đến Đức Phật Thích-ca và các vị Bồ-tát, các bậc Thánh Tăng, là những biểu tượng trang trọng nhất đối với người Phật tử.

Ảnh hưởng của Tây du ký

Tây du ký đã trộn lẫn nhiều biểu tượng của Phật giáo vào với tín ngưỡng dân gian của người Trung Quốc và đã khiến quần chúng bình dân nhận thức sai lệch về Phật giáo.

Tuy nhiên, một mặt, danh tiếng của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang quá lớn, mặt khác, sức lan tỏa của *Tây du ký* quá mạnh đã khiến cho quần chúng bình dân nghe nói về Đường Tăng là nghĩ đến Tam tạng Pháp sư Huyền Trang và ngược lại.

Trong *Tây du ký*, Ngô Thừa Ân viết rằng ngay khi đoàn thỉnh kinh đến được Lôi Âm tự là họ đã thành chánh quả, Đường Tăng và Tôn Ngộ Không đều thành Phật, các đệ tử khác thành A-la-hán. Dù hình ảnh Đường Tăng có bị bóp méo bởi ngòi bút của Ngô Thừa Ân thì *Tây du ký* cũng đã cho Đường Tăng thành Phật, do đó, quần chúng Phật tử bình dân vẫn yên tâm rằng nhân cách Đường Tăng chính là nhân cách của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Và đó là một trong những yếu tố ban đầu khiến cho tác phẩm dự cuộc thi "Nói về người bạn nổi tiếng" của nhóm sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã tạo nên sự phẫn nộ của đông đảo đồng bào Phật tử, vì lẽ người Phật tử bình dân Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của *Tây du ký* hết như người Phật tử bình dân Trung Quốc sau những cuộc oanh tạc của các bộ phim *Tây du ký* được chiếu đi chiếu lại trên màn ảnh truyền hình.

Những lỗi khó thể chấp nhận của cuộc thi “Nói về người bạn nổi tiếng”

Trở lại với đoạn phim ngắn dự cuộc thi “Nói về người bạn nổi tiếng,” rõ ràng nhóm tác giả và những người trao cho nó giải thưởng xuất sắc cũng đã phạm nhiều lỗi hết sức nghiêm trọng.

1. Đối với mọi tôn giáo, hệ thống kinh điển luôn có tính cách thiêng liêng. Kinh không thể bị so sánh với bất kỳ một hình ảnh dung tục nào. Ở đây, tác phẩm dự thi và được trao giải đã cả gan so sánh kinh với những dụng cụ tình dục, là một sự so sánh hết sức thô bỉ, thể hiện một nhận thức vô cùng thấp kém, không biết tôn trọng tín ngưỡng và các vấn đề tâm linh, cho thấy người dự thi và người chấm giải chỉ được dẫn dắt bởi bản năng.

2. Đức Phật là một nhân vật lịch sử lỗi lạc, vị giáo chủ vĩ đại của một tôn giáo lớn là Phật giáo đã vạch ra cho cả loài người một lối đi phong quang nhất, hướng dẫn con người sống cuộc sống thiếu dục tri túc, biết kiềm chế bản năng, biết giới hạn dục vọng, từng bước mở rộng trí tuệ để đạt tới giải thoát. Phật không khuyến khích con người chạy theo dục vọng. Trong khi đó, cuộc thi nói về bcs, một dụng cụ có mặt tiêu cực là giúp con người yên tâm thỏa mãn dục vọng, lại lấy hình ảnh Đức Phật trao bcs cho loài người, là một sự xuyên tạc trắng trợn và ngu ngốc nhất; cho thấy người dự thi và người chấm giải hoàn toàn vô minh, tự ý gây chướng ngại cho chính mình khi cần trở về với giáo pháp của Đức Phật để tìm một lối thoát cho cuộc đời nhiều triển phước.

3. Thực hiện tác phẩm cho mục đích tuyên truyền mà không có kiến thức văn hóa tối thiểu để hiểu được những điều cấm kỵ và những tác động qua lại của các biểu tượng, thiếu nhận thức về sức mạnh quán tính nơi tín ngưỡng của quần chúng, thiếu kiến thức về nhân vật lịch sử, lại lấy việc phỉ báng một biểu tượng văn hóa đã ăn sâu trong tâm thức quần chúng làm ý tưởng tuyên truyền; việc ấy thể hiện thái độ bất cần, ý thức khinh miệt truyền thống, cho thấy người dự thi và người chấm giải chỉ chạy theo những hình ảnh hào nhoáng bên ngoài trên tinh thần vọng ngoại.

4. Nội dung của cuộc thi là nói về người bạn nổi tiếng mà tác phẩm dự thi chẳng nói gì về người bạn ấy, chỉ trình bày quá trình đi tìm người bạn ấy. Tác phẩm dự thi hoàn toàn lạc đề, cho thấy người dự thi và người chấm giải hoàn toàn bất trí.

5. Cuộc thi được tổ chức với mục tiêu quảng bá bcs, việc sử dụng đúng cách bcs, xem bcs như một người bạn nổi tiếng, mà không hề quan tâm đến những tác hại của việc ỷ lại vào bcs, cho thấy người lập chương trình chỉ nhìn vấn đề một phía, có khả năng là chịu tác động của nhà tài trợ, thể hiện lòng tham của người tổ chức và cơ tâm của họ khi tìm cách kích thích lòng tham và lòng háo danh ở người dự thi.

Không để tình cảm tôn giáo chen vào, người ta cũng

thấy không thể chấp nhận việc một sản phẩm tuyên truyền mang tính quái thai như vậy mà lại được trao giải xuất sắc!

Một vài kiến nghị

Dù không quan tâm đến Đường Tăng và *Tây du ký* thì với năm lỗi trên, việc phản ứng gay gắt của quần chúng cũng là điều hợp lý.

Tuy nhiên, cách đây gần hai chục năm, một trường hợp chỉ nói tới Đường Tăng không thôi cũng đã khiến Phật tử không hài lòng. Đó là việc *Câu chuyện Đường Tăng* của Trương Quốc Dũng đoạt giải nhất cuộc thi Truyện cực ngắn của Hội Nhà văn vào năm 1994. Câu chuyện nói về việc trước ngày lên “kiếp Phật,” Đường Tăng cảm thấy hoang mang rã rời nhận ra mình đã lạc đường khi bỏ công đi tìm một chốn xa rời cõi người đầy hoang tưởng. Lúc ấy, quần chúng Phật tử cũng đã có những phản ứng mãnh liệt.

Kể ra, nếu *Tây du ký* không được coi là một tác phẩm Phật giáo và Đường Tăng không được coi là hình ảnh của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang thì lúc ấy sự việc sẽ không tạo phản ứng nơi Phật tử.

Chính vì thế, mong sao các cơ quan có thẩm quyền của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sớm có những khẳng định nghiêm túc về giá trị của *Tây du ký*, xác định đây là một tác phẩm hư cấu mang tính cách báng bổ Phật giáo, xúc phạm đến Đức Phật Thích-ca, nhiều vị Bồ-tát, và ngài Huyền Trang.

Được như vậy, trong vòng mười mười lăm năm tới, Phật tử sẽ từ từ nhận thức được rằng thực ra Đường Tăng trong *Tây du ký* chẳng liên quan gì đến ngài Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, một vị Thánh Tăng của Phật giáo thế giới. Khi đó, nếu có ai xây dựng những tác phẩm hư cấu khác về Đường Tăng, cũng chẳng ai cần quan tâm.

Kết luận

Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có Công văn số 088/CV.HĐTS ngày 17-3-2012, chính thức gửi Bộ trưởng Bộ Thông tin Truyền thông và Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS HCM để lên tiếng phản đối những nội dung báng bổ Phật giáo liên quan đến cuộc thi “Nói về người bạn nổi tiếng”. Việc GHPGVN có ý kiến chính thức về vụ việc này là điều cần thiết, vì không chỉ đáp ứng nguyện vọng của Phật tử trong và ngoài nước, mà còn có mục đích cảnh giác những người kém nhận thức không nên cắt đường trở về với giáo pháp của Đức Phật khi có nhu cầu; vì lẽ đến nay, đã có nhiều bậc trí giả trên thế giới nhận định chỉ có giáo pháp của Đức Phật mới giúp con người vượt qua những cơn khủng hoảng đủ loại của thời toàn cầu hóa hiện tại.

Một điều cần thiết khác là GHPGVN cần có thông tri chính thức về bản chất xuyên tạc Phật giáo của tác phẩm *Tây du ký*. Việc này không nhằm phủ nhận hoặc lên án *Tây du ký* hay Ngô Thừa Ân và những thứ phẩm của nó, mà chỉ giúp người học Phật tránh được những chướng ngại trên bước đường tu tập hướng đến từ bi và trí tuệ theo đúng giáo pháp của Đức Bổn sư. ■

Thi nhân và thiền sư

VŨ THÈ NGỌC

*Có lúc mình ta cô tịch
Có khi rừng vắng không người
Có lúc ngồi quên sau trước
Có khi vắng vặc trắng soi*
(Tứ Liệu Giản)

Từ xưa đã có nhiều câu hỏi về sự khác biệt giữa kinh nghiệm sáng tạo của nghệ sĩ và kinh nghiệm thiền định của thiền nhân. Trong những năm vừa qua cũng có các câu hỏi về kinh nghiệm “xuất thần” của các người dùng ma túy với kinh nghiệm “thiền duyệt” của thiền nhân. Câu trả lời hay nhất là dùng ngay cách phân loại về kinh nghiệm thiền định của Thiền sư Lâm Tế qua Tứ Liệu Giản. Tuy nhiên cần phải nói ngay là việc dùng ma túy đưa đến các kinh nghiệm khoái lạc tâm thần không phải chỉ có trong thời gian gần đây. Trong thực tế, các đạo sĩ cổ thời luyện thuốc “trường sinh” phần lớn cũng đã thường chế luyện các phương thuốc không phải chỉ tương đương với các loại ma túy heroin, cocaine mà còn gồm cả các phương thuốc tạo ảo giác như LSD ngày nay. Vì vậy đây cũng không phải là các câu hỏi mới.

TỨ LIỆU GIẢN (四料簡)

Thiền sư Lâm Tế thu tóm các phương pháp tiếp độ đệ tử tùy theo trình độ lý hội thiền vào bốn loại gọi là Tứ Liệu Giản: “Có khi đoạt nhân không đoạt cảnh. Có khi đoạt cảnh không đoạt nhân. Có khi nhân cảnh đều đoạt. Có khi nhân cảnh đều không đoạt” bằng ngôn cú kỳ đặc của nhà thiền theo *Lâm Tế Lục* như sau:

Có ông Tăng hỏi: “Thế nào là đoạt nhân không đoạt cảnh?”

Lâm Tế đáp: “Vắng nhật hiện bày phô gấm vóc. Hài nhi rũ tóc trắng như tơ.”

Ông Tăng hỏi tiếp: “Thế nào là đoạt cảnh không đoạt nhân?”

Sư đáp: “Lệnh vua ban khắp chốn. Tướng quân ngoài ải biệt tăm hơi.”

Lại hỏi: “Thế nào là đoạt cả nhân lẫn cảnh?”



Sư đáp: “Đất Phần bất tin tức. Một mình ở một phương”.

Lại hỏi: “Thế nào là nhân cảnh đều không đoạt?”

Sư đáp: “Vua bước lên ngai. Lão què hát ca”.

Ở đây chúng ta chẳng cần giả vờ uyên bác thông tuệ để giải thích về các công án này nhưng có thể nương vào đây để chỉ ra bốn trình độ tu chứng của kinh nghiệm thiền định như sau:

1. *Đoạt nhân bất đoạt cảnh* (奪人不奪境)

Đây là trình độ kinh nghiệm sơ cơ của thiền giả. Đây cũng là kinh nghiệm của nhiều người chúng ta và thường thấy trong kinh nghiệm sáng tác nghệ thuật. Nhiều người có kinh nghiệm bị cuốn hút vào công việc, như người họa sĩ say mê vẽ tranh quên cả đói, như nhà điêu khắc say mê chạm khắc không nghe được tiếng gọi cửa, như bác sĩ mê mải trong công việc phẫu thuật quên cả lửa cháy... hay cả thường nhân khi say mê đọc chuyện, xem phim... quên cả mình đang nhai cơm. Kinh nghiệm của họ là đánh quên bản ngã (đoạt nhân) mà chỉ còn tập trung vào công việc (bất đoạt cảnh).

Đó là kinh nghiệm con người thường tục, trong một khoảng thời gian, không ý thức được về mình, quên cả bản ngã mà bị hoàn toàn cuốn hút vào công việc của thế giới ngoại tại. Kinh nghiệm tâm thần này cũng có thể chia ra nhiều mức độ nông sâu và cũng đồng thời tạo ra một sự an lạc kỳ thú sáng khoái nông sâu khác nhau. Vì thế chúng ta đã thường thấy các nghệ sĩ vui vẻ chấp nhận đời sống không thu thập nhiều về mặt kinh tế, hay các nhà nghiên cứu có thể yên vui với cuộc đời trói kín trong phòng thí nghiệm trong thư viện, hay các thiền sư cô liêu an lạc trong rừng thẳm trên núi cao. Và kể cả các đệ tử ma được sáng khoái “get high” dù đang đói lạnh trong xó nhà tắm tối dơ bẩn.

Nhưng cũng từ đây ta phân biệt được sự khác biệt giữa kinh nghiệm của thiền nhân và nhân gian. Kinh nghiệm an lạc của thiền nhân và người dùng ma túy bề ngoài có thể sâu đậm như nhau nếu có thể đo được bằng mức độ “quên mình”. Nhưng sự khác biệt hoàn toàn ở đây nằm ở chỗ kinh nghiệm an lạc của thiền nhân là sự chủ động. Trái lại kinh nghiệm an lạc của người dùng ma túy hoàn toàn tùy thuộc sự tương tác của các hóa chất đưa vào cơ thể kích thích trên hệ thống thần kinh. Kinh nghiệm an lạc thiền định của thiền nhân là sự chủ động nên ngoài việc “quên mình” còn là một kinh nghiệm của sự thăng hoa, cho nên gây ra một kết quả tiến bộ lâu dài là trạng thái an lạc về cả thể xác với tâm linh càng về sau càng mãnh liệt hơn và sâu xa hơn, nói theo ngôn ngữ bình thường là càng ngồi thiền nhiều càng thấy thích thú an lạc lâu dài. Trái lại người dùng ma túy phải tiếp tục kích thích thần kinh bằng các liều lượng cao hơn và luôn luôn gây ra một tâm lý thụ động và hối lỗi phạm tội. Kết quả của sự dùng liều lượng càng ngày càng cao và tâm lý bất ổn của người dùng ma túy không phải chỉ khiến mức độ sáng khoái an lạc không gia tăng mà trái lại cơ thể hoàn

toàn tùy thuộc vào mức độ thuốc hút hay tiêm chích vào thân thể với liều lượng mỗi ngày mỗi cao hơn và lúc này không còn là kinh nghiệm an lạc nữa mà chỉ thuần túy là một nhu cầu sinh tâm lý (nghiên) còn cơ thể thì bị tàn phá và sinh ra tâm lý bất an tội lỗi.

Kinh nghiệm an lạc của thi nhân (tiêu biểu chung cho người làm nghệ thuật) không có những kết quả bi đát như người dùng ma túy nhưng cũng không là một kinh nghiệm thiền của thiền nhân vì cũng không phải là kinh nghiệm tự tại do kết quả của một sự tập luyện tự thân, vì sáng tác không phải là hoạt động hoàn toàn chủ động (muốn là được). Đây cũng là điều giải thích tại sao có những thi nhân nhạc sĩ có các sáng tác xuất thần cao nhã nhưng đời sống riêng tư vẫn có những trụy lạc tầm thường. Nên biết thiền nhân có được các kinh nghiệm thiền định an lạc là đã phải trải dài qua những kỷ luật thân tâm của nhiều năm tháng giới luật tu trì. Vì thế không thể có loại thiền nhân¹ thật sự đã đạt được cái kinh nghiệm an lạc tự tại mà còn sa ngã vào các khoái lạc phàm phu (trong kinh Phật thường nói đến các quả vị ‘bất hoàn’ là theo nghĩa này).

2. *Đoạt cảnh bất đoạt nhân* (奪境不奪人)

Nhưng thiền nhân còn tiến tới cảnh giới an lạc (thiền định) cao hơn nữa. Đó là phạm trù mà Lâm Tế gọi là “đoạt cảnh bất đoạt nhân” của thiền nhân; đạt đến cảnh giới không trụ vào ngoại cảnh (đoạt cảnh) mà chỉ còn có chân tâm độc chiếu (bất đoạt nhân).

Đây cũng là điểm hoàn toàn chia tay giữa thi nhân và thiền nhân. Ở cảnh giới thiền định này thiền nhân hoàn toàn chìm đắm vào thế giới nội tại. Đây là kinh nghiệm thiền định ngược lại cảnh giới thiền định thứ nhất. Đây là kinh nghiệm thiền định trong tình trạng hoàn toàn tự chủ không những hoàn toàn ý thức mà còn siêu việt ý thức để siêu việt ngoại cảnh. Đó là cảnh giới đã làm cả thế giới chấn động với hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu và bất động giữa biển lửa vào ngày 11 tháng 6 năm 1963. Cái kinh nghiệm mà gần một ngàn năm trước Thiền sư Ngộ Ấn diễn tả bằng hai câu thơ tuyệt vời “Ngọc thiền trên núi mầu luôn đẹp - Sen nở trong lò hoa vẫn tươi”:

妙性虛無不可攀
虛無心悟得何難
玉焚山上色常潤
蓮發爐中濕未乾
(悟印禪師)

Diệu tính hư vô bất khả phan,
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan,
Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị can.
(Ngộ Ấn thiền sư)

Dịch nghĩa:

Diệu tánh rỗng rang vin chẳng được
Rỗng không tâm ngộ dễ dàng thôi.



*Ngọc chiếu trên núi mầu luôn đẹp
Sen nở trong lò hoa vẫn tươi.*

3. Nhân cảnh câu đoạt (人境俱奪)

Kinh nghiệm của cảnh giới cao hơn nữa được Lâm Tế gọi là “đoạt cả nhân lẫn cảnh” là cảnh giới của kinh nghiệm thiền định mà *Thập Ngưu Đồ* diễn tả bằng bức tranh vẽ vòng tròn trắng có tên là “song mất” (both vanished) hay “nhân ngưu câu vong” (the Ox and the Man both gone). Trong trạng thái thiền định này không còn ý niệm nào khởi trong tâm thức hành giả, không có ngay cả đối tượng suy tưởng. Đây cũng là trạng thái thiền định nhà thiền thường gọi là “vô niệm”.

Một chú thích nhỏ để độc giả so sánh “vô niệm” với trạng thái ngủ bình thường của người ta. Ở trạng thái vô niệm “mất cả người lẫn cảnh” này không phải là trạng thái “không có gì hết” (nothingness) của giấc ngủ “say như chết”; mà trong tự chứng phần, chủ thể nhận thức đối tượng, tâm và cảnh, đều không có vọng tưởng. Có thể nói đây là trạng thái trong suốt nhất của tự ngã. Có nghĩa là hành giả đạt tới trạng thái cao trọng nhất của sự hiện hữu. Cái mà nhà thiền gọi là kinh nghiệm *kiến tính*. Vì không có vọng tưởng nên hành giả không còn nghĩ còn nghe còn thấy bằng cái tâm phân biệt qua trung gian của lục căn (mắt mũi tai...) mà trực nhận với nhãn tâm, nhĩ tâm... để nghe, để nhìn, để ngửi, để cảm thấy một cách trực tiếp nhất, rõ ràng nhất (những người mới dùng ma túy tạo ảo giác cũng thường báo cáo là nghe nhạc rõ và thích thú hơn, nhìn tranh nhìn người cũng đẹp hơn). Trong kinh nghiệm này, thiền giả có nhận thức siêu việt hơn bất cứ con người bình thường nào khác về mọi phương diện vì thiền giả có thể thường thức âm nhạc, nghệ thuật, thiên nhiên với tâm thức trong sáng nhất, trực tiếp nhất. Và vì thế mà hành giả lúc này có thể *ngộ* được khi thấy ánh trăng òa vỡ trên thùng nước vỡ (Nghĩa Hoài), trước bông hoa đào lung linh chớm nở (Chí Cẩn), với tiếng viên đá rơi chạm gốc tre (Hương Nghiêm), với tiếng hát của cô gái bán đậu hũ (Tất Đàn)...

Phân biệt hai trạng thái vô niệm với “ngủ say” cũng để soi tỏ sự khác biệt của kinh nghiệm “đoạt cả nhân

lẫn cảnh” với trạng thái quên cả bản ngã và bị hoàn toàn cuốn hút vào công việc của thế giới ngoại tại của cảnh giới thứ nhất “đoạn cảnh bất đoạt nhân”.

4. Nhân cảnh câu bất đoạt (人境俱不奪)

Cảnh giới nhân cảnh đều không đoạt là cảnh giới nhà thiền tượng trưng bằng tấm hình cuối cùng của *Thập Ngưu Đồ* với hình ảnh nhà sư “thông tay vào chợ”. Ở kinh nghiệm này thiền nhân trở lại với đời thường nhưng xử sự thì vô vi, hành tàng thì vô ngã, tự tại ung dung trong mọi hoàn cảnh. Kinh nghiệm “câu bất đoạt” ở đây là cảnh giới mà giáo lý Hoa Nghiêm gọi là “Sự sự viên dung” được Tuệ Trung Thượng Sĩ diễn tả trong bài *Phóng cuồng ca*:

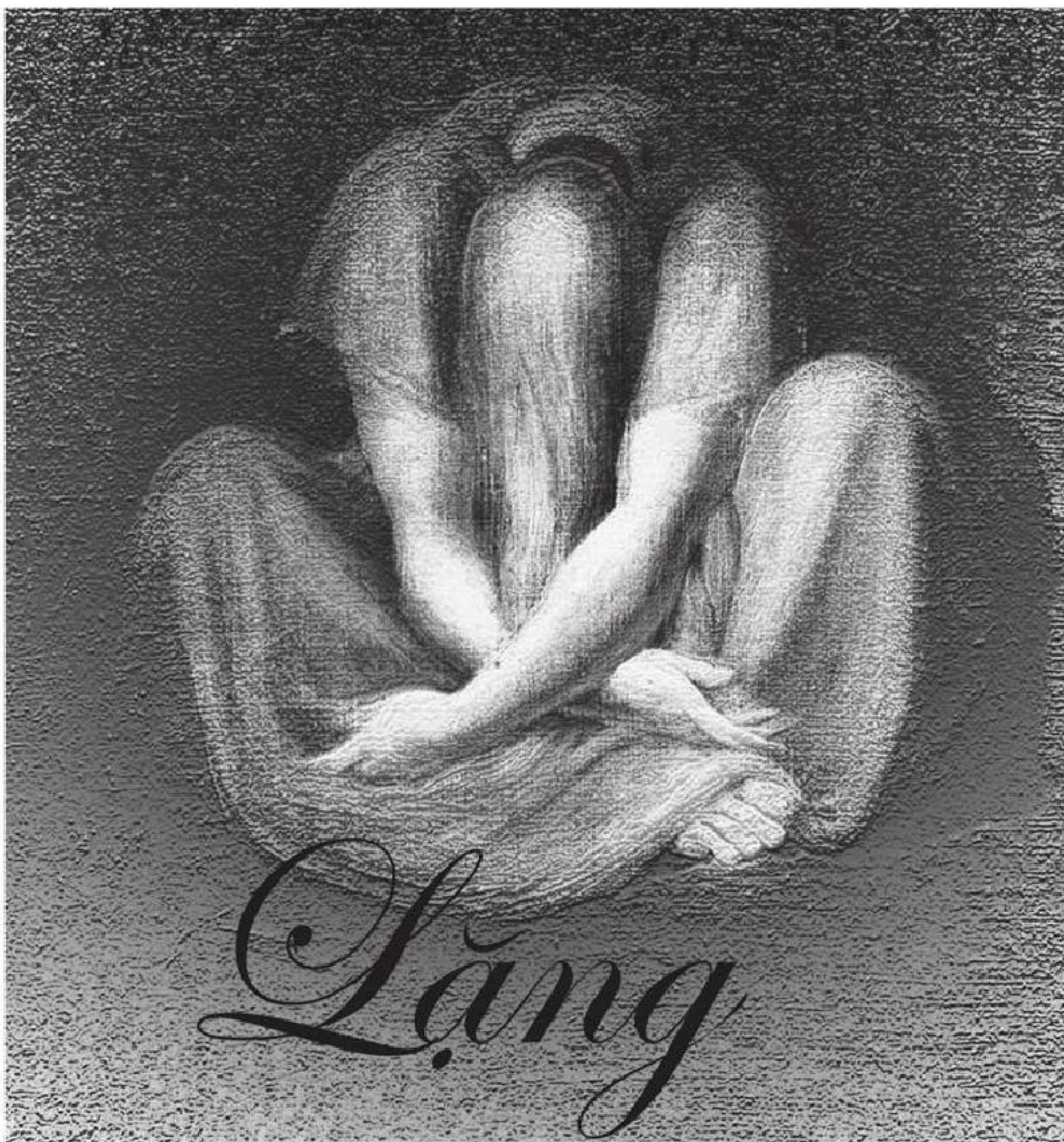
*Ngó trông trời đất hể mệnh mang.
Chống gậy dạo chơi hể phương ngoại phương
Hoặc cao cao hể mây đỉnh núi.
Hoặc sâu sâu hể nước trùng dương.
Đói thì ăn hể cơm tùy ý.
Mệt thì ngủ hể làng không làng*

...

Tóm lại kinh nghiệm chiêm nghiệm trong sáng tạo của thi nhân nghệ sĩ giới hạn và hoàn toàn bị động, kinh nghiệm thiền định của thiền nhân thì hướng về một tâm thức ổn định an lạc và hoàn toàn chủ động. Trạng thái thiền định của thiền giả là một trạng thái dung hợp giữa chủ thể tư duy và đối tượng khách quan. Trong khi đó trạng thái xuất thần của thi nhân chỉ là một trạng thái quên mình và chìm đắm trong hoạt động sáng tác. Cả hai đều đưa đến trạng thái an vui hài hòa. Nhưng trạng thái thiền định của thiền nhân hướng đến một sự hiện diện an lạc sâu sắc hơn và luôn luôn sáng suốt sống động của sự tỉnh thức. Và chính vì luôn luôn tỉnh thức trong vô niệm nên kinh nghiệm thiền định của thiền gia là một tiền đề tất yếu sẽ đưa đến sự chứng ngộ.

Chú thích:

1. Tôi chưa bao giờ thấy người ta dùng danh từ thiền sư hay thiền nhân một cách dễ dãi dung tục để gọi chung chung các tu sĩ như sách báo hiện nay. ■



Ảnh: Lặng (Silence) của John Henri Fuseli

LÊ HẢI ĐĂNG

Nhà soạn nhạc thiên tài người Áo Wolfgang Amadeus Mozart nói rằng: "Lặng cũng là âm nhạc". Còn theo quan niệm của môn *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*: "Lặng là sự ngừng vang". Lẽ đương nhiên, lặng khó thể là "sự" khi mà nó không hề hiện hữu. Chúng ta có thể nhận biết lặng thông qua mối quan hệ tương tác với hiệu quả vang của âm thanh. Còn suy xét một cách biệt lập, thính giác của chúng ta tuyệt nhiên không thể cảm nhận được lặng! Nói cách khác, lặng thuộc phạm trù khả niệm (có thể quan niệm), chứ không phải khả giác (có thể nhận biết bằng giác quan). Nhận thức luôn thuộc về kết quả của tiến trình tương tác giữa chủ thể và đối tượng. Vì vậy, lý thuyết âm nhạc khác với nghệ thuật âm nhạc. Quá trình phát triển của nghệ thuật cho thấy sự sáng tạo không ngừng những giá trị văn hóa mới, những chặng đường chinh phục khả năng siêu việt của con người. Bởi vậy, với

phẩm chất của một nhạc sĩ thiên tài, Mozart đã rất minh triết khi cho rằng "lặng cũng là âm nhạc", chứ không thuần túy là sự ngừng vang hay ngừng nghĩ.

Trong hoạt động thực tiễn, chúng ta thường dễ coi dấu lặng là những chỗ để nghỉ! Trên thực tế, chưa từng có nghệ sĩ nào làm việc riêng, hay "đào ngũ" trong khi đàn khoảng lặng. Từ người mới chập chững bước chân vào ngôi đền âm nhạc cho đến các nhạc sĩ vĩ đại ngự trên tượng đài vinh quang bất tử đều có chung thái độ thành kính trước dấu lặng. Tham chiếu nhiều tác phẩm cận đại, ta thấy càng ngày càng có hiện tượng chia nhỏ các khoảng lặng đến mức rối rắm khiến cho người đàn không khỏi cảm thấy mệt mỏi (hơn cả lúc đàn). Vậy, khó thể coi lặng là "nghỉ" theo quan niệm thường nghiệm. Trong nghệ thuật âm nhạc, lặng đã vượt khỏi ranh giới thường nghiệm, lọt vào thế giới siêu nghiệm. Ta chỉ biết có sự tồn tại của lặng, còn trước sau vẫn

không thể cảm nhận được lặng bằng giác quan (đặc biệt là cơ quan thính giác).

Vào khoảng đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, nhạc sĩ, tiến sĩ Philippe người Mỹ tới Nhạc viện Hà Nội giới thiệu một số trào lưu âm nhạc cận đại thế giới lúc bấy giờ, có nhắc đến tác phẩm *4 phút 33 giây* còn có tên *Silence* của nhạc sĩ John Cage. Tiến sĩ Philippe mô tả việc trình bày tác phẩm này khá độc đáo, đặc biệt trong suốt khoảng thời gian trình diễn tác phẩm kéo dài 4 phút 33 giây, người nghệ sĩ chỉ ngồi tĩnh lặng, tuyệt nhiên không hề đàn một nốt nào. Khi được hỏi: “Qua tác phẩm này, người nghệ sĩ đã mang lại điều gì cho khán thính giả?”. Tiến sĩ Philippe trả lời rằng: “Tôi không biết”. Một câu trả lời hết sức chân thành, đồng thời đầy ngụ ý, mà thực chất là Thiền ý. Vì sao vậy? Bởi, bản chất của Thiền là vô ngôn, còn bản chất của lặng là vô thanh. Vô ngôn và vô thanh gặp nhau ở thuộc tính “lặng”. Nói như vậy, có nghĩa lặng là nơi mà người nhạc sĩ (sáng tác) trao toàn quyền sáng tạo cho người biểu diễn và người nghe. Có thể nói, chủ thể sáng tạo và đối tượng tiếp nhận đều gặp nhau ở những chỗ lặng, một kết quả liên chủ thể tuyệt diệu trong nghệ thuật sắp xếp âm thanh.

Trong tất cả các phương tiện biểu hiện của âm nhạc, lặng chiếm vị trí khá khiêm tốn. Người mới học đàn hiểu lặng là sự ngừng nghỉ (rest). Đơn giản có vậy, nhưng lặng có giá trị cực kỳ to lớn. Không có lặng, tác phẩm âm nhạc chỉ bao gồm tổng thể âm thanh miên trường, mệt mỏi... Chúng ta thật khó thể tưởng tượng thứ âm nhạc không có lặng. Vì, nghệ thuật sắp đặt âm thanh luôn nằm trong mối tương quan giữa hiệu quả vang của âm thanh và những khoảng lặng. Một tác phẩm vang suốt từ đầu tới cuối, đến mức không còn chỗ cho người đàn “ngừng”, người nghe “nghĩ”, chắc hẳn chúng ta phải ngộp “thở”. Chưa kể, không có lặng, đối với những hình thái nghệ thuật phụ thuộc vào sự hữu hạn của cơ quan sinh lý, con người không thể thực hiện được, như thanh nhạc, kèn (tất nhiên, có những nghệ sĩ kèn có khả năng kích âm – tạo âm bằng cả hai cách thổi ra và hít vào). Song, lặng trước hết và sau cùng xuất hiện với tư cách của một phương tiện biểu hiện trong âm nhạc như nhà soạn nhạc thiên tài Mozart quan niệm, chứ đừng hiểu lặng đơn giản là sự ngừng nghỉ hay ngừng vang.

Lặng giống như khoảng trống trong các công trình kiến trúc. Bất kỳ công trình kiến trúc nào, từ kết cấu đồ sộ, quy mô hùng vĩ như quảng trường, nhà hát, nhà thờ, đền đài, đình miếu... cho tới kiến trúc dân dụng, trường học, bệnh viện... đều vô ý, hữu ý tạo ra những khoảng trống nhằm tạo tự do cho sự hiện hữu của ngôn ngữ kiến trúc hình khối. Một công trình kiến trúc hoàn hảo luôn vươn tới vẻ đẹp của sự quân bình giữa khoảng trống và hình khối. Kết cấu hài hòa làm nên tính chất đồng đẳng giữa hai hình thái tồn tại, hư không và hiện hữu. Do vậy cũng đừng hiểu khoảng trống là chỗ trống, nơi mà ta có thể đặt bất cứ vật gì vào khi cần thiết. Nói cho rõ ràng, trạng thái cân bằng giữa khoảng trống và không gian bố trí sự vật luôn nằm trong

mối tương tác của công trình kiến trúc tựa như lặng trong tác phẩm âm nhạc nhằm vươn tới tinh thần, trạng thái hài hòa, bình đẳng giữa các phương tiện biểu hiện. Trong tác phẩm âm nhạc, âm thanh vang tựa như phần nổi, còn lặng chìm sâu dưới lòng giá trị biểu hiện. Lý lẽ phổ biến này nằm trong mọi sự tồn tại. Nó chính là Đạo, là vô vi, là cái không làm, nhưng làm với sự hỗn nhiên, vô tư tuyệt đối. Và ở đây, chúng ta mơ hồ nhận ra rằng, lặng chính là chỗ khó đàn nhất. Lặng không những khó đàn, mà còn khó nghe nữa, vì, bản chất vô thanh, không hiện hữu... Khác với âm thanh vang, tác động trực tiếp vào cơ quan thính giác của chúng ta tạo nên các hiện tượng tâm lý khác nhau. Còn lặng hướng vào chiều sâu nội giới, chúng ta tiếp xúc với lặng bằng cuộc “hành hương” tìm về cội nguồn của bản thân mình.

Đa số các nhà nghiên cứu âm nhạc đều không chấp nhận thứ âm nhạc không phát ra âm thanh, thậm chí kể cả thứ âm nhạc Thiên lại Địa lại (nhạc trời) từng làm xao xuyến nhiều bậc hiền triết thời kỳ cổ đại như Trang Tử, Lão Tử... thứ âm nhạc của Thân và Tâm như quan niệm trong Thiền... Bởi, trước khi âm nhạc được xem xét với tư cách làm đối tượng của khoa Tâm lý học (tâm lý tiếp nhận âm thanh), nó phải được nhìn nhận dưới góc độ vật lý (nguyên lý tạo thành) của ngành Vật lý học. Tuy nhiên, như đã đề cập, khoa học về âm nhạc bản thân nó không phải nghệ thuật âm nhạc. Nghệ thuật với bản chất không ngừng sáng tạo ra những giá trị mới luôn đồng hành với tiến trình mở rộng phạm vi và liên tục thâm tóm những phương thức biểu hiện mới. Lặng dù rằng vẫn được coi như một phương thức biểu hiện cũ, nhưng mỗi người đều có sự nhìn nhận khác nhau. Và quả thực, nghệ thuật không giống như vạn vật trong vũ trụ chịu chi phối bởi luật nhân quả, mang giá trị tất yếu, phổ quát mà được sáng tạo bởi quy luật của cái đẹp, mang giá trị tự do, độc đáo... Ở lĩnh vực nghệ thuật, chẳng có gì hiển nhiên cả! Nhận thức về nghệ thuật dưới nhiều trắc diện khác nhau vẫn có thể đem lại những kết quả mới mẻ, thậm chí khiến ta ngỡ ngàng. Lặng là một đối tượng như thế. Nếu dời vào tác phẩm *4 phút 33 giây*, ta có thể coi nó như một dấu lặng dài hay nhiều dấu lặng trong suốt quá trình diễn tiến của tác phẩm. Có điều, khi lặng đứng một mình, không nằm trong sự đối sánh với âm thanh vang, ta không thể nhận ra sự hiện diện của nó. Trong tác phẩm âm nhạc, ta cảm nhận lặng bằng tương quan với hiệu quả vang, còn trong khoảnh khắc của những dấu lặng, ta chỉ có thể tiếp thu với tư cách của một phương tiện tự thân? Tự thân hiểu là tồn tại riêng biệt, không phụ thuộc vào yếu tố ngoại tại. Từ đó, sự tiếp nhận của mỗi chủ thể không đem tới kết quả tương đồng. Thế giới siêu hình của lặng vốn đã không hiện hữu, lại còn tùy thuộc vào khả năng siêu nghiệm của chủ thể tiếp nhận, nên ý nghĩa của lặng được quyết định bởi “căn duyên”, “tài phẩm” của từng người. Trong yên lặng, ta gặp giá trị đích thực của lặng, tựa như mạch nước ngầm thấm sâu dưới lòng tác phẩm và nằm mơ hồ giữa cõi tri giác cá nhân ta. ■



Nguyễn Công Trứ không muốn làm người

HÀ THỨC HOÀN

Nhà sĩ – thi sĩ Nguyễn Công Trứ (1778–1858) xuất hiện một cách khá đặc sắc và độc đáo trên văn đàn Việt Nam. Tác giả là con người hành động, thường được biết đến với tư cách là nhà thơ của chí nam nhi. Qua ba giai đoạn của cuộc đời là hàn vi, xuất chinh và hồi hưu, nhà thi sĩ đã sống đúng lẽ xuất xứ của nho gia để hoàn thành chương trình hành động – lý tưởng sống nhập thể tích cực của một kẻ sĩ. Thế nhưng, vào một giây phút nào đó ở cuối đời, Nguyễn Công Trứ không muốn làm người mà chỉ muốn làm cây thông:

*"Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông".*

Viết bài *Nhàn ngâm* này, Nguyễn Công Trứ nhìn nhận có kiếp sau, có tái sinh. Nhưng Phật tử chúng ta không nên căn cứ vào đó để vội vàng kết luận tác giả không hiểu đúng giáo pháp của Đức Thế Tôn¹ khi cho rằng con người có thể tái sinh làm một loài thảo mộc vô tri vô giác, từ đó phê phán nhà thơ là "thoái thác đối với kiếp làm người", là "ước mơ hão huyền xa vời trong kiếp Tái sinh – Luân hồi ..."².

Nghĩ rằng khi viết mấy câu thơ trên, Nguyễn Công Trứ không hề có ý muốn chuyển tải bất kỳ một nội dung giáo lý nào của Phật pháp, chúng tôi tiếp cận bài thơ theo một hướng khác để có thể hiểu rõ và đúng hơn tâm trạng, hoài bão và lý tưởng sống của tác giả.

Trước hết, cần tìm hiểu rõ hơn lý do không muốn làm người mà nhà thơ đã nêu ở hai câu đầu:

*"Ngồi buồn mà trách ông xanh,
Khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười".*

Cuộc đời thi bao giờ cũng vậy, luôn luôn có đủ niềm vui và nỗi buồn. Sống trong cuộc đời ấy, lúc thành công, người ta thường vui sướng nở nụ cười mãn nguyện; khi thất bại, người ta có thể khóc để cho tất cả buồn khổ trôi theo dòng nước mắt. Dù sống thủy chung, gắn bó với cuộc đời, Nguyễn Công Trứ đã không thể khóc, cười một cách thoải mái và tự nhiên như thế. Sau hơn bốn mươi năm sống trong cảnh nghèo của một hàn sĩ, ba mươi năm xuất chinh tiếp theo là khoảng thời gian Nguyễn Công Trứ chịu nhiều thăng giáng liên tục để nếm trải đủ nhục vinh, khóc cười lẫn lộn trên hoạn lộ, từ đỉnh cao của thành đạt là chức Tổng đốc Hải An đến "hố thẳm" của thất bại là thân phận người lính thú ở Quảng Ngãi. Thời hưu trí, dù đã ra khỏi "trường danh lợi vinh liên nhục" nhưng Nguyễn Công Trứ vẫn không thoát được "cuộc trần ai khóc lẫn cười". Năm 1852, nhớ

công ơn Nguyễn Công Trứ đã mộ dân khai khẩn đất hoang để lập nên xóm làng trù phú, dân huyện Tiền Hải dựng sinh từ để kỷ niệm rồi mời ông ra chơi và đón tiếp trọng vọng như một vị thánh sống. Tất nhiên là Nguyễn Công Trứ vô cùng hân hoan khi nhìn thấy thành quả mỹ mãn của công cuộc dinh điền mà ông đã thực hiện từ hơn 20 năm về trước. Nhưng tình cảnh oái oăm, trớ trêu của “*khí vui muốn khóc*” lại tái diễn một lần nữa ở đây. Vì có tên thị vệ sàm tấu Nguyễn Công Trứ có “*dị chí*” khi để cho dân chúng tổ chức đón rước linh đình, vua Tự Đức nghi ngờ lòng trung thành của ông, cho triệu hồi vị công thần về kinh để xét hỏi cho ra lẽ. Nhờ nhà vua còn có đủ sáng suốt để hiểu rõ tâm can của vị lão thần nên Nguyễn Công Trứ mới may mắn thoát khỏi cái chết bi thương và oan uổng. Sống qua một đời người có quá nhiều buồn vui, khóc cười lẫn lộn như vậy, vào lúc thư nhàn, Nguyễn Công Trứ có lý do để “*ngồi buồn*” mà “*ngán ngẩm cho kiếp người trôi nổi*.”³ Nhưng nhà thơ của chí nam nhi không có tâm trạng bi quan. Bởi lẽ, như thơ văn và cuộc đời của ông đã chỉ rõ, Nguyễn Công Trứ luôn luôn sống lạc quan tin tưởng, sẵn sàng đối đầu với nghịch cảnh, vượt qua mọi thử thách để thể hiện lý tưởng sống cao đẹp của một người hùng:

*“Đã hay đường thế thời ra thế,
Sạch nợ tang bồng mới kể người”.*

Chúng tôi nghĩ, khi sáng tác bài *Nhàn ngâm* này, Nguyễn Công Trứ không “*bất lực và thoái thác đối với kiếp người*.”⁴ Trái lại, thái độ chối từ làm người để được làm cây thông ở kiếp sau của nhà thi sĩ đã thể hiện nhiều hoài bão và ước mơ của con người sống trong cuộc đời. Nhà thơ muốn làm cây thông vì thông xanh tươi trên vùng đất sỏi đá khô cằn, thông hiên ngang trong mưa gió rét mướt, thông là biểu tượng của lý tưởng sống “*phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*” của bậc quân tử nho mà Nguyễn Công Trứ là một đại diện. Dùng thi ca để nói lên mong ước tái sinh làm cây thông, Uy Viễn tướng công như muốn thách đố người đời, như muốn nhắc nhở chúng ta hãy vượt qua mọi thử thách và gian nguy để sống vững vàng và có bản lĩnh trong cuộc đời này:

*“Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông”.*

Điều cần phân tích ở đây là cái đáng “*đứng giữa trời mà reo*” của cây thông. Để hiểu hết ý nghĩa của hình tượng văn chương này, chúng tôi thực hiện một liên hệ ngoài văn bản bằng cách trích dẫn câu văn biến ngẫu trong bài *Tài tử đa cùng phú* của Cao Bá Quát (?–1854):

“Ngán nhẽ kẻ tham bẽ khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực chốn hầu môn;

Quần bao kẻ mắng cái dâm danh, áo giới lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ”.

Cao Bá Quát cùng làm quan với Nguyễn Công Trứ dưới triều Thiệu Trị. Bức tranh quan lại triều Nguyễn

được Cao Bá Quát vẽ bằng gam màu tối như trên chính là trường danh lợi mà Nguyễn Công Trứ đã từng vào ra nhiều lần. Trong thời xuất chính, đã có khi nhà thơ biết thoát vòng danh lợi, vươn lên trên được mất và khen chê để sống “*ngất ngưỡng*” giữa triều đình. Tuy thế, trong suốt ba mươi năm làm tôi trung của nhà Nguyễn, dù không đến nỗi phải “*mỗi gối quỳ mòn sân tướng phủ*”, nhưng vị nho thần Nguyễn Công Trứ có thể đã hơn một lần “*ngiên mình đứng chực chốn*” triều đình, không dám mạnh dạn cất lên tiếng nói trí tuệ của bậc sĩ phu đã có lần tự tin, tự hào nhìn nhận “*kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung*,” để cuối cùng vì “*mắng cái dâm danh*” mà chỉ còn biết đứng lắng nghe đấng quân vương tự nhận là thiên tử mà phán những lời khiến trăm họ phải nghiêm chỉnh chấp nhận là ý trời, là khuôn vàng thước ngọc... Có phải vì đã trải qua một thời để cho cái “*khóa lợi*” trói buộc mà đành phải sống im lặng đến ở chốn triều đình, nên khi đã hồi hưu, nhà trí thức lỗi lạc của Việt Nam vào tiền bán thế kỷ XIX đã mong ước kiếp sau được sống đời tự chủ, tự do, không “*quỳ*” mà “*đứng*”, không “*ngiên mình đứng chực*” mà hiên ngang đứng thẳng để dũng cảm nói lên tiếng nói trung thực của mình, như cây thông kia “*đứng giữa trời mà reo*” trong gió mưa, sương tuyết?

Kết lại, qua bài *Nhàn ngâm* này, Nguyễn Công Trứ đã mượn kiếp sau và nhận thức về sự tái sinh của Phật học để trình bày lý tưởng sống nhập thế tích cực của Khổng học. Vì lẽ ấy, người đọc thơ có ý thức phải biết vượt qua ý nghĩa biểu hiện của văn bản là không muốn làm người ở kiếp sau để tìm đến ý nghĩa tiềm ẩn của tác phẩm là thông điệp mà Uy Viễn tướng công muốn gửi đến những ai đang có mặt ở cõi đời này: Hãy chiêm ngưỡng hình tượng cây thông mà tìm ra bài học về lý tưởng sống cao đẹp để xứng đáng với tên gọi là người. Cho nên nói không muốn làm người mà sự thật là Nguyễn Công Trứ muốn làm người một cách kiên cường, bất khuất. Có thể nói rằng ở đây nhà thi sĩ đã làm văn chương hiểu theo nghĩa là nói điều chưa nói bằng cách phủ nhận điều đã nói.

Chú thích

1. Sự thật là Nguyễn Công Trứ đã có kiến thức đúng đắn và sâu rộng về Phật học. Bằng chứng là vào những năm cuối thời hưu trí, sau khi bị triệu về kinh vì có tên thị vệ vu khống tội mưu phản, Nguyễn Công Trứ trở về quê cũ là làng Uy Viễn, “*bỏ tiến tu sửa chùa Viên Quang và chùa Trung Phú, làm mấy gian nhà tranh ngay bên chùa để ở, thường cùng các Hòa thượng đàm đạo kinh Phật*” (Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huế, *Việt Nam ca từ biên khảo*, Tgxb, Sài Gòn, 1962, tr. 625 – 626). Có thể bài hát nói *Vịnh Phật* thể hiện sâu sắc tư tưởng Phật giáo Đại thừa đã được tác giả sáng tác trong giai đoạn này.

2, 3, 4. Đặng Ngọc Anh, *Về ý thơ “Kiếp sau xin chớ làm người/Làm cây thông đứng giữa trời mà reo”, Pháp luân* số 80, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, TP.HCM, 2011, tr. 69 – 78. ■

Con đường của những thực nghiệm an lạc

YẾN NHI

Đức Phật nói cho chúng ta biết rằng con đường Giới-Định-Tuệ hay giáo pháp (Dhamma) do Ngài giảng dạy là tuyệt đối an lạc dành cho hết thảy mọi người bởi tính chất hiển thiện tốt đẹp của nó. Nó được mệnh danh là con đường “sơ thiện, trung thiện, hậu thiện”, “thiết thực hiện tại”, “đến để mà thấy”, “có khả năng hưởng thượng”, “được người có trí tự mình chứng nghiệm”, “chơn chánh đưa người thực hành diệt tận khổ đau”. Chính vì nó hiển thiện ở chặng đầu, hiển thiện ở chặng giữa, hiển thiện ở chặng cuối, cho nên người nào nỗ lực tu tiến được chừng nào thì nhận được lợi ích an lạc chừng đó. Tu được một ngày thì cảm nhận an lạc một ngày¹. Đi được một bước thì nhận được lợi ích một bước². Để cập về lợi ích thiết thực của nếp sống tuân giữ giới luật, Đức Phật khẳng định: “Này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, các học giới không phải là rỗng không”³.

Khởi đầu bằng thiện giới (sila), tức một lối sống chân chánh hiển thiện, không phạm điều sai xấu về thân, về lời, về ý, đường hướng giáo dục của Đức Phật giúp con người cảm nhận ngay những cảm giác an ổn thanh thản, mở ra cho mọi người một hướng đi của những thực nghiệm an lạc, ngày càng sâu lắng và tinh tế cho đến khi tâm thức hoàn toàn được tự do và thanh thản. Đó là hướng đi của đạo đức hay thiện giới (thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác) đưa đến cảm thức không hối tiếc, không hối tiếc đưa đến hân hoan, hân hoan đưa đến hoan hỷ, hoan hỷ đưa đến khinh an, khinh an đưa đến an lạc, an lạc đưa đến thiền định, thiền định đưa đến tri kiến như thật, tri kiến như thật đưa đến nhàm chán, ly tham, nhàm chán, ly tham đưa đến giải thoát và giải thoát tri kiến. Tính chất hiển thiện lợi lạc

của toàn bộ con đường được Đức Phật minh định rất rõ qua cuộc thỉnh vấn của Tôn giả Ānanda⁴:

- Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc, có lợi ích không có hối tiếc.
- Nhưng bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, không có hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.
- Nhưng bạch Thế Tôn, hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.
- Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.
- Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có ích lợi an lạc.
- Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.
- Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.
- Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham.
- Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?
- Này Ānanda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ananda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham, có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ananda, các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng. Như vậy, này Ananda, các thiện giới thứ lớp đưa đến tối thượng.

Các giải đáp và đức kết mang tính thực nghiệm của Đức Phật cho ta biết rằng đạo giáo do Ngài giảng dạy là một hướng đi an lạc tuần tự, được thiết lập trên nền tảng giới đức hướng thượng (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không có các tư tưởng tham dục, sân hận, tà kiến) đưa đến sự phát triển tâm thức và khai mở trí tuệ, phục vụ cho mục tiêu giải thoát, giác ngộ. Đó là hướng đi xuyên suốt của những cảm nghiệm thanh thản an lạc xuất phát từ lối sống đạo đức hiển thiện, một hướng đi làm thăng hoa cuộc sống, trực tiếp mang lại cho con người những cảm nghiệm an ổn, hân hoan, hoan hỷ, khinh an, an lạc, khiến tâm tư được định tĩnh, trong sáng, thuần tịnh, khiến trí tuệ hay tri kiến như thật phát sinh và tăng trưởng, đưa đến tâm ly tham, buông xả, giải thoát và cảm thức biết mình đã giải thoát gọi là giải thoát tri kiến. Đó là hướng đi của thân tâm an lạc, tuần tự đưa con người đến mục tiêu giải thoát tối hậu. Nói cách khác, đó là đạo lộ của hạnh phúc, là tiến trình khai mở và hoàn thiện các phẩm chất giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức của con người.

Về kết quả lợi lạc hết sức tự nhiên của việc theo đuổi con đường Giới-Định-Tuệ hay giáo pháp hiển thiện của Ngài, Đức Phật xác nhận rất rõ:

“Này các Tỷ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: “Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không hối tiếc sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: “Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, hân hoan sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, với người hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: “Mong rằng hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có hân hoan, hoan hỷ sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, với người có ý hoan hỷ, thân được khinh an. Này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng





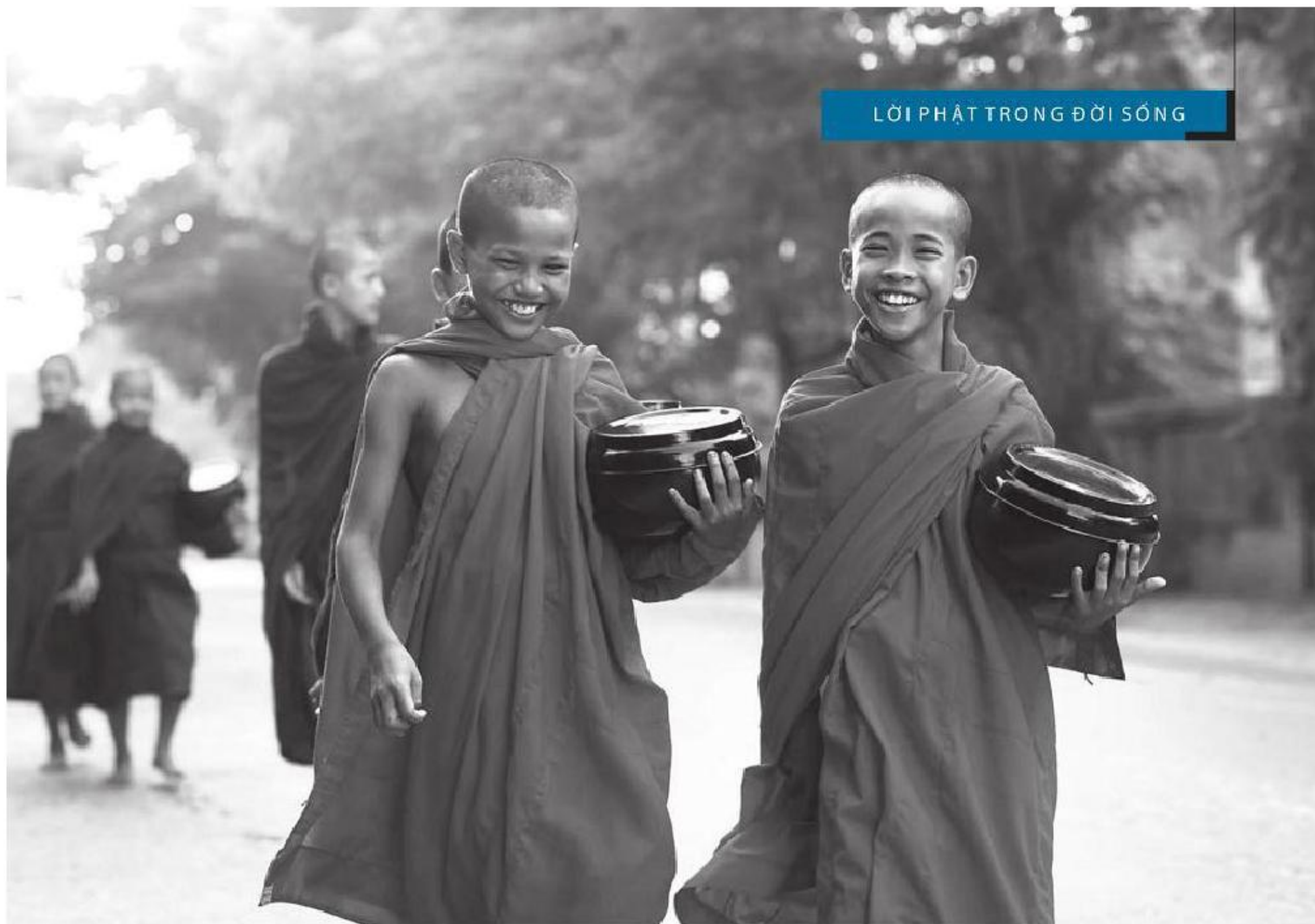
ý rằng: “Mong rằng ta cảm thọ an lạc”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ. Này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: “Mong rằng tâm ta được Thiền định”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, tâm được Thiền định. Này các Tỷ-kheo, với người có Thiền định, không cần phải làm với dụng ý: “Mong rằng ta biết, ta thấy như thật”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có tâm Thiền định, người ấy biết và thấy như thật”. Này các Tỷ-kheo, với người biết và thấy như thật, không cần phải làm với dụng ý: “Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người biết và thấy như thật, người ấy nhàm chán và ly tham. Này các Tỷ-kheo, với người nhàm chán, ly tham không cần phải làm với dụng ý: “Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến”. Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người nhàm chán, ly tham, người ấy chứng ngộ giải thoát tri kiến. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các pháp khiến cho các pháp khác tăng thịnh; các pháp khiến các pháp khác viên mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia.”⁵

Nhìn chung, con đường hay giáo pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy là hướng đi căn bản lợi lạc cho hết thảy mọi người, có khả năng giúp con người thực hiện những bước đi thanh thản an lạc trên lộ trình hoàn thiện nhân tính, hoàn thiện cuộc sống, hướng đến mục tiêu giải thoát hoàn toàn mọi khổ đau. Đó là hướng đi của đạo đức hiền thiện, của sự chuyển hóa tâm thức, của sự thực nghiệm an lạc tự nội, của tuệ giác giải thoát, lần

lượt đưa con người đạt đến mục đích cứu cánh giác ngộ. Chính Đức Phật đã tự thân khám phá và đi trọn con đường này bằng đôi chân của mình. Vì vậy, theo kinh nghiệm của Phật thì con người không cần phải khẩn nguyện hay cầu mong điều gì cả, mà hãy kiên trì đặt để những bước đi vững chắc trên con đường mà Ngài đã chỉ dạy thì an lạc sẽ đến và ở bên ta. Nói khác đi, Phật khuyên mọi người hãy sống chơn chánh hiền thiện, có đạo đức, có giới đức để thiết lập và thực nghiệm một cuộc sống hạnh phúc an lạc; vì khi con người sống có đạo đức, có giới đức thì tự nhiên sẽ có được tâm hồn thanh thản, không ăn năn, không hối tiếc; sẽ có được niềm hân hoan, hoan hỷ, khinh an, an lạc; sẽ có được tâm tư định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng; sẽ có được trí tuệ hay tri kiến như thật; sẽ đạt đến tâm ly tham, giải thoát và giải thoát tri kiến. Đây chính là hướng đi thứ lớp của sự thực nghiệm hạnh phúc an lạc tự nội, hướng đi của sự thăng tiến đạo đức, phát triển tâm thức, khai mở trí tuệ, giải thoát khổ đau mà Đức Phật mong muốn mọi người nỗ lực thực hiện trong cuộc đời.

Chú thích:

1. Kinh *Buổi sáng tốt đẹp*, Tăng Chi Bộ.
2. Kinh *Hữu học*, Tăng Chi Bộ.
3. Kinh *Hữu học*, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh *Có lợi ích gì*, Tăng Chi Bộ.
5. Kinh *Nghĩ với dụng ý*, Tăng Chi Bộ. ■



Gốc khổ, vui

THIỆN TÀI

Luận *Phân biệt công đức* có chép lại câu chuyện như sau:

Có một vị Tỳ-kheo tu tập thiền quán trong vùng chôn cất tử thi. Một đêm nọ trong lúc vị Tỳ-kheo đang quán bất tịnh nơi các tử thi thì từ đâu xuất hiện một con quỷ đói. Con quỷ trông thật gớm ghiếc đi đến một tử thi và đánh tử thi với vẻ căm giận, vị Tỳ-kheo trông thấy thế hỏi:

- Tại sao lại đánh tử thi đó?

Con quỷ đáp:

- Tử thi này làm khổ tôi như vậy nên tôi đánh nó.

- Người nói thế nghĩa là sao? - Vị Tỳ-kheo ngạc nhiên hỏi.

- Tử thi này là thân xác của tôi lúc còn sống. Vì nó mà tôi tạo tác biết bao ác nghiệp để bây giờ phải chịu khổ thế này.

Nghe con quỷ nói thế, vị Tỳ-kheo bảo:

- Sao không đánh tâm của người, đánh tử thi nào có ích gì?

Một lúc sau có một thiên nhân đến rải hoa trời Mạn-đà-la lên một tử thi khác. Vị Tỳ-kheo ngạc nhiên hỏi:

- Vì cớ gì rải hoa lên tử thi hôi thối ấy?

Vị thiên nhân đáp:

- Tôi nhờ tử thi này mà được sinh lên cõi trời. Tử thi này là bạn lành của tôi, cho nên tôi đến rải hoa báo đáp.

Vị Tỳ-kheo hỏi:

- Sao lại nhờ tử thi này mà được sinh thiên?

Vị thiên nhân đáp:

- Tử thi này là thân xác của tôi lúc còn sống. Nhờ có nó mà tôi tu phước, tạo nhiều thiện nghiệp, nên sau khi chết được sinh lên cõi trời.

Vị Tỳ-kheo nói:

- Sao chẳng đem hoa rải trong tâm mình, lại đi rải lên tử thi hôi thối? Tâm mới là cái gốc tạo thiện ác chứ đâu phải cái thân kia. Sao lại bỏ gốc tìm ngọn vậy!

Nhờ có thân người mà chúng ta có thể tạo nghiệp. Nhưng nghiệp lại có nghiệp thiện hoặc nghiệp ác; từ đó nghiệp thiện dẫn dắt chúng ta vào đường vui, còn nghiệp ác lại đưa đẩy chúng ta vào đường khổ. Tuy nhiên, thân người chỉ là công cụ, là phương tiện; còn động cơ tạo nghiệp, nguồn gốc bộ máy vận hành tạo nghiệp chính là tâm ý của con người. Tâm ý chỉ đạo cho thân hành động. Tâm ý sinh khởi ý niệm thiện thì dẫn dắt thân hành động thiện; tâm ý sinh khởi ý niệm ác thì dẫn dắt thân hành động ác. Trong câu chuyện trên, vị Tỷ-kheo khai thị cho con quỷ biết rằng chính vì cái tâm tạo ác nghiệp mà nó phải bị đọa làm loài ngạ quỷ. Vị Tỷ-kheo cũng khai thị cho vị thiện nhân kia biết chính nhờ cái tâm biết tạo thiện nghiệp, khéo tu tập mà ông ta được sinh lên cõi trời.

Trong kinh *Pháp cú*, Đức Phật dạy: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình” (Kệ 1 và 2).

Trong kinh *Di giáo*, Đức Phật cũng dạy: “Tâm là chủ của năm căn, thế nên các người phải khéo chế phục tâm mình” (Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố như đẳng đương hảo chế tâm). Chế phục tâm mình như thế nào? Đó là: “Không làm các điều ác, chăm làm các điều lành, giữ tâm ý trong sạch” (Kinh *Pháp cú*, kệ 183). Người tu học Phật làm các việc như tụng kinh, niệm Phật, hành thiện, bố thí, trì giới, nhẫn nhục v.v. dùng nhiều pháp môn phương tiện chẳng qua là để chế phục tâm mình, không để cho tâm mình đi hoang, không để cho tâm mình rơi vào các pháp bất thiện. Nếu không chế phục tâm mình, không lấy tâm làm nền tảng tu tập thì dù có làm bao nhiêu việc cũng không thể xem là việc làm công đức, thực hành bao nhiêu pháp môn cũng không thành tựu Phật đạo, luống công vô ích, việc làm dễ rơi vào ma sự. Người tu học Phật phải biết tâm là gốc, tâm là căn bản, phải dụng tâm chứ không phải dụng công, phải chế phục tâm mình bằng cách hướng tâm đến các thiện pháp, hướng tâm đến Như đạo, Thiên đạo, Thánh văn, Duyên giác, Bồ-tát đạo, Phật đạo, những con đường đưa đến an lạc hạnh phúc chân thật.

Trong kinh *Bát đại nhân giác* (Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân), điều giác ngộ thứ nhất của bậc đại nhân là: “Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tấu” (tâm là nguồn sinh ra các việc ác bất thiện, thân là rừng chứa các nghiệp, tội). Có thể nói thân như con trâu, tâm như người chăn. Người chăn cột mũi con trâu, dắt con trâu đi đâu thì con trâu đi đó, dắt con trâu vào chỗ lúa mạ thì con trâu sẽ ăn lúa mạ làm hại ruộng đồng; dắt con

trâu vào chỗ cỏ cây hoang dại, lùm bụi thì con trâu ăn cỏ cây hoang dại giúp ích cho con người. Cũng vậy, nếu tâm con người hướng đến điều thiện lành, tâm dẫn dắt thân con người làm điều thiện lành thì sinh ra công đức, phước báu. Các công đức, phước báu đó sẽ vun bồi cho báo thân đời này và đời sau (thân đang thọ nhận ở hiện đời và thân ở những đời sau) được tốt đẹp. Nếu tâm con người hướng đến điều ác, bất thiện, tâm dẫn dắt thân làm điều ác, bất thiện trái ngược đạo đức, phá hủy các thiện pháp, tổn hại các công đức, phước lành thì bao nhiêu tội lỗi, nghiệp chướng sẽ chồng chất cho thân gánh chịu. Thân đời này và những đời sau sẽ thừa hưởng tất cả nghiệp báo mà mình đã tạo. Cũng như điều Đức Phật cho biết trong kinh *Trung A hàm*: “Chúng sinh là người thừa kế hành động mình, là người mang chịu hậu quả của hành động mình, và từ hành động mình như một bào thai, chúng sinh được sinh ra”. Câu chuyện về hai con quỷ nói trên đã minh chứng rõ điều này.

Tuy tâm là nguồn gốc sinh ra các điều thiện và cũng là nguồn gốc sinh ra các điều ác, bất thiện; tâm dẫn dắt, thúc đẩy thân tạo nghiệp tốt hay xấu để rồi chiêu cảm quả báo hạnh phúc hay khổ đau, nhưng tâm chúng sinh thường hướng về điều ác, bất thiện nhiều hơn hướng về điều thiện, chính vì thế chúng sinh khổ nhiều hơn vui. Vì lẽ đó mà lời kinh như nhắc nhở chúng sinh hãy luôn ghi nhớ và cảnh giác: “Tâm là nguồn gốc sinh ra các việc ác, thân là rừng nghiệp, tội” (Tâm thị ác nguyên, hình vi tội tấu).

Chính vì chúng sinh để cho tâm mình trở thành nguồn sinh ra điều xấu, ác, để cho tâm dẫn dắt, thúc đẩy thân tạo các nghiệp ác, bất thiện, cho nên thân phải chịu nhiều khổ đau, như lời cảnh sách của Tổ Quy Sơn (*Quy Sơn cảnh sách*) có nói: “Vì nghiệp mà thọ thân, cho nên chưa khỏi khổ lụy về thân” (Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy). Cái khổ về thân (hình lụy) ở đây là gì? Đói, khát, lạnh, nóng, đau yếu bệnh hoạn, già nua, chết chóc, lo lắng não phiền v.v. Có vô số nỗi khổ niềm đau mà Đức Phật nói tựu trung lại thành tám cái khổ lớn (bát khổ): sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì thương yêu mà phải xa lìa (sinh ly, tử biệt), khổ vì mong cầu mà không toại nguyện, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì năm ấm hoành hành (năm ấm hay năm uẩn là: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm ấm vốn vô ngã nên vô thường, nên khổ). Đã mang thân thì phải chịu khổ vì thân.

Trong khi tâm là nguồn động cơ tạo nghiệp thì thân là phương tiện tạo nghiệp dẫn đến muôn sự khổ. Trong quá khứ nhiều đời nhiều kiếp cho đến bây giờ, thân tạo ra vô số nghiệp để rồi không ngừng thọ lãnh quả báo khổ đau, thân trở thành nơi cất chứa biết bao cái khổ. Khi đã mang thân người thì không ai tránh khỏi cái khổ của sinh, già, bệnh, chết, khổ não ưu phiền v.v. Dù thế, khi mang thân con người vẫn không ngừng tạo nghiệp



để rồi tiếp tục gánh lấy khổ đau. Con người vẫn tham lam, sân hận, đố kỵ, ganh ghét, thù hận... từ trong quan hệ giữa cá nhân với cá nhân cho đến phạm vi gia đình, cộng đồng, xã hội, dân tộc, quốc gia và thế giới.

Tuy nhiên trong kinh *Tương Ưng V*, Đức Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo như sau:

- Này các Tỳ-kheo, ví như có một người ném một khúc gỗ có một lỗ hổng vào biển lớn. Tại đó có con rùa mù sau một trăm năm nổi lên một lần. Các ông nghĩ thế nào, con rùa mù ấy sau một trăm năm nổi lên một lần có thể chui đầu vào khúc cây có một lỗ hổng hay không?

Các thầy Tỳ-kheo trả lời:

- Bạch Thế Tôn, sau một thời gian dài, năm khi mười họa may ra có thể được.

Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng con rùa mù ấy sau một trăm năm nổi lên một lần có thể chui đầu vào khúc gỗ có một lỗ hổng ấy còn dễ hơn, mau hơn một chúng sinh bị rơi vào đọa xứ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) được trở lại làm người. Vì sao? Vì ở đó không có pháp hành, chánh hạnh, thiện nghiệp, phước nghiệp. Ở đó chỉ có ăn thịt lẫn nhau và những chúng sinh yếu bị ăn thịt.

Qua câu chuyện trên, Đức Phật đã cho chúng ta biết rằng, tuy thân người là phương tiện tạo nghiệp ác, bất thiện dẫn đến muôn vàn nỗi khổ niềm đau (ý suy nghĩ, phát động; thân thực thi, hành động), là nơi cất chứa nhiều tội nghiệp (vì yêu chuộng thân, vì cung phụng cho

thân mà tạo nghiệp bất thiện), nhưng thân người cũng là phương tiện để tu tập, để tạo tác các nghiệp thiện lành đem lại an lạc hạnh phúc cho con người. Có được thân người là có được điểm phúc lớn lao, có được cơ hội để làm thăng hoa đời sống của mình nếu như biết nhận thức thân người khó có được, thân người là phương tiện tốt cho sự cải tạo, xây dựng, tiến tu. Nhờ có thân người, nhờ sinh trong cõi người mà có được điều kiện xây dựng nền tảng cho những đời sống cao hơn trong tương lai, ví dụ như tạo công đức, phước báu để sinh về các cõi trời, hoặc tu học Phật pháp để giác ngộ giải thoát). Nếu như vô phước, nhiều tội nghiệp phải sinh vào cõi địa ngục, ngạ quỷ hay súc sinh thì không có được những điều kiện, cơ hội để làm thăng hoa đời sống của mình, tiến đến những đời sống cao thượng nhiều an vui.

Từ xưa đến nay, những bậc hiền trí đều giác ngộ được thân và tâm là gốc của sự khổ, sự vui (đau khổ và hạnh phúc). Sự tích cực cải tạo, hoàn thiện bản thân theo chiều hướng tốt đưa đến an lạc, hạnh phúc cho đời sống hiện tại và tương lai là điều cần phải luôn quan tâm phấn đấu. Chúng ta phải luôn ghi nhớ lời Đức Phật: "Trong chính cái thân nhỏ bé này cùng với tâm và trí giác, Như Lai công bố, thế gian, sự khởi phát của thế gian, sự chấm dứt của thế gian và con đường dẫn đến sự chấm dứt ấy" (*Kinh Tăng nhất A hàm*). Sự kiến tạo nên chúng sinh và thế giới không thể tìm thấy ở bất cứ nơi đâu ngoài cái thân con người nhỏ bé này với tâm và trí giác. ■



Biết ơn và biết báo ơn

NGUYỄN THẾ DĂNG

“Vì này biết ơn, biết báo ơn, hiền hòa dễ sống cùng, thành thật, dịu dàng, không tạp loạn, không kiêu mạn, dễ dàng lĩnh hội ý kiến nói về mình, khéo nắm hiểu ý nghĩa trong lời của người nói”.

Đây là một câu trong hơn mười trang nói về Bồ-tát Đệ tứ địa trong phẩm *Thập Địa* của *Kinh Hoa Nghiêm*.

Biết ơn và biết báo ơn. Không ít người trong chúng ta ngạc nhiên khi thấy rằng biết ơn và biết báo ơn, điều ai cũng đã từng học từ tiểu học và những năm đầu

trung học, lại phải đến tầng thánh thứ tư trong mười tầng thánh Bồ-tát mới thật sự nhận thức và làm được.

Điều này cũng nói lên rằng trên con đường tự hoàn thiện của con người, biết ơn và biết báo ơn là không thể tránh, và càng lên cao thì đức tính biết ơn biết báo ơn càng sâu rộng thêm mà thôi. Biết ơn và biết báo ơn là một điều khiến người ta có thể xem đó để đánh giá sự trưởng thành của một con người hay của một xã hội.

Ở đây chúng ta chỉ thảo luận sự biết ơn và biết báo ơn ở mức độ con người bình thường của chúng ta, mặc

dù biết rằng biết ơn và biết báo ơn cần phải được triển khai ở mức độ cao hơn và cao hơn nữa cho đến khi trở thành hoàn thiện.

Chúng ta đã học biết ơn và báo ơn từ nhỏ. Thế nhưng tại sao lớn lên hình như chúng ta đã quên nó, đến độ nó không hiện diện trong đời sống chúng ta nữa, nó không còn là động lực sống và mục đích sống của cuộc đời chúng ta nữa. Chúng ta đã không nuôi trồng, trưởng dưỡng (cultiver) nó, thế nên chúng ta cũng có ít văn hoá (la culture).

Tại sao chúng ta không biết ơn? Chúng ta không thấy cần biết ơn báo ơn bởi vì những ý tưởng sai lầm và không thật (vọng tưởng) che lấp cái nhìn của chúng ta. Chúng ta nghĩ sai lầm rằng chúng ta hiện hữu là tự mình, sinh sống là tự mình, làm việc là tự mình, từ lúc sinh ra cho đến già chết chẳng có nhờ ai cả.

Nhưng sinh ra là nhờ cha mẹ. Được nuôi dưỡng và lớn lên thành người là do gia đình, xã hội và môi trường chung quanh. Chúng ta chẳng thể nào tự mình hiện hữu vào bất cứ lúc nào, từ khi sanh ra cho đến lúc chết. Tất cả mọi thứ chúng ta có trong lúc này đây đều là từ người khác. Thiếu vài hơi thở vào là chết. Mà không khí thì tùy thuộc vào nhiều thứ, những cánh rừng, sự xả khói của xe cộ, nhà máy, sông, biển... Tất cả những thứ gần ta mà ta đang sử dụng và hưởng thụ đây, đều là do sự làm việc của mọi người trên trái đất: cây viết, cuốn sách, TV, internet, tách trà...

Chúng ta hiện hữu, nghĩa là chúng ta hiện hữu tùy thuộc vào tất cả mọi cái khác, mọi người khác, mọi điều kiện khác. Bất kỳ cái gì khác đó biến đổi, xuống cấp thì chúng ta phải biến đổi, xuống cấp theo. Tất cả cái chúng ta có, tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, nếm, ngửi, hiểu biết... đều bắt nguồn từ người khác, từ cái khác. Thậm chí việc biết ơn, báo ơn mà chúng ta đang thảo luận đây cũng chẳng thể nào có được nếu không có những người khác.

Nguyên nhân chính của sự không biết ơn là chúng ta lầm tưởng mình tự hiện hữu, không thấy rằng sự hiện hữu của mình luôn luôn do những cái khác, nhờ những cái khác, nghĩa là chúng ta không thấy sự thật duyên sanh.

Không thấy sự thật duyên sanh nên càng sống chúng ta càng quy mọi sự về mình, tự lầm mình là trung tâm của đời sống. Đau đớn thay, đó là một trung tâm biệt lập, tách lìa, và do đó, xung đột với đời sống chung quanh. Càng sống chúng ta càng củng cố cái ta vọng tưởng này. Nó vọng tưởng vì nó nghĩ rằng nó tự hiện hữu, độc lập và cô lập. Đó là thái độ chấp vào cái ta, và do đó, cái của ta, mà đạo Phật gọi là không hiểu biết, vô minh. Để có cái nhìn khách quan hơn, chúng ta phải tỉnh táo nhận ra thái độ quy ngã này và dần dần thấy ra duyên sanh. Sống bằng cái thấy duyên sanh là sống một cách khách quan, không mê lầm. Tôi cô độc, người ta đối xử không tốt với tôi, cuộc đời bất công với tôi, tôi khổ đau, tôi thất vọng... mọi xúc cảm tiêu cực đều do sự cố chấp không thấy duyên sanh, đều do không có

trí huệ nhận ra đời sống là duyên sanh. Đời sống là duyên sanh nên trung tâm của đời sống là ở khắp tất cả.

Điều thứ hai khiến chúng ta không cảm thấy biết ơn là chúng ta không có tình thương. Lòng chúng ta nóng cạn và khô khan như một sa mạc.

Tình thương là sự liên kết thực sự giữa người này và người khác, giữa con người và thế giới. Không có tình thương sẽ không có một sự nối kết nào cả, không có một sự thông thương, trao đổi, thông cảm, thông đồng nào cả. Nghĩa là không có sự sống, không có sinh hoạt. Nếu tất cả mọi người, mọi vật đều biệt lập với nhau thì làm sao thực sự có gia đình, xã hội, thế giới? Khi chúng ta biệt lập, xa lìa với mọi người, mọi vật thì đó cũng là lúc chúng ta biệt lập, xa lìa với chính bản thân chúng ta.

Cho nên để có một thế giới hài hòa, một nhóm người chung sống hài hòa, chúng ta phải có tình thương. Chúng ta phải tìm ra và bơm hút mạch nước tình thương lên mỗi ngày, để sống với người này người khác, để sống với thế giới sự vật và máy móc vô hồn càng lúc càng chiếm nhiều chỗ trong thế giới này. Cho đến lúc tình thương là một hiện hữu thực sự và thường trực, một hiện hữu nền tảng cho cuộc sống nảy nở, phát triển, trở bông, thì lúc đó chúng ta mới thực sự sống trong một thế giới có sự sống. Cho đến khi tình thương bao trùm mọi hiện hữu và chuyển hóa thế giới vô tri vô giác thành hoạt trường của sự sống, khi ấy chúng ta mới biết ý nghĩa và mục đích của đời sống và của chính chúng ta.

Có thể nào những phản ứng của giác quan và ý thức của chúng ta là những phản ứng của tình thương? Đó là đời sống đích thực.

Chúng ta không biết ơn vì chúng ta thiếu trí huệ và tình thương. Khi có trí huệ và tình thương, sức mạnh của chúng cho phép chúng ta đủ sức báo ơn. Trí huệ và tình thương không phải là một vài ý tưởng cao đẹp khi có khi không, mà chúng là những thực tại luôn luôn hiện diện, như là nền tảng của cuộc đời chúng ta. Biết ơn và báo ơn là một phương diện của thực tại trí huệ và tình thương.

Trí huệ và tình thương càng sâu thẳm và bao la thì sự biết ơn và báo ơn càng sâu thẳm và bao la. Và như thế, đời sống chúng ta trở thành sâu thẳm và bao la. Lúc ấy cuộc sống chúng ta là một lời cảm ơn bất tận với toàn bộ đời sống. Khi chúng ta biết ơn thế giới thì chúng ta có thế giới và chúng ta là thế giới. Đó là hạnh phúc.

Tóm lại, nhờ trí huệ thấy biết duyên sanh, chúng ta thấy biết đời sống như một toàn thể bất khả phân và nhờ tình thương nối kết được với đời sống như một sự sống muôn ngàn hình trạng, chúng ta có sự biết ơn và báo ơn. Ngược lại, nhờ đi từ sự biết ơn và báo ơn mà chúng ta chứng nghiệm đời sống như một toàn thể, toàn thể của trí huệ và tình thương. Khi biết và sống đời sống như một toàn thể, chúng ta thoát khỏi một cái ta tù túng, nặng nề và lừa dối. Khi ấy biết ơn và báo ơn là một biểu lộ của tự do và niềm vui. ■

A Di Đà Phật

HOÀNG TÁ THÍCH

Lục tổ Huệ Năng một hôm thấy hai học tăng đang cãi nhau. Khi thấy lá cờ bay trong gió, một người nói gió động; người kia nói gió không động mà cờ động. Ngài Huệ Năng phân giải, “gió không động mà cờ cũng không động, chỉ có tâm các ông động mà thôi”. Đúng là chỉ khi tâm mình động thì người ta mới tranh cãi những chuyện như thế.

Một người bạn đã nói với tôi nhân lúc phải nghe những chuyện trà dư tửu hậu có phần không đúng sự thật trong những chuyến đi làm từ thiện: “Phiền não do mình mà ra. Nếu mình không nghe hoặc tâm đủ an tĩnh đến có thể bỏ ngoài tai những chuyện không đáng thì có bao giờ phải phiền não đâu”.

Nghe đơn giản thật, nhưng vấp phải chuyện có liên quan đến bản thân mình thì không phải dễ dàng gì.

Trong cuộc sống tục lụy bây giờ, tâm con người thật dễ bị động. Người làm thương mại, không lúc nào là không bị “nhức nhích” với vật giá thị trường, chứng khoán, cổ phiếu, tiền, vàng lên xuống bất thường. Chưa nói đến thua lỗ hoặc bị lường gạt... trong chuyện làm ăn. Như thế đã đành. Trong những câu chuyện giao du bề bạn hằng ngày, chỉ những câu nói qua nói về không đâu, đôi khi vô tình “tam sao thất bốn” cũng dễ làm người ta động tâm, huống chi là những câu chuyện có tính cách xuyên tạc làm hại người khác để đem lợi về mình. Đôi khi tâm còn động vì quá vọng tưởng. Có người làm một việc tốt, kể cả đi làm từ thiện giúp đỡ kẻ khác, tưởng không cầu lợi, nhưng lại cũng mong muốn có người biết và tán dương công đức. Không được như thế cũng sẽ động tâm mà sinh lòng sân hận.

Có được Tâm vững mạnh để không bị ảnh hưởng đến những chuyện tục lụy không phải là đơn giản.

Trong giai thoại Thiền, có câu chuyện của Thiền sư Phật Ấn với danh sĩ Tô Đông Pha. Thiền sư Phật Ấn tu ở chùa Kim Sơn (Dương Châu, Trung Quốc) giao du rất thân tình với danh sĩ Tô Đông Pha. Một hôm Tô Đông Pha cảm



thấy mình cũng đã đạt đến một mức thiền định cao, bèn làm một bài thơ về Thiền, trong đó có câu “Tám gió không lay động” ý nói tâm mình rất tĩnh, viết ngay lên giấy và sai thư đồng đem qua để Thiền sư Phật Ấn xem. Ngài Phật Ấn xem xong, viết vào giấy mấy chữ “đổ đánh rắm” và cho đưa về lại. Tô Đông Pha nổi giận, đang đêm chèo thuyền đến chùa hỏi Ngài Phật Ấn: “Bài thơ tại hạ làm hay như thế sao Ngài lại bỡn cợt?”. Ngài Phật Ấn cười: “Ông bảo là Tâm ông tám gió không lay động mà sao chỉ một cái đánh rắm cũng làm cho ông la hoảng lên thế?”.

Xem ra, lòng tự ái, chính là chấp ngã rất dễ làm người ta động tâm.

Dư luận cũng thường rất dễ làm lung lạc lòng tin của con người.

Ngày xưa, học trò của Đức Khổng Tử có ngài Tăng Sâm, là một bậc chính nhân quân tử. Bà mẹ Tăng Sâm hoàn toàn tin tưởng vào tư cách con mình. Một hôm bà đang ngồi chẻ củi. Một người đi ngang qua la lớn: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ nghe nhưng không thèm để ý đến. Một người thứ hai chạy ngang lại la lớn: “Tăng Sâm giết người”. Bà mẹ vẫn để ngoài tai, vì tin chắc con mình không bao giờ làm nên chuyện như thế. Nhưng khi người thứ ba đi ngang, nói lớn: “Tăng Sâm giết người” thì bà mẹ không thể nào bình thản được nữa và cuối cùng phải chạy đi tìm hiểu sự thật; bấy giờ mới biết quả thật có một kẻ giết người trùng tên với con bà là Tăng Sâm.

Đó là chuyện nghe ngoài đường mà còn hoài nghi, huống gì nghe từ chính những người thân với mình. Có một người muốn chia rẽ mình với một người bạn khác, chỉ cần vu khống, nói là bạn nói xấu mình một điều gì đó. Nửa tin nửa ngờ. Nói nhiều lần, kết hợp nhiều chuyện thấy có vẻ ăn khớp thì cả tin ngay. Khẩu nghiệp vốn là nghiệp lớn nhất trong tam nghiệp. Ý nghiệp chỉ hại cho bản thân, hành nghiệp có thể làm hại một số người khác. Khẩu nghiệp là nghiệp nặng nề nhất, không những làm hại cho bản thân mà có thể hại vô số người khác chỉ vì một câu nói không nên nói của mình. Người bị động tâm sẽ trở thành vô minh, không còn sáng suốt để phân tích, phán đoán mọi việc.

Hiểu rõ người khác, ngay cả hiểu đúng người thân của mình để không bị động tâm, không phải là một chuyện đơn giản.

Đọc chuyện *Tam Quốc*, thấy Từ Thứ là một hiền tài. Nhưng khi Từ Thứ đọc thư của Tào Tháo giả mạo bà mẹ mà phải bỏ Lưu Bị để qua đầu Tào mới thấy vẫn còn là con người thấp trí. Ở với mẹ bao lâu mà không hiểu rõ về mẹ mình đến phải mắc mưu Tào Tháo. Cho dù người ta bảo Từ Thứ vì quá hiếu đạo mà phải mắc mưu, thì vẫn thấy không hiểu được cái tiết tháo của mẹ mình, cũng không thể là một người con hoàn toàn hiếu thảo.

Khổng Minh đúng là người tài. Biết rõ tính cách Quan Công một cách tường tận, nên đã phân công cho Quan Công chặn đường Hoa Dung trong trận Xích Bích để Quan Công tha chết cho Tào Tháo, vì biết số Tháo chưa tận. Biết Ngụy Diên là người phản, nên đã tính kế giết Ngụy Diên ngay sau khi chính mình vừa qua đời.

Bạn bè thì dễ, tri kỷ khó tìm. Giá như bạn bè có thể hiểu rõ mình như Khổng Minh hiểu Quan Công thì đâu có những chuyện mất lòng nhau lằng nhằng trong cõi giao du bè bạn.

Đã không có được người hiểu mình thì phải cố gắng đừng để bị động tâm.

Trong những giai thoại về Phật pháp, có chuyện một người đàn bà chùa hoang bị dân chúng lên án, không biết đổ cho ai, phải trút lên đầu một nhà sư trong ngôi chùa gần đấy. Nghe nói người đàn bà có mang với mình, nhà sư chỉ cười: “Thế à!”. Đến lúc đứa bé ra đời, người đàn

bà đến chùa bảo nhà sư “con ông đấy”. Nhà sư lại cười: “Thế à”. Sau một thời gian, đứa con được người cha thừa nhận, người đàn bà đến chùa xin lỗi, nhà sư lại cười “Thế à”. Đúng là tâm nhà sư không bao giờ bị động, không có một chuyện đời nào đụng được đến tâm của ông ta.

Tuy là một Phật tử, nhưng hồi trẻ, tôi vốn ít đến chùa chiền và tham gia Phật sự. Thỉnh thoảng đến chùa nghe không những các vị Tăng Ni, mà cả những Phật tử gặp nhau ở chùa mở miệng là “A-di-đà Phật”. Nghe như A-di-đà Phật là Hello, Bonjour, là xin chào... Dùng danh hiệu của Đức Phật để làm câu chào hỏi nhau thấy làm sao ấy. Hồi đó tôi rất dị ứng với cách chào hỏi này.

Cho đến khi gặp lại một người bạn cũ. Anh ấy là một cư sĩ. Vì muốn tìm hiểu kinh điển Phật giáo nên đã học chữ Hán, sau đó là chữ Phạn, tiếng Pali, mục đích cũng chỉ để thấu đáo những lời Phật dạy hơn mà thôi, mặc dù bây giờ anh đã trở thành một giáo sư chữ Hán, chữ Phạn tại một viện Phật học. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm và trò chuyện về những đề tài Phật giáo. Cũng nhờ anh bạn mà tôi có thêm nhiều hiểu biết về kinh điển và Thiền học.

Nhân một hôm để cập đến những suy nghĩ của tôi về bốn chữ A-di-đà Phật nói trên, anh kể cho tôi nghe một câu chuyện: Khoảng những năm 80, anh có dịp ra thăm một vị Đại Hòa thượng ở Hà Nội. Hòa thượng hỏi anh có việc gì không, anh trả lời chỉ là đi công tác, dành chút ít thì giờ ra thăm “Ôn” mà thôi. Hòa thượng cười hiền từ: “A-di-đà Phật, quý hóa, quý hóa. Có thì giờ để ghé thăm chùa là tốt lắm, về nhà nhớ thường niệm Phật nghe con, A-di-đà Phật”.

Bốn chữ A-di-đà Phật nghe rất bình thường, nhưng đó chính là cái nội lực vô cùng thâm hậu của những bậc tu hành đắc đạo. Như một thành trì che chắn thân tâm. Những gì là hỷ nộ ái ố, tham sân si không thể nào có kẻ hở để lọt vào trong thân tâm các vị đó được. Có người khen mình, cũng A-di-đà Phật, có người chửi mình, lại cũng chỉ A-di-đà Phật mà thôi.

Tìm được một người bạn hiểu rõ mình như Khổng Minh biết rõ tính cách của Quan Công thì quá khó. Nhưng có thể lập cho mình một thành trì che chắn thân tâm để tâm không thường bị động thì có thể làm được.

Trịnh Công Sơn lúc sinh thời có hai chữ “thôi kệ” rất nổi tiếng mà bạn bè ai cũng biết. Có người cho biết người ta nói sai về anh, anh cũng “thôi kệ”. Có người vì ganh tỵ, tìm cách hại anh, anh cũng “thôi kệ”. Hai chữ “thôi kệ” của Trịnh Công Sơn cũng không khác chi hai chữ “thế à” của nhà sư bị vu oan kể trên, và cũng không khác chi bốn chữ “A-di-đà Phật” của các vị cao tăng.

Nhà sư nói trên hay các vị cao tăng là những người đã xa lánh được phần nào những thị phi của cuộc đời, xem ra “Thế à”, hay “A-di-đà Phật”, còn dễ. Đến như Trịnh Công Sơn chỉ là một người thường, lại là một người nổi tiếng, sống giữa những ganh ghét tỵ lỵ mà “thôi kệ” được, quả không phải là dễ dàng.

Nhưng nếu chuyên tâm tu tập, tôi nghĩ, chúng ta vẫn có thể làm được. ■



Những suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc đời

CYRIL SIRIROJ
MINH NGUYỄN dịch

Tôi không thể tự túc hoàn toàn, tôi phải cần đến người khác. Tôi không thể sống nếu không có sự giúp đỡ của người khác. Tôi phải sống với người khác và tùy thuộc vào người khác. Sống trong cộng đồng là một trong những nhân tố tạo nên ý nghĩa của cuộc sống. Tình thương yêu và sự đoàn kết làm cho cuộc sống được hoàn thiện hơn. Một ngày làm việc trong văn phòng chỉ có ý nghĩa đối với tôi nếu đến tối tôi được về nhà và được sống với những người tôi thương yêu, tôi quý mến, những người mà đối với tôi, họ quan trọng hơn những người khác.

Tuy nhiên, trong việc sống với mọi người cũng có những rắc rối. Tôi có thể đem đến hạnh phúc và cũng có thể gây khổ đau cho những người chung quanh tôi. Và họ cũng có thể đối xử với tôi tương tự như thế. Tôi có thể có nhiều kỳ vọng đối với những người mà tôi sống chung. Họ có thể không đáp lại những kỳ vọng của tôi và thế là tôi buồn vì thất vọng. Tôi có khuynh hướng bắt chước và hành động giống như những người xung quanh, vì thế mà tôi dần dần đánh mất tính tự chủ và cá tính của mình. Cá tính không còn, rốt cuộc tôi chỉ là một bản sao của những người mà tôi thích hoặc tôi cảm phục.

Tôi có thể sáng tạo hoặc phát minh ra những thứ nhằm nâng cao phẩm chất cuộc sống xung quanh tôi. Tôi cố gắng cải tạo xã hội và thích ứng với môi trường xung quanh. Tôi thích công việc của tôi vì nó giúp cho tôi phát triển và hoàn thiện bản thân. Nhưng mà công việc cũng làm nảy sinh những vấn đề nội tại. Công việc có thể khó khăn, đơn điệu và khiến tôi chán nản; nó có thể trói chặt tôi và làm cho tôi không phát huy được khả năng của mình. Công việc làm cho tôi mệt mỏi, đau ốm và già nua. Đồng thời nó hủy hoại vẻ đẹp hình thể của tôi.

Ngay cả trong tình yêu giữa nam và nữ, dù cho tha thiết, nồng nàn đến đâu, giữa họ vẫn có thể nảy sinh sự căm ghét, hận thù. Khi tôi thấy đôi bạn trẻ yêu nhau tha thiết, tôi nghĩ là họ sẽ luôn luôn hạnh phúc. Tuy nhiên, sự trải nghiệm cho tôi biết một sự thật phũ phàng rằng có rất nhiều những lời thề non hẹn biển chỉ là lời nói suông.

Tôi nghĩ rằng tôi là người tự do và điều này làm cho tôi phấn chấn. Tôi thật sự hãnh diện về sự tự do ấy. Tuy vậy, khi ngồi lại, suy ngẫm một cách nghiêm túc về sự tự do của tôi và tự hỏi, tôi có thật là được tự do hay không khi tôi vẫn bị lôi kéo, bị điều khiển bởi những đam mê của mình? Và tôi phát hiện rằng tôi đang làm những điều trái với lương tâm của mình, tôi nhận thấy sự tự do mà tôi ca tụng ấy chỉ là ảo tưởng, là sự trá hình.

Tôi hướng đến chân, thiện, mỹ. Tôi muốn những điều này có mặt trong cuộc đời và tồn tại mãi. Tuy nhiên, ngay khi có những thứ tốt đẹp, đầy sức hấp dẫn và độc đáo xuất hiện trong cuộc đời, thì tôi đã biết rằng sẽ có ngày chúng biến mất. Không có thứ gì tồn tại mãi mãi. Tôi cũng không thể sống mãi. Tôi sẽ phải chết và biến mất khỏi thế gian này. Có một thực tế là công việc của tôi không hề thay đổi, tôi có thể tiếp tục tồn tại thông qua những người con của tôi. Còn có một sự thực nữa là những điều thiện mà tôi đã làm sẽ không mất đi. Thế còn đối với tâm thức của tôi thì sao, điều gì sẽ xảy ra đối với nó? Giống như những thứ khác, nó cũng phải biến mất khỏi trái đất này.

Tôi muốn có tình yêu bền vững, một niềm hạnh phúc đích thực. Tôi muốn được an toàn tuyệt đối. Thế nhưng tôi không bao giờ đạt được những điều này. Tuy nhiên, niềm khát vọng luôn chiếm ngự tâm hồn tôi. Trên thực tế, cuộc đời tôi được tạo lập trên những khát khao chưa đạt được. Những khát vọng của tôi thì không cùng tận. Thật ra tôi rất muốn hưởng thụ. Tuy nhiên tôi cũng muốn làm một người tốt. Có đôi khi tôi khước từ một vài thú vui của mình, bởi vì những thứ đó trái ngược với khát vọng muốn trở thành một con người hoàn hảo ở trong tôi. Tôi thích sự thánh thiện hơn là hưởng thụ. Quả thật tôi nhận thấy rằng, tôi không thể chỉ biết có hưởng thụ mà không cần quan tâm đến sự hoàn thiện bản thân, tôi không làm được điều đó. Bởi vì những sự hưởng thụ ấy khiến tôi có mặc cảm tội lỗi. Điều này có

ý nghĩa gì? Phải chăng điều này chứng tỏ là tôi còn có lương tâm? Lương tâm ở đây là gì? Nó từ đâu đến? Và phải chăng đây là tiếng nói thật tự đáy lòng mình?

Tại sao những em bé vô tội lại phải chịu đau khổ? Tại sao những người lương thiện lại bị hành hạ? Tại sao những kẻ bất nhân vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật? Tôi không tìm thấy câu trả lời nào thỏa đáng cho những nghi vấn này.

Khi tôi suy ngẫm về cuộc sống và tự hỏi, đời sống này có ý nghĩa gì hay không? Tôi không tìm thấy câu trả lời nào đích xác cho những câu hỏi của tôi. Nhưng những suy ngẫm ấy cũng giúp tôi ý thức rõ ràng hơn về sự phức tạp của cuộc đời, cả sự mâu thuẫn và vô lý của nó nữa. Chúng còn cho tôi biết cuộc đời này vốn rất giàu tiềm năng. Tôi cảm thấy bối rối, lúng túng và tôi bắt đầu tự nhìn lại mình. Đây là một việc cần làm. Tôi phải tiếp tục tự nhìn lại mình, đặt câu hỏi, điều đó sẽ dần dần giúp tôi nhận ra được những bí ẩn của cuộc đời và giúp tôi có khả năng làm cho đời sống của mình ngày càng có ý nghĩa hơn.

Trích từ *Ethics, Towards a richer life* ■





Bạn luôn khao khát tình yêu thương?

Hãy thực hành: Võ về chú khỉ bên trong bạn

RICK HANSON
ĐỖ HOÀNG TÙNG lược dịch

Ngày nay, bên cạnh vật lý lượng tử, có một ngành khoa học đang tìm thấy nhiều điểm chung với Phật giáo. Đó là ngành khoa học thần kinh (neuro science). Sự tương đồng lớn đến mức mà có hẳn một nhóm các nhà nghiên cứu được gọi tên là *neural buddhist*, những người, ngoài chuyên môn về thần kinh học, còn có cảm tình với Phật giáo hoặc có thực hành thiền quán. Nổi bật trong số đó là bác sĩ Rick Hanson, người đã khéo léo kết hợp sự hiểu biết từ những khám phá mới nhất của thần kinh học và giáo lý của đạo Phật thành các bài tập giúp nâng cao phẩm chất đời sống tinh thần con người. Dưới đây là một bài tập như vậy, xin trân trọng giới thiệu với quý độc giả.

Tại sao chúng ta khao khát tình yêu thương?

Bộ não của loài người đã tiến hóa qua ba giai đoạn (trình bày một cách đơn giản một quá trình phức tạp):

Loài bò sát – Phát triển thân não; tập trung vào việc tránh bị tổn thương.

Loài động vật có vú – Phát triển hệ bản tính; tập trung vào việc tiếp cận phần thưởng.

Loài động vật linh trưởng – Phát triển vỏ não; tập trung vào việc nhập bọn với “chúng ta”.

Bài viết này sẽ đề cập đến cách đan dệt lên cảm giác được hòa nhập vào một nhóm người và được yêu thương trong phần vỏ não của loài động vật linh trưởng.

Vào thời cổ đại, việc là thành viên của một bầy người có tính cách rất quan trọng cho sự sống sót của cá nhân: phải tha hương là một án tử hình đối với tộc người Serengeti. Ngày nay, việc cảm nhận được sự thông cảm, sự trân trọng, và lòng yêu mến - dù là ở một đứa trẻ hay ở người lớn, và là đối với người khác hay đối với một nhóm người - có thể không còn là vấn đề sinh tử (mặc dù các nghiên cứu cho thấy rằng tỷ lệ

sống sót đối với bệnh ung thư và các bệnh nặng khác được cải thiện khi có sự hỗ trợ của gia đình và bạn bè), nhưng chắc chắn điều đó ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc và phẩm chất cuộc sống của con người.

Thật không may, nhiều người trong chúng ta đã gặp phải chịu sự thiếu hụt đáng kể trong việc nhận được sự cảm thông, công nhận, và chăm sóc - hoặc trải qua các tổn thương như bị bỏ rơi, từ chối, lạm dụng, xua đuổi hay bẽ bàng, xấu hổ.

Vì vậy, để đáp ứng cho nhu cầu vốn có trong con người về việc kết nối quan hệ cũng như để chữa lành những đau khổ trong quá khứ, điều quan trọng là bạn cần biết cách "vỗ về chú khỉ" bên trong chính mình và từ đó hấp thụ nguồn dưỡng chất cơ bản nhất cho con người: tình yêu thương.

Phương pháp "vỗ về chú khỉ"

Hãy cố gắng thường xuyên khơi dậy cảm giác được quan tâm trong tâm hồn bạn. Về cơ bản, hãy tưởng tượng là bạn đang ở bên cạnh một người thân quen, luôn mong muốn những điều tốt đẹp cho bạn; đó có thể là một con người, một con vật cưng, hoặc một hữu thể tâm linh trong cuộc sống hiện tại hay trong quá khứ của bạn, mối quan hệ không cần phải hoàn hảo miễn là bạn đánh giá cao đối tượng ấy theo một cách nào đó, chẳng hạn như vẫn quý mến, trân trọng, hoặc yêu thương bạn. Sau đó, dựa trên thực tế là người này thực sự quan tâm tới bạn, bạn hãy mở lòng đón nhận cảm giác được quan tâm trong thân thể, trong trái tim và trong tâm trí mình. Hãy thường thức kinh nghiệm này và để nó thấm sâu vào trong bạn, tất cả các con đường đi vào các lớp lang non nớt, mềm yếu của tâm hồn bạn. . . và thực sự đi sâu vào các khía cạnh động vật linh trưởng cổ đại trong bạn và bất cứ ai đang khát khao cảm giác gắn bó với người khác, được kể đến trong một nhóm người, được công nhận, và được trân trọng.

Tiếp đó, bạn hãy khơi dậy bản năng chăm sóc trong mình. Hãy suy nghĩ về một người nào đó mà bạn luôn quan tâm, săn sóc và khám phá xem xu hướng ấy biểu hiện ra sao trong cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ, và các khuynh hướng hướng tới hành động của bạn. Cũng bằng cách đó, hãy khám phá các kinh nghiệm có liên hệ, chẳng hạn như cảm giác ấm áp, thân thiện, trìu mến, chăm sóc, khuyến khích, bảo vệ, thừa nhận, hoặc yêu thương. Lúc này cũng vậy, hãy thực sự hiểu biết và chìm ngập trong cảm giác giống như những cảm giác mà bạn có cho mình để "vỗ về chú khỉ" ở những người khác.

Bây giờ bạn hãy tưởng tượng ra một "ủy ban chăm sóc" bên trong bạn, có nhiệm vụ vừa chăm sóc cho những người khác vừa chăm sóc cho chính bạn. Ủy ban của tôi bao gồm bà tiên đỡ đầu trong truyện cổ tích *Công chúa ngủ trong rừng*, cảm giác mà tôi đã hấp thụ được về cha mẹ tôi và những người từng yêu thương tôi, các bậc thầy tâm linh, nhân vật phù thủy Gandalf

trong câu chuyện *Vị chúa tể của những chiếc nhẫn*, và các huấn luyện viên nghiêm khắc nhưng tử tế trong suốt hành trình sống của tôi.

Có những ai (và những gì) trong ủy ban của bạn? Và trên phương diện chăm sóc cho bạn, ủy ban này có ảnh hưởng như thế nào so với các lực lượng khác trong tâm trí bạn? Vì bộ não là một mạng lưới khổng lồ với rất nhiều các nút, nên tâm thần có nhiều thành phần. Những thành phần này thường kết hợp lại thành ba cụm đã được biết rõ: đứa trẻ bên trong [ý nói cái khía cạnh con nít tiềm ẩn trong nhân cách của một người], cha mẹ phê bình [ý nói khía cạnh tự giày vò của tâm thức con người], và cha mẹ quan tâm [ý nói cái khía cạnh tự bào chữa của tâm thức con người]. Có một cách khác để mô tả ba cụm này là: cái tôi dễ bị tổn thương, kẻ tấn công, người bảo vệ.

Ở hầu hết con người, cái khía cạnh chăm sóc-bảo vệ động viên bên trong yếu ớt hơn nhiều so với khía cạnh chỉ trích-thúc đẩy-tấn công nội tại. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng một ủy ban chăm sóc bằng cách thường xuyên đưa vào các kinh nghiệm về cảm giác được quan tâm - và sau đó hãy kêu gọi và lắng nghe ủy ban này!

Vì vậy, hãy cảm nhận các phần trong tâm hồn bạn mong muốn được nhìn nhận, đón chào, hâm mộ, tôn trọng, ưa thích, quý mến, và yêu thương. Trong tâm hồn mọi người đều có những phần này. Chúng thường cảm thấy non nớt, mỏng manh, và dễ bị tổn thương. Khi bạn mở lòng lắng nghe chúng, hãy nhận diện bất kỳ sự xua đuổi nào đối với chúng, hoặc việc hạn chế những nhu cầu của chúng, hoặc ngay cả thái độ khinh bỉ hay xấu hổ vì chúng. Hãy yêu cầu ủy ban chăm sóc của bạn bảo vệ những phần này của tâm hồn, và nói với chúng rằng khát vọng của chúng là bình thường và lành mạnh.

Hãy tưởng tượng ủy ban chăm sóc ấy vuốt ve cái phần tâm hồn còn rất bé bỏng trong bạn... khen ngợi và chiều chuộng các phần tâm hồn già cỗi trong bạn... đưa ra viễn cảnh đầy triển vọng và mầu nhiệm vào các kinh nghiệm khó khăn mà bạn đã trải qua... nhắc nhở bạn về những phẩm chất thực sự tốt đẹp của bạn... khơi dậy sự biểu hiện của những gì tốt đẹp nhất trong bạn... ôm ấp, vỗ về các phần tâm hồn mềm yếu, khao khát bên trong bạn, đem lại cho chúng thứ chúng cần... và cảm thấy tận sâu xa chú khỉ lông mềm bé bỏng ngọt ngào bên trong bạn và mỗi người, ôm ấp, và yêu thương và vỗ về nó.

Trong khi đó, các phần bé bỏng, khao khát, dễ bị tổn thương, hay các phần đã bị bấm tím, vui đập của tâm hồn - và thậm chí cả chú khỉ bên trong của bạn - có thể cảm thấy rằng chúng đang nhận được những gì chúng đã luôn mong mỏi, những gì tất cả mọi người đều cần: công nhận, đón chào, tôn trọng, và yêu thương.

Nguồn: *Longing for love? The Practice: Hug the monkey* trích từ www.psychologytoday.com ■



Ảnh: Nguyễn Thế Anh

Rước Phật trở lại chùa xưa

NGUYỄN THỊ SƠN

Thưở nhỏ hằng thấy bà nội ra chùa là tôi nịu áo theo bằng được. Ra chùa được ăn lộc Phật, được nhặt những bông hoa thị be bé xinh xinh, xâu vào sợi tơ chuối, giả làm tràng hạt như của bà rồi đeo vào cổ. Chùa làng tôi có cây thị to lắm, cành vươn khắp cả vườn chùa.

Chẳng rõ cây thị có tự bao giờ; chỉ nhớ rằng từ khi biết theo bà ra chùa, tôi thấy cây thị đã là cổ thụ. Lũ trẻ con chúng tôi thả trâu ngoài bãi tha ma gần chùa, hằng nghe tiếng bầy chim chào mào ríu rít gọi nhau: "rích chì pheo, rích chì pheo" là biết ngay có thị chín. Cả bọn vội kéo nhau chui giậu vào vườn chùa cùng lũ chào mào ăn trộm thị. Vị ngọt chan chát của quả thị ương ương dẫu lùi xa mấy chục năm vẫn còn nơi đầu lưỡi. Nhắm mắt lại tôi cũng hình dung được những quả thị nhỏ nhắn xinh xắn màu vàng lấp ló sau tầng lá xanh um, tỏa mùi thơm dịu dặt, quyến luyến đậu chỉ chít trên cây thị cổ thụ vẫn tỏa bóng rợp mát khắp ngôi chùa tranh tre nứa lá lợp rơm rạ nằm khiêm tốn trên một mảnh đất đầu làng. Ngôi chùa này dân làng tôi vẫn quen gọi là chùa Lại, theo tên Nôm của làng tôi, vốn có tên chữ là làng Xuân Lai, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Nhưng bà tôi vẫn bảo chùa có tên là

Thanh Hương tự, và cụ phần khởi giải thích, Thanh hương là mùi thơm thanh thoát mà nhẹ nhàng lan tỏa.

Theo các cụ già trong làng thì đời xưa truyền lại rằng chùa được xây dựng từ thế kỷ 16 dưới đời vua Lê Anh Tông, tọa lạc trên khu đất rộng chừng một mẫu Bắc Bộ (khoảng 4.000m²), xung quanh là đồng lúa và bãi tha ma của làng. Chùa có một tòa tiền đường năm gian và một hậu cung, kiến trúc theo kiểu chữ Đinh. Với sự phát tâm công đức của dân làng, chùa được xây dựng bề thế và tôn nghiêm; ngay từ lúc khánh thành, đã thỉnh sư về trụ trì. Những ngày rằm hay mồng một, các cụ già trong làng ra chùa cùng với sư trụ trì đánh lễ dâng hương cúng Phật, cầu quốc thái dân an. Chiều chiều, tiếng mõ của các bậc tu hành lại đều đều vang lên cùng tiếng tụng kinh, hòa vào tiếng chuông chùa ngân dài mang theo hương thị thơm vấn vít trong thính không, thấm vào lòng người dân làng tôi, trở thành một phần cuộc sống của làng quê yên ả và thanh bình. Bà tôi còn kể ba ngôi mộ tháp rêu phong trong vườn chùa là của ba nhà sư đã trụ trì và viên tịch. Trong tháp có bia đá, ghi tên của các vị tổ, một vị là Giác Linh, một vị là Huệ Miên, một vị là bà Mọi. Cũng theo dân làng truyền lại thì một vị trụ trì lúc sắp viên tịch đã

ngồi trên giàn lửa tụng kinh gõ mõ niệm Phật rồi hóa.

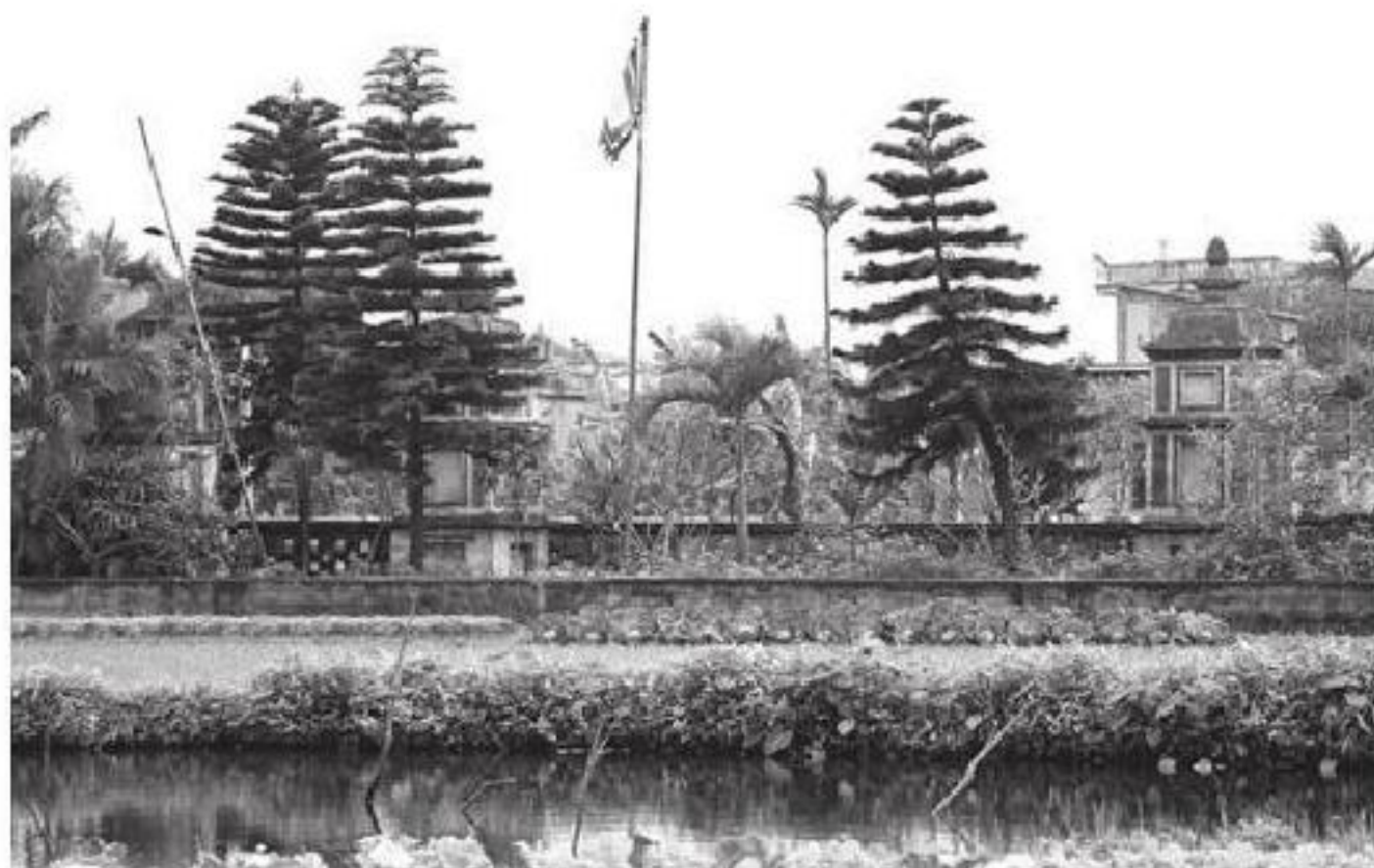
Trong chiến tranh chống Pháp 9 năm (1946 – 1954), cũng như nhiều chùa khác trên cả nước, chùa được biến thành cơ sở kháng chiến. Chùa được dùng làm xưởng quân khí của bộ đội. Cách đây vài tháng có một ông cựu chiến binh cao tuổi quay lại tìm chùa để thăm lại nơi mình là anh lính tuổi 20. Ông Dành, một người dân gần chùa, năm nay đã bước sang tuổi 85, bồi hồi nhớ lại: “Ngày giặc càn, chúng tôi không sợ tán hết vũ khí, nên đã giấu dưới ao chùa để tránh giặc”. Ông vừa kể vừa chỉ tay xuống ao chùa lọt thỏm giữa bốn bể ruộng khoán sản. Còn ông Báng, 90 tuổi nhưng vẫn còn minh mẫn, mắt nhìn xa xăm như sống lại một thời tham gia du kích, chậm rãi góp chuyện: “Chùa còn là nơi sơ tán của Ngân hàng nhà nước. Ngày giặc càn tới, tôi cùng ông Phối, ông Khấn gánh tiền đi sơ tán mà cấm có để mất đồng nào của kháng chiến”. Hai ông còn kể rằng sau đó chùa còn là nơi tạm giam, thẩm vấn những phần tử xấu do ông Lý Bá Sơ phụ trách. Rồi cơ quan báo chí của thành phố Hải Phòng cũng từng sơ tán tại chùa. Thế mới biết, khi tổ quốc bị xâm lăng, Phật tử làng tôi cũng như các bậc tu hành đã đặt lợi ích của tổ quốc lên trên hết. Họ đã hiến dâng cả chùa làng cho cách mạng, vì lẽ đó mà chùa làng tôi bị giặc Pháp đốt xăng đốt thành đồng tro tàn. Thanh Hương tự chỉ trỏ lại nền với pho tượng Phật bằng đồng. Phật tử rước Ngài về tá túc ở đình làng.

Chùa không còn nữa, nhưng lòng hướng về Phật của người dân vẫn âm ỉ cháy. Nó bùng lên khi hòa bình lập lại năm 1954. Chùa được xây dựng lại bằng tre rạ trên nền cũ. Chiều chiều, tiếng chuông lại ngân dài trong không trung mang theo hương thị ngọt ngào. Ấy là ngôi chùa mà ngày bé tôi thường theo bà đi lễ, nhật hoa thị và lớn lên cùng lũ bạn ăn trộm thị vườn chùa. Là con gái, nhưng tôi cũng nghịch ngợm chẳng thua gì cánh con trai. Ăn trộm thị chán, lại chui luồn trong vườn chùa bẻ chuối, bắt ong, lũng tổ chim chích chòe. Có lần tôi còn tai quái trèo lên mái chùa móc tổ chim chích ở ống tre, bị sư ông quở trách. Bắt chim chán, ào nhau chạy ra cây dừa bờ ao chùa, treo lên đu tàu dừa, nhảy ùm xuống ao chìm ngụp rồi lại trồi lên thở đánh phì như con nghé con. Có lần tôi bị bố đánh cho một trận nhớ đời. Nhưng cây thị chín, vườn chùa đầy chuối và tổ chim, cả cây dừa và ao chùa nữa, là chốn thiên đường của lũ trẻ chăn trâu chúng tôi thì đồn roi có nghĩa lý gì. Nhớ mãi một lần ăn trộm thị, tôi và thằng bạn tranh nhau quả thị to chín, tôi bị đẩy ngã, đầu va vào rễ thị trồi lên mặt đất khiến toạc da, máu chảy bết tóe. Lũ trẻ sợ cuống cuống. Sư ông chạy lại bế tôi vào chùa, lấy lá nhọ nổi rịt kín, rồi băng bó cho tôi. Tôi không bị sư ông quở mắng mà còn được cho quả chuối lộc Phật to bằng bắp tay. Bố tôi hốt hoảng chạy ra, định dẫn cho tôi một trận nên thân. Nhưng khi thấy sư ông ôn tồn giảng giải, khuyên bảo tôi, bộ mặt đàng đàng sát khí của bố tôi dịu lại. Bố công tôi về nhà, bảo tôi từ nay nghe lời sư ông đừng ra chùa nghịch dại nữa.

Thế nhưng, những năm 1970, cùng chung số phận của nhiều ngôi chùa ở miền Bắc bị dỡ bỏ làm trường học, kho hợp tác xã; chùa làng tôi cũng bị san bằng thành kho hợp tác. Cây thị cũng bị đào tung gốc, thành bàn ghế, củi nỏ. Giờ đây, chỉ còn trơ trọi ba tòa tháp cổ. Nền cũ vẫn còn nhưng khuôn viên chùa đã thành ruộng khoán sản. Mấy năm trước, dân làng mượn và sửa lại giải võ của đình làng ở bên cạnh, rước tượng Phật về tạm để có nơi lễ Phật. Song giải võ vốn chật chội, mỗi dịp lễ các Phật tử không đủ chỗ ngồi, một số người phải ngồi ngoài sân đình bái vọng vào. Dịp rằm tháng Bảy, lễ Vu lan báo hiếu, xá tội vong nhân, các nhà vong phải làm lễ ở ngoài giải võ. Con cháu nhà vong không đủ chỗ ngồi, một số đành vật vờ bên ngoài, không vào làm lễ được. Đã nhiều năm nay, nguyện vọng tha thiết của toàn dân làng Xuân Lai là được dựng lại chùa trên nền đất cũ để rước tượng Phật trở lại chiêm bái; song không được phép của chính quyền vì lý do đất chùa đã trở thành đất ruộng canh tác không được xây dựng. Mỗi lần qua chốn cũ cửa thiền, tôi chỉ biết ngậm ngùi:

*Vườn chùa trơ ba cây tháp cổ
Dưới bóng tà loang lổ sắc rêu phong
Nghe vấn vít mùi hương thị chín
Biết bao giờ Phật trở lại chốn xưa?*

Tôi thiết nghĩ, nguyện vọng được xây dựng lại chùa trên nền cũ của nhân dân làng mình là chính đáng. Ngôi chùa vốn là cổ tự, có tuổi đời từ mấy trăm năm trước; đã từng là di tích lịch sử cách mạng; chỉ mới bị tàn phá cách nay chừng 40 năm. Hiện tại, ba cây tháp cổ và nền móng chùa xưa vẫn còn là minh chứng cho sự tồn tại của một ngôi chùa có bề dày lịch sử. Chúng tôi mong các cấp, các ngành có liên quan cần sớm cấp lại đất chùa cũ để dân làng Xuân Lai xây lại chùa, để quần chúng Phật tử rước tượng Phật về nơi Ngài đã tọa lạc mấy trăm năm trước, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân, Phật tử trong làng. Tôi cứ mong mỏi và tin như thế. ■





Lá đơn

HẠNH ĐOAN

Hồi nhỏ học lớp năm, bài luận văn mà tôi thích nhất là làm Đơn cố mất, thưa trộm... Bài dễ làm, không phải động não nhiều vì có mẫu cho sẵn, tôi chỉ cần dựa theo đó, thay đổi tên họ rồi ghi vào, chế thêm một vài chi tiết đơn giản, nộp... là lãnh điểm cao ngon ơ. Không khoái sao được? Tôi vẫn còn nhớ rõ lúc tập viết lá đơn đầu tiên, tôi đã ghi như thế này:

"Ngày... tháng... năm 1970

Tôi đứng tên dưới đây là Hàn Phong Tử, con của ông Hàn Phong Xù và bà Nguyễn Thị Chột, xin đệ trình một việc như sau:

Vào lúc 22 giờ đêm qua kẻ gian lên vào nhà tôi...". Kết quả, thầy chỉ định đọc bài của tôi lên cho cả lớp nghe, bạn bè cười rần rần. Thầy nói:

- Tên cha tên mẹ người ta... mà cười cái gì?

Nhưng không khí hân hoan trong lớp đang dâng cao, gây ảnh hưởng lây lan dây chuyền. Thấy cố làm nghiêm song miệng cứ tùm tùm, còn lũ bạn tôi không cười ha hả, hô hô nữa mà ráng bặm miệng lại, vài đứa gập người xuống bàn cười và cố giữ cho âm thanh không bật ra. Có đứa còn quay qua đấm vào vai tôi thúi thúi... Lá đơn đầu tiên đối với tôi là một trò đùa. Vậy mà ba mươi năm sau tôi đã phải áp dụng, xài tới nó. Nguyên do là thế này:

Một ngày đầu xuân năm 2000, tôi đang nằm ngủ trưa ở phòng trước thì nghe nơi phòng ngủ phía sau có tiếng lịch kịch, tiếng cười hi hí. Nghĩ là tiếng cười của người đi đường vọng vào nên tôi không quan tâm, cứ nhắm mắt ngủ tiếp.

Tối hồi thức dậy, vừa bước vào phòng ngủ thì tôi hơi ới. Cái máy Kim Tự Điển đựng trong bóp của tôi đã biến mất. Phòng ngủ có hai cửa sổ, thấy đều đóng khung lưới bên trong. Khung cửa lưới không gài chốt mà chia làm hai ngăn, nửa trên cố định và nửa dưới giờ lên gập xuống. Đó là lý do trộm có thể đẩy cửa lưới lên, thò cây sào vào móc lấy hiện vật. Lũ trộm này thật táo tợn, chúng gan đến mức chồm đổ ngay cả khi chủ nhân còn tại nhà. Tôi bứt tóc (cho dù đầu không còn cọng tóc nào), thậm chí rửa mình không cảnh giác, không chịu đứng dậy điều tra liền khi nghe có tiếng động. Sau đó, cô cháu ở cùng am với tôi là Hương hỏi thăm, được người trong xóm mách là họ thấy có hai thiếu niên giấu vật gì đó trong bụng chạy ra từ khu vườn nhà tôi, họ tưởng là hai tên này lên trộm hột điều chứ không ngờ chúng chồm chìa. Vừa nghe tả dung nhan kẻ trộm tôi nhận ra ngay, vì mấy ngày gần đây tôi đã thấy có hai nhóc tí khoảng 16-17 tuổi thường lang vãng quanh khu vực am tranh của tôi và Thiền viện Viên Chiếu. Tuy đã biết kẻ trộm rồi, song không biết trú xứ, lại chẳng "bắt tận tay dạy tận mặt" thì vô phương kết án... Tôi chưa định viết đơn có mất đầu. Nhưng buổi sáng hôm sau, khi thấy hai thằng nhóc trộm ấy quay trở lại khu vực này. Chúng vừa đi vừa chỉ trở vào am tranh của tôi (hẳn chúng đang rất khoái chí vì thành tích hôm qua và nghĩ là không ai biết), thản nhiên đi ngơ ngơ ngoài đường với dáng điệu cực kỳ cao ngạo. Tôi đứng trong nhà im lặng quan sát chúng, đoán rằng lần này chúng đang nhắm vào Viên Chiếu, vì cả ngày nay chúng cứ lang vãng, thám thính Viên Chiếu, có vẻ như đang chờ dịp để ra tay. Tôi nghĩ: "Nếu chúng chồm của tôi mà tôi lặng thinh, chúng sẽ hành nghề tiếp ở vùng này". Thế là tôi quyết định cho chúng một bài học. Tôi ngồi vào bàn, hí hoáy viết đơn thưa. Ký ức thời đi học bỗng hiện về. Ngày xưa tôi viết đơn là vì tập làm văn, trong lòng vô tư, tha hồ đùa nghịch. Còn bây giờ tôi viết đơn? Thật tình tôi không có ý cho hai tên trộm này vào bót, nhưng tôi rất muốn chúng bỏ nghề. Hương cũng cùng "chí hướng" như tôi. Hương đợi tôi thảo đơn... cất vào hộc tủ xong, nó liền xách xe lên đường thực thi nhiệm vụ. Nó bỏ công dò la, ngấm theo dõi tình hình

hoạt động của hai tên trộm rồi nhờ thuyết khách "có máu mặt" đến gặp trực tiếp và bắn tiếng cho hai tên trộm này rằng: "Khổ chủ biết rõ chúng là thủ phạm, hiện đã viết đơn thưa sẵn hết rồi. Nếu chúng không hoàn trả đồ ăn trộm thì đơn sẽ được nộp ra xã kiện chúng tức thời". Tất nhiên thuyết khách đã khôn khéo khùng bố tình thần bọn trộm giùm tôi, rằng chuyện chúng ăn trộm nếu bị thưa kiện vỡ lở ra, chòm xóm hay biết đều sẽ cười chê, công an sẽ tìm đến làm việc, sờ gáy chúng... những lời hù dọa của thuyết khách không biết tuyệt thế nào, đánh thép cỡ nào mà hai tên trộm sợ xanh mặt, đứng ngồi không yên. Tối phiên Hương ra tay. Nó mò tới tận "sào huyệt" bọn trộm. Hóa ra hai tên trộm này mỗ côi, sống nhờ vào sự nuôi nấng của người chị. Chị gái chúng cũng mới 25 tuổi, không biết chữ, thuộc loại người hiền lành, thật thà hiện đang giúp việc cho một gia đình người Đài Loan là nhân viên một công ty ngoại quốc có trụ sở gần đó.

Người chị khóc tẩm tức vì không ngờ em mình tác tệ, cũng không biết cái máy Kim Tự Điển đó dùng để làm gì. Bọn trộm hoàn toàn mù tịt và đã bán món đồ trộm được của tôi với giá 50.000 đồng cho một cửa hàng nọ. Giờ chúng cũng không có tiền chuộc lại. Chúng mếu máo năn nỉ khổ chủ bỏ tiền ra chuộc lại dùm. Tôi chẳng biết giận trách ai nữa. Chẳng lẽ giận người chị tội nghiệp cả ngày đầu tắt mặt tối làm lụng nuôi em, quên cả tuổi xuân của mình? Hay là giận hai tên trộm hoàn cảnh mỗ côi không ai dạy dỗ? Chúng có làm xấu thiệt song chúng cũng có điểm dễ thương là biết phục thiện, rất thương chị và sợ chị buồn. Thoạt đầu nhìn cảnh hai tên trộm đã chồm đổ rồi mà còn tiếp tục quay trở lại rào rào quanh đây với bộ mặt khinh khỉnh, tôi đâm tức. Nhưng bây giờ đáng về hai tên trộm không còn nét cao ngạo nữa mà đã xui xuống như cái bong bóng xì hơi. Chúng bàng hoàng vì không ngờ Hương biết mà tìm tới tận nhà, cũng không ngờ là bị tôi viết đơn thưa... Chúng có vẻ sợ hãi lắm. Tôi không trực tiếp gặp hai tên trộm, chỉ nhờ Hương chuyển lời rằng: "Tôi sẵn sàng đốt đơn, chuộc lại đồ nơi tiệm, bỏ qua hết, nhưng hai tên trộm phải hứa là vĩnh viễn bỏ nghề". Yêu cầu này được chấp nhận. Chỉ có ông chủ tiệm là câu tiết. Vào thời điểm đó, cái máy Kim Tự Điển của tôi khá đắt, song ông ta đã thu mua được với giá cực rẻ, vậy mà giờ phải trả lại tôi thì thật khó cam lòng. Nhưng ông đâu thể làm gì khác hơn. Lá đơn của tôi đã phát huy tác dụng. Tuy nó không bay ra ngoài xã nhưng cũng đủ sức làm hai tên trộm hoảng sợ hoàn lương. Chúng đã khăn gói lên thành học nghề, sống đời tử tế vì không muốn xấu hổ với mọi người. Hương đã điều nghiên, theo dõi tình hình nhà họ rất kỹ, vì nó cũng quan tâm, lo cho họ. Nó không hề muốn hai tên nhóc lại sa vào nẻo xấu. Tôi thật vui khi nghe Hương báo cáo rằng ba chị em họ hiện nay sống rất tốt, kinh tế ổn định... Hai tên trộm đã bỏ nghề thiệt rồi. ■



Niềm vui bên em

DIỆU HIỀN - LÂM MỸ TIÊN

Oanh vũ!

Ồi, tiếng gọi thân thương trêu mếu làm sao!

Tôi nghĩ, tiếng gọi ấy sẽ theo tôi suốt cuộc đời. Đã có 25 năm tôi gắn bó với Gia đình Phật tử. Vì đoàn Oanh vũ mà hàng tuần tôi không bỏ phí ngày Chủ nhật: đó là ngày vui thích nhất, có ý nghĩa nhất đối với tôi.

Vào sinh hoạt GDPT, tôi phụ trách đoàn Oanh vũ, chịu trách nhiệm giảng dạy giáo lý cho các em. Bài dạy được soạn theo chương trình của Phân ban GDPT tỉnh phân bổ. Hết giờ học giáo lý, tôi tiếp tục ngồi lại với các em, cùng tham gia với các em trong tiết Hoạt động Thanh niên, rồi học hát, rồi sinh hoạt vòng tròn...

Tôi cùng các em vui chơi ca hát. Không biết tự lúc nào, tôi nghiêm nhiên trở thành một đàn chị, chuyên trách chuyện văn nghệ văn gừng cho Oanh vũ, có phần đặc lực. Đoàn chúng tôi được 25 em nữ. Đầu năm 2012 này, đưa 12 em đủ tuổi lên ngành Thiếu, tôi "nhẹ gánh" vì trước mắt chỉ phải chăm lo cho 13 em còn lại; nhưng rồi nay mai lại sẽ có nhiều em xin vào Gia đình. Nếu bạn hỏi tôi, bí quyết "chăm lo" là gì, tôi xin trả lời: Đó là sự nhẫn nại, lòng bao dung, biết chịu thương chịu khó lại sẵn sàng đối phó, xử lý các tình huống rất là "đặc trưng oanh vũ", vì em nào mà không mang tật không nhèo, thích giận hờn cãi vã, ưa ganh tỵ, so đo rất là con nít, lại còn không chú tâm vào công việc, không quan tâm đến người khác. Thế đấy, nhưng các em vẫn có những nét dễ thương riêng. Đặc biệt đối với những em gia đình nghèo khổ khó khăn hoặc thiếu cha vắng mẹ, tôi lại có cách chăm lo, ưu ái riêng.

Những lần được tiếp đón các GDPT khác đến giao lưu kết bạn; được cùng đoàn bạn đi dã ngoại hay cắm trại; tham gia các cuộc thi dành riêng cho Oanh vũ... là những lần tôi được học hỏi, mở mang kiến thức, sống đời lục hòa đồng thời sát cánh, chăm sóc đàn Oanh vũ của mình nhiều hơn. Có lúc các chùa trong và ngoài tỉnh có nhu cầu phát huy văn nghệ Phật giáo, bấy đàn chúng tôi liền có mặt. Cũng có lần chúng tôi đưa Oanh vũ của mình ra tận Thiền viện Linh Chiếu, Thường Chiếu ở Vũng Tàu biểu diễn nhân ngày lễ mừng khánh thọ Sư ông Thanh Từ.

Vui nhất mà cực nhất là lần chị em Oanh vũ chúng tôi phải ngày đêm khổ luyện, tham gia cuộc thi: "Oanh vũ chăm ngoan và sáng tạo" do Phân ban GDPT Kiên Giang tổ chức. Tưởng rằng Oanh vũ của mình, ở miền cuối của đất nước, là dân tỉnh lẻ, vốn quê mùa chân chất, dự thi là để đáp lời kêu gọi, góp phần xây dựng và phát triển tổ chức GDPT của tỉnh nhà. Ngờ đâu lại thành công rực rỡ, đem được về hai giải thưởng nổi cộm khiến Ni sư viện chủ, trụ trì chùa Tam Bảo - người khổ công dìu dắt GDPT Hà Tiên trên 30 năm nay - đã hết lời ca ngợi: "Oanh vũ Hà Tiên kiên trì hiếu hạnh". Ni sư còn nói thêm: "Có sự thành công này cũng do đức hiếu hạnh của các con".

Vui buồn là chuyện thường tình của cuộc sống. Có một nỗi buồn, cho đến bây giờ, tôi không thể nào quên: Năm đó nhân dịp GDPT Hà Tiên ra Ninh Thuận biểu diễn văn nghệ tại chùa Tỉnh hội Phan Rang, đoàn Oanh vũ chúng tôi không được Ni sư viện chủ "duyet xét" cho đi, lý do đường xá xa xôi, các em còn nhỏ dại không thể tự quản mà tôi thì thân gái dặm trường vốn đã "ốm yếu ho hen", làm sao quản lý được các em. Mà quản lý có nghĩa là phải quán xuyến hết các việc còn con cho các em, ôi thôi nào là áo quần, tóc tai, giày dép, đồng phục, ăn ngủ, tắm rửa... Mặc dầu phụ huynh các em yêu cầu được theo tiếp sức, lo cho các em, lo cả nguồn kinh phí, phụ trợ cuộc đi... Không được đi, các

em khóc toí bởi hoa lá, tôi phải năn nỉ và giải thích mãi, đến nỗi tôi muốn ở nhà với các em.

Thời gian cứ thế trôi qua, từng lớp, từng lớp Oanh vũ trưởng thành, tung cánh bay cao bay xa mà tôi vẫn còn duyên nợ với đoàn Oanh vũ hiện nay tại quê nhà. Nhờ thế tôi được mãi mãi bên đàn em nhỏ, ngắm nhìn từng gương mặt ngây thơ trong sáng của các em, được dạy dỗ, ca hát với các em; lòng tôi cảm thấy thanh thản, quên hết mọi lo toan trong cuộc sống.

Và thời gian không chờ đợi ai, mới đây mà tôi đã vào GDPT 25 năm. Có những anh chị, các bạn, các em cùng thời, vì nhiều lý do khác nhau, đã thôi sinh hoạt hoặc trôi dạt khắp bốn phương trời. Còn tôi, tôi thấy mình có phước, đầy đủ duyên lành. 25 năm là 1.300 ngày Chủ nhật, tôi gắn bó bên đàn Oanh vũ. Và cũng chừng đó ngày, mẹ tôi ở nhà thay tôi làm hết mọi việc cho gia đình, có khi còn là hậu cần vững chắc để tôi yên tâm đi sinh hoạt. Phải chăng đó là tất cả sự hy sinh lớn lao mà âm thầm lặng lẽ. Ôi ăy, làm sao con quên được, mẹ ơi! Và còn nữa, người mà tôi cần nhắc đến là cha tôi, người hướng lý tưởng tôn thờ Phật giáo, giúp tôi giữ vững niềm tin, dũng tiến trên đường đạo. Và có cả người thầy Bốn sư của tôi. Lễ thọ ký quý y, Thầy đặt cho tôi pháp danh Diệu Hiền và ban cho tôi nhiều lời khuyên dạy. Những thâm ân này tôi nguyện ghi lòng tạc dạ đến trọn đời.

Giờ đây, đoàn sinh Oanh vũ năm xưa có lúc trở về. Các em đã có gia đình con cái và dù thành đạt hay thất bại trong cuộc sống, dù họ là những "ông to bà lớn" nào trong xã hội, khi gặp lại tôi, cũng đều reo lên tiếng gọi thân thương: "Chị Diệu Hiền ơi!" làm lòng tôi vô cùng xao xuyến, hân hoan như được chấp thêm đôi cánh, tiếp tục bay vào vùng trời lý tưởng. ■



Mùa hè gọi tên!

MÃU ĐƠN

Anh họ tôi ở dưới quê lên thành phố chờ thi đại học. Anh lên mang theo những lạ lẫm và ngạc nhiên cho tôi, một con bé thành phố vẫn chỉ quen với những đứa bạn cùng trang lứa trắng trẻo, đẹp đẽ, mập tròn. Anh tôi cao và đen, ẩn cái dáng dấp của cậu tôi, cả cái tính ít nói nữa. Tôi là con một, hồi giờ ở nhà chỉ có một mình, những buổi tối không học bài thì xem ti vi hay đọc truyện; nói chung là một cuộc sống đều đều, có thể nói là buồn tẻ cũng được. Nhưng đợt này anh lên, dù chỉ trong mấy ngày thôi, cũng làm náo động cuộc sống của tôi. Bây giờ đang là mùa hè; đối với học sinh thì đúng là mùa của những hội chơi, mùa của sự nghỉ ngơi. Nhưng với anh thì khác, anh lên đây để đi thi, để tìm cánh cửa cho cuộc đời mình mà. Ban đầu, tôi cũng mong chờ ở anh một kết quả gì đó để thúc đẩy cho việc học tập của mình, vì năm sau tôi cũng thi đại học.

Bữa đó đi học về, tôi đã thấy anh ở trong nhà. Tôi biết ngay là anh lên để chờ thi đại học. Nhưng tôi cũng hơi bất ngờ vì dạo này anh cao và đen quá, khác nhiều so với những lần tôi về quê thăm ông bà. Có điều hồi sau này, nhiều lần tôi về mà chẳng thấy anh đâu cả. Trong ký ức của tôi, anh chỉ là một thằng nhỏ còm nhom, có khuôn mặt dài dài, mái tóc đen rậm rạp như một cái ổ quạ. Anh cười với tôi. Tôi đã nắm rõ tình hình nên hỏi anh tới tấp, thi trường nào, ngành gì, ở đâu... Ăn cơm xong, anh nói đã để đồ ở nhà bạn và xin ba má tôi cho anh qua đó ở luôn. Ba má tôi không chịu, bảo anh phải ở lại nhà tôi để ba má tôi còn kiểm soát; kể đó má tôi điện về quê báo cho mẹ tôi biết. Chắc mẹ tôi đồng ý và cảm ơn gì đó. Má tôi nói, ơn nghĩa gì chứ, chị em với nhau toan tính làm chi, hồi trước em đau nhờ có chị lên thành phố giúp đỡ, giờ chỉ có thằng con thi đại học chẳng lẽ em lại không lo cho nó tới đầu tới đuôi.

Rồi má đi dọn phòng trên gác cho anh ở. Phòng đó hồi trước là của tôi, nhưng rồi nhà chỉ có mấy người, tôi chuyển xuống ở nhà dưới cho tiện. Giờ anh tới thì có sẵn chỗ ở cho anh. Má cũng lấy xuống cái xe đạp đã cất trên gác, lau rửa sạch sẽ, giao cho anh để anh để đi lại, khỏi phải lệ thuộc ai.

Anh là con của cậu mợ Hai tôi. Nhà anh có tới tám anh em mà có ai chịu đi học đâu, chỉ có một mình anh học lên cấp ba rồi giờ đi thi đại học. Tôi hỏi anh mấy lần rằng anh liệu có thi được không, bởi tôi biết ở dưới quê tôi người ta chẳng mặn mà gì với chuyện học hành; đa số là làm ruộng hay kiếm một cái nghề gì đó. Cuộc sống dưới quê có quá nhiều vất vả; một buổi đi học, một buổi đi rẫy, có đâu như bọn tôi ở thành phố chỉ ăn rồi lo đi học thêm tới tấp, quên hết công việc nhà. Nhưng cũng có những người có chí quyết tâm học tập. Tôi nghĩ anh tôi là người như vậy, bởi nhà anh có ai đi học đâu; ngay cả mợ tôi, một chữ cũng không biết, chỉ thạo việc tính toán, buôn bán, đồng áng mà thôi. Nhưng anh làm tôi bất ngờ một lần nữa khi trả lời, thì lên thi thế thôi, chớ mai này cũng đi Sài Gòn theo anh Ba là anh ruột của anh đang làm thuê cho người quen. Ừ, có lẽ với tôi câu trả lời của anh làm tôi ngạc nhiên thật, xung quanh mình nào là sách vở, báo chí, lại còn mạng miếc nữa, nào là bạn bè cùng trang lứa; trong mắt bọn tôi, chỉ có việc học là giải pháp duy nhất. Chúng tôi đã quên mất rằng còn có bao nhiêu việc khác nữa chứ, như học nghề chẳng hạn. Có điều, với những đứa đi học giống đi cày như bọn tôi, ý nghĩ phải thi vào đại học đã ăn sâu trong tiềm thức, không những vậy, còn phải chọn và cố gắng thi đậu vào một trường đại học nào có tiếng tăm. Anh thì khác hẳn, tốt nghiệp phổ thông trung học với tấm bằng xếp loại trung bình, anh biết mình cần làm gì và làm gì là thiết thực hơn. Lúc đầu tôi cũng hơi thất vọng, nhưng rồi nghĩ lại, cũng thấy đó là lẽ thường tình; vì nếu ai cũng học đại học thì những công việc khác ai làm; vả chăng cũng có rất nhiều những hoàn cảnh mà với góc nhìn và cách hiểu hạn hẹp như tôi chẳng thể biết được.

Bởi sẵn ý định như vậy nên mấy ngày ở đây anh thường đi với lũ bạn thăm thú thành phố, đi từ chiều tới tối. Ba má tôi lúc đầu cũng tưởng anh định quyết chí thi thật, nhưng sau này nghe tôi nói ba má tôi cũng để cho anh được tự do. Thế rồi trong những bữa cơm vắng mặt anh, ba tôi hay lấy anh ra mà nói chuyện, không phải là chê bai gì anh nhưng cũng có nói tới hoàn cảnh gia đình của mỗi người, rồi nhắc nhở tôi chọn trường đại học. Nhiều lúc tôi cũng muốn cáu lên với ba vì ông luôn muốn tôi thi vào những ngành thật khó hoặc tôi không thích như bác sỹ thú y hay dược chẳng hạn. Tôi thì chỉ thích những ngành nghệ thuật thôi; và tôi cũng cứng đầu, chẳng chịu nghe theo ý kiến ai đâu, nhất là việc chọn nghề. Sau những lần như vậy, ba tôi cũng bực mình vì tôi, tôi cũng bực mình vì

ba tôi. Thiệt, người lớn có những suy nghĩ khác đứa nhỏ nhiều quá. Tôi thì cứ muốn học cái gì mình thích, ba má tôi thì muốn tôi học ngành gì sau này dễ xin việc, tôi cũng phát mệt với ba má, trong đầu tôi cứ có suy nghĩ hễ học xong thì tất phải có việc làm, má tôi thì nói đi nói lại, mầy mơ hả con, nó chưa chỗ sẵn cho mầy làm à. Tôi ngán ngấm bỏ đi.

Anh cứ miên man với những cuộc vui chơi, bè bạn. Tôi chỉ gặp anh vào buổi tối, những lúc ấy tôi mới hiểu anh hơn. Trước ngày thi, anh mượn tôi quyển sách rồi lên gác. Tôi mò lên xem anh làm gì thì thấy anh đang đọc truyện! Trời đất, quyển sách tôi đưa anh bỏ chổng chơ trên bàn. Anh nói sách này giải vắn tắt quá, anh đọc chẳng hiểu gì hết. Biết anh chẳng thi cử gì, nên tôi cũng ngồi đó trò chuyện với anh luôn. Anh kể chuyện cùng đám bạn cuộc bộ lang thang ngoài đường, chuyện anh nhắn tin với mấy đứa bạn gái, anh gọi mấy người đó là “con mắt” khiến tôi cười quá trời quá đất.

Mợ lên thăm anh đem theo một bao gạo gởi má tôi nuôi anh. Ba má tôi la sao chị lại làm như vậy, có mấy bữa cơm thôi mà cũng mang theo gạo mằm làm chi, rõ là... Mợ cười cười nhưng cũng chẳng bao biện gì hết. Đợi anh đi chơi về, mợ nói anh lo mà ở nhà học hành, mợ nói là mợ nói vậy thôi chứ thừa biết anh học hành thế nào. Chiều, mợ nói muốn ra chợ, tôi chờ mợ đi. Ngồi đằng sau xe, mợ nhẹ hơn tôi tưởng nhiều, mợ nói, cho nó đi thi cho có bạn có bè, vui chơi mấy bữa rồi vô Sài Gòn đi làm với anh Ba nó, cũng khổ lắm con, ra đó làm công cho người ta; nhưng nếu nó thi đậu thì cũng tốt hơn. Tôi cũng biết mợ nghĩ gì chứ, cũng như ba má tôi, mong cho con có được một chân vào đại học, dù sau đó có tốn bao nhiêu tiền bạc cũng cố lo. Nói như ba má tôi, học rồi mai mốt sướng cho cái thân mầy chứ ai con. Vào chợ, thấy tôi và mợ đi với nhau, mấy bà bán hàng cứ chắc là mợ dẫn con đi thi đại học, chứ nghe giọng mợ họ biết mợ không phải người ở đây rồi. Rồi thêm bớt, kì kèo mua bán. Mấy người bán hàng nói thách ghê lắm, nhưng mợ cũng chẳng thua gì. Tôi chợt nghĩ, tất cả cũng là vì lo cho những đứa con. Ai trong những người bán hàng này mà chẳng mong con mình sau này học hành tử tế. Bây giờ làm ăn tích góp từng đồng cũng vì chúng. Ba má tôi cũng vậy. Đại học. Tự nhiên tôi lại thấy hồi hộp, dù năm nay tôi mới lên lớp 12.

Rồi mợ về, chỉ còn anh với những buổi thi đốn đập. Còn tôi với những nỗi băn khoăn cho cánh cửa của riêng mình và cả những âu lo của ba má tôi cho một mùa hè sắp tới. Mùa hè tới, hoa phượng vẫn cứ nở, ve vẫn cứ kêu râm ran. Những mùa hè vui chơi vẫn ủa đến, những mùa thi vẫn tràn về cùng với bao nhiêu chuyến xe nữa chở những mùa hạ theo chân người đi xa, bao nhiêu chuyến xe mang người đi về những miền đất khác, miền quê khác, những cuộc đời khác. Và tôi chờ, chờ mùa hè gọi tên. ■



Bà lão qua đường

Chiều muộn ngày thứ Sáu, một ngày cuối cùng của tháng Tư, quá bức bối vì vẫn chưa có câu mở đầu cho một truyện ngắn, hẳn, một doanh nhân “sinh bất phùng thời” đang tập tành làm nhà văn, bước ra ngoài lan can định sẽ ném những bức dọc xuống phố phường, trúng ai thì trúng. Con đường kẹt xe cứng ngắt, xe cộ lúc nhúc xê dịch từng xăng-ti-mét. Hắn bật cười, xã hội còn bức bối hơn mình. Rồi một ý tưởng lóe lên sáng lăm, hắn sẽ lấy cảm hứng vấn nạn tắc đường, những câu chuyện lãng mạn kiểu như: Cô gái khắc khoải chờ đợi người tình trăm năm ở phi trường trước giờ cất cánh, chàng trai thì bị kẹt cứng ở công viên Hoàng Văn Thụ, sau một loạt đấu tranh, phút cuối chàng trai quyết định bỏ xe giữa đường để chạy bộ một mạch tới sân bay, nụ hôn chia ly mê đắm làm cảm động cặp vợ chồng trẻ khác đang chuẩn bị về quê làm thủ tục ly hôn, cảm động cả đôi vợ chồng già tuổi đã xế chiều, và nhiều nhiều đôi cặp nữa. Căn phòng chờ của hành khách trở thành không gian tình ái. Có gã cô đơn ngồi đếm được ba mươi cặp hôn nhau...

Có ý tưởng, hắn lại cầm đầu vào viết, suốt một ngày một đêm, cho đúng đến buổi chiều thứ Bảy, ngày đầu tiên của tháng Năm. Tuy nhiên từ ý tưởng đến việc làm thật là một bước dài lê thê, hắn vẫn chưa tìm được gì

ưng ý, thậm chí là một câu mở đầu. Hắn vò bản nháp câu chuyện cũ tròn như tổ ong đất, định sẽ ra lan can, ném trúng ai thì trúng.

Con đường này chiều nay không tắc, từng dòng xe lao băng băng dưới lòng đường, chẳng có ai thềm lẩn lên vỉa hè cả. Hắn thấy lòng nhẹ nhõm hơn nên buông nắm giấy vo tròn lăn lốc dưới chân, thả hồn vào những phương tiện vù qua trước mặt. Có bà lão què mùa thẳng tắp nhìn của hắn đang lúng túng muốn qua đường. Hôm qua hắn cũng thấy bà lão, nhưng các phương tiện không thể di chuyển vì kẹt xe nên bà qua đường dễ lắm. Hóa ra kẹt xe lại cũng có ích cho vài thứ.

Từ lan can tầng hai hắn cũng thấy được nếp nhăn hẳn lên một thời khó nhọc trên khuôn mặt hao gầy của bà lão. Mái đầu trần xơ xác ấy cũng có một thời mượt mát thanh tân, hắn chợt nghĩ đến người mẹ chốn quê xa của mình.

Hắn thấy bà lão cứ quay ngang, quay dọc rồi lại hướng cái nhìn thăm thẳm sang phía đối diện bên kia đường, cứ như thể có cái gì khẩn khoản lắm đang chờ bà ở đó, hơn cả việc sang đường để mau chóng về với đứa cháu ngoại đang chờ. Rồi bà cũng dứt khoát bước xuống lòng đường khi phương tiện thưa thớt dần, nhè ra bà nên chờ một cô cậu tai tinh mắt khỏe nào đó



NGUYỄN NHẬT LÂM

Ảnh: Ngô Văn Thông

dẫn qua thay vì một mình liêu lĩnh, hẳn nghĩ vậy vì biết đoạn đường này người ta đi ẩu, hay xảy ra tai nạn lắm.

Phía bên phải bà có một chiếc xe buýt xanh nhợt nhạt đang lao tới. Chắc bà không thể thấy được những gì bên trong rõ ràng hẳn. Gã lái xe khuôn mặt chỉ thấy xương xẩu, cổ họng nhỏ cao loằm khoằm như mỏ quạ, và râu ria lởn nhố như muốn lấp cả cái mồm. Hẳn là công ty xe buýt khi tuyển tài xế không quan tâm chọn kẻ "có ngoại hình". Sợ gã lái xe không thấy thân hình mảnh khảnh của mình, bà lão đưa cả hai cánh tay lên cao vẫy vẫy, ánh mắt đầy lo âu hướng về phía chiếc xe lao như điên. Gã lái xe chắc chắn đã thấy bà cụ, nhưng chẳng thấy được sự lo âu nào cả, hoặc là gã quá tin tưởng vào tay lái của mình nên cứ phi băng băng, cũng có một giả thuyết nữa là gã rất nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông, nhất định đi đúng làn đường của mình. Còn bà lão thì cứ đứng nguyên một chỗ, hai tay vẫy không thôi.

Hắn chăm chú nhìn vào vô-lăng của gã tài xế. Chỉ còn cách bà lão chừng hai chục bước chân nữa thôi mà đôi tay của gã vẫn bất động nắm chặt vô-lăng, truyền sự vô cảm của gã vào chiếc xe buýt đang lạnh lùng lao tới. Rồi cánh tay phải của gã buông ra rất nhanh. Hẳn tưởng như bánh lái sẽ quay một vòng khó nhọc về phía bên phải, để tránh xa thêm chút nữa nỗi sợ hãi của bà lão khôn

khổ, ai dè gã lái xe vỗ phanh phạch vào chính giữa, ba tiếng còi rõ to ré lên nghe nhức nhối cả phố phường.

Hắn kịp thấy bà lão rúm người lại, hai tai rụt xuống hoảng hốt, nỗi sợ hãi đẩy bà lùi lại hai bước khó nhọc mà phải chờ đợi mãi bà mới dám đưa chân. Chiếc xe buýt cũng vọt qua bà lão, để lại vết cửa sắc dài trong đôi mắt thương cảm của hắn. Chưa kịp nguyền rủa điều gì thì một chiếc xe máy hiệu SH mài bánh sau một vết đen khét lẹt và khựng lại ngay bên hông bà. Thằng choai choai trên xe nhao người về phía cổ xe, hai tay siết nghẹt cò phanh, nó không đội mũ bảo hiểm vì tóc dựng đứng và cứng quá. "Già mà đi đứng thế à!!" Nó hẳn học rửa sả bà lão rồi ngúng nguẩy vọt đi như ăn cắp.

Bà lão đưa mắt sang phía bên kia đường, vẫn cái nhìn thăm thẳm. Đường như nỗi sợ hãi trong bà vì một nguyên cớ nào đó cũng đã nhanh chóng bay biến theo hai kẻ vô tâm, một lớn một bé. Rồi bà cẩn thận nhìn trái, nhìn phải và mạnh dạn bước đi. Đường lúc này lại đông hơn, hẳn đang mong cho đường đông thêm nữa, đông đến kẹt cứng thì thôi, để bà lão dễ sang đường.

Bà đi được một nửa già của làn đường bên phải thì bị khựng lại, không thấy bà đưa cả hai tay lên để vẫy, cũng không quá hoảng hốt, có lẽ chú ý ngại vật lần này không phải là xe buýt hay cái gì đại loại thế. Có ánh đèn nhấp nháy phả vào người bà lão, sáng quắc, làm mắt bà hơi nheo lại; chắc bà đang thắc mắc sao chưa tối mà người ta đã bật đèn. Rồi hai tiếng còi ồm ồm phát ra, âm thanh nghe rất xịn lòi ánh mắt của hắn sang một sự quan tâm khác bà lão. Ôi, chiếc xe mũi trần BMW 335i, ước mơ suốt một thời doanh nhân hưng thịnh của hắn. Có một gã trai lịch lãm, chắc là doanh nhân thành đạt tuổi chưa đầy ba mươi, đang ôm chặt bánh lái; và tất nhiên không thể thiếu quý cô đài các ngồi ghế kế bên. Hắn đang nghĩ cặp đôi ấy sẽ xuống xe và dắt bà lão khốn khổ qua đường, để cho sự lịch lãm có thêm một sắc màu thường bị thiếu hụt trong xã hội này. Nhưng ước ao của hắn cứ loảng dẫn ra rồi bốc hơi theo tiếng còi rất xịn và ánh đèn nhấp nháy liên hồi của chiếc BMW quý tộc. Cặp đôi hoàn hảo ấy còn quay sang nhìn nhau, nhân sự bức dọc lên làm hai, rồi quẳng hai ánh nhìn khinh miệt về phía bà lão đang chơi với không biết tiến hay lùi trước dòng người xe đang mài miết và dường như mỗi lúc một đông hơn. Hẳn lại ước gì kẹt xe.

Người lùi vài bước chân, kẻ đánh tay lái chênh về phía đối diện, chiếc xe và bà lão đạt được thỏa thuận, chàng doanh nhân trẻ dận cơn hạm hực vào chân ga cho xe lao đi vun vút, bà lão thả một cái nhìn thăm thẳm sang bên kia đường rồi lại ngó nghiêng, di chuyển chậm chạp.

Bà đi thêm được một quãng ngắn nữa, tức là vượt quá được một nửa con đường thì ước nguyện của hắn có vẻ sắp được tháo gỡ. Có chàng trai trông rất nghệ sĩ đi chiếc xe 67 điệu đà, cá tính, cổ đeo một cái máy ảnh to đùng đang ngoái lại nhìn bà lão với ánh mắt cảm

thông, chàng trai tấp vào vỉa hè cách vị trí của bà lão chừng bốn chục mét, đạp chân chống, dựng xe, mắt vẫn không rời khỏi bà cụ. Còn bà vì mãi mê với dòng người nườm nượp mà không thể để ý được chàng nghệ sĩ kia, nên chắc bà cũng chẳng nghĩ tới một chàng trai tốt bụng sẽ dắt bà sang khúc đường còn lại. Chỉ có hần, ngồi ở trên cao nên thấy mọi thứ, thấy sự vô tâm khủng khiếp của dòng người, và thấy cả tấm lòng của chàng nghệ sĩ trẻ. Hần đã có một ý tưởng tuyệt vời cho câu truyện của mình, một câu truyện ngắn vừa lột tả được hiện thực vô tâm của xã hội đương thời, vừa có một kết thúc thật nhân hậu, chỉ việc ghi lại những gì mà hần thấy trong mười phút qua, cần gì phải tưởng tượng ra những điều xa vời vợi.

Hần lập tức lao vào nhà, lục lọi đồng bút giấy, phải thật nhanh vì sợ không kịp ghi lại khoảnh khắc của chàng trai nhân từ hiếm hoi kia, cảnh tượng chàng trai trẻ dắt bà lão giữa dòng người nườm nượp sẽ là kết thúc câu truyện ngắn thật nhân hậu mà hần thầm mong sẽ có ngày viết lên, một hình ảnh đẹp nhất.

Hần tay cầm giấy, tay cầm bút phi rầm rầm ra ban công, ngóc đầu ra phía ngoài lan can để thấy hình ảnh ấy rõ hơn. Sao bà lão vẫn một mình? Hần nhón nhào đưa mắt ra xung quanh, có lẽ chàng trai kia đang bị vài phương tiện cản trở, nhưng cũng đang ở ngay sau lưng bà lão thôi, hần thoáng nghĩ vậy. Nhưng vẫn không thấy, có lo lắng dấy lên ghen ngào trong hần. Không rõ là hần lo lắng cho kết thúc của câu truyện để đời, hay lo cho bà lão vẫn đơn độc đối diện với sự vô tình một cách quá đáng của cuộc đời. Và hần bàng hoàng nhận ra chàng trai trẻ đang say sưa với một góc nhìn vừa ý, hí

hoáy với con máy ảnh, gã trai hướng ống kính về phía bà lão, xoay tới xoay lui cái ống thu phóng dài ngoằng, đen xì như mồm lợn rừng. Rồi như mẫn nguyện với tấm hình, có lẽ tác phẩm nhiếp ảnh vĩ đại ấy sẽ được đặt tên là Bà Lão Qua Đường, gã trai cẩn thận cắt máy ảnh rồi phành phạch lao đi, giống cái cách con chó bỏ đi khi vừa vớ được khúc xương dài. Bà lão vẫn đơn độc, thỉnh thoảng thả ánh nhìn thăm thẳm sang phía bên kia, chỉ còn một phần tư đoạn đường nữa.

Hần như bị điện giật, vò tờ giấy trên tay ném vớ theo gã trai nghệ sĩ kèm theo một tiếng chửi đồng. Nhưng kính khủng hơn nữa, hần nhận ra mình cũng ghê tởm như dòng người kia, như gã tài xế, thằng choai choai, chàng doanh nhân trẻ và tên thợ ảnh. Hần chạy xốc xuống bậc cầu thang gỗ ọp ẹp, lao ra ngoài cửa sắt, “khí thật”, hần rống lên rồi đá vào cửa sắt kêu rầm rầm làm bà lão hất mặt lên nhìn. Hần quên là mình không có chìa khóa, hai tuần nay hần ngồi lì trong nhà để tự hứa với lòng mình, khi nào viết xong một câu chuyện ứng ý mới ra ngoài. Hần đã giao chìa khóa nhà cho thằng bạn thân, ngày ngày mang đồ ăn đến cho hần, chỉ nói, khi nào tao viết xong sẽ lấy lại chìa khóa. Giờ thì hần mới nhận ra sẽ chẳng có câu chuyện tử tế nào được viết ra nếu cứ ngồi đó, suy nghĩ, bởi móc những trải nghiệm hẹp hòi để thêu dệt những điều tưởng tượng.

Hần thấy bà lão đã sang tới bên này đường, bước lên vỉa hè, bà đi về phía bên phải tới chỗ người đàn ông mù lòa khước khước cây gậy trên tay, họ nắm tay nhau tiếp tục đi tới.

Hần lúi đăm đăm gọi cho thằng bạn thân: “Cầm chìa khóa đến cho tao, nhanh nhé!”. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
Có Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Có Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ

BBT Viên khôngtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM
Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHĐVN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 483 cuốn
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
Ban Biên tập



Ảnh: Nguyễn Xuân Thắng

Ấn tượng Lagi

CAO HUY HÒA

Những ngày đầu xuân vừa qua, chúng tôi đến thăm Lagi, một thị xã thuộc tỉnh Bình Thuận, ở phía Nam và cách Phan Thiết gần 70km. Niềm vui trước tiên là hưởng được nắng ấm và tắm biển trong khi ở quê nhà mùa xuân thì đẹp nhưng lạnh và mưa lất phất. Sáng tinh mơ, trước mặt chúng tôi là biển cả mênh mông, chân trời ửng hồng, mặt trời như quả cầu đỏ dần dần lên khỏi mặt biển. Những con thuyền đánh cá trở về muộn. Sóng nhẹ, chúng tôi tắm biển, mát mẻ, sảng khoái.

Đối với người bình thường ở mọi miền đất nước, Lagi chưa là địa danh quen thuộc, ít ai đặt chân đến vùng này. Tuy nhiên, Lagi cũng như hầu hết dải đất ven biển của tỉnh Bình Thuận đã càng ngày càng sáng lên

trên bản đồ du lịch, hấp dẫn du khách vì biển xanh, hiền hòa, ấm áp quanh năm, nhất là du khách Nga ở xứ lạnh giá nên rất thèm biển. Ngay cả người Sài Gòn, không còn quanh quẩn ở biển Vũng Tàu, mà đã đến vùng biển này, với những resort, những khu du lịch hấp dẫn chạy dài, những địa danh ngày càng nổi tiếng như Kê Gà, Mỏm Đá Chim, Dinh thầy Thím, Tà Cú,...

Lagi có cái gì hay hay, ngay cả tên gọi. Chữ viết là Lagi hay La Gi, đọc là La Di. Phải chăng địa danh xuất xứ từ tiếng Chăm? Tôi hỏi những người quen ở đây thì họ cũng đồng ý như thế; có người cho rằng, theo người Chăm, chữ La chỉ sông, chữ Tà chỉ núi; như Lagi, La Ngà, La Ngâu...; Tà Cú, Tà Mon, Tà Dôn..., nhưng sông Dinh mới là con sông lớn nhất chảy qua Lagi.

Mảnh đất xa xưa đầy huyền thoại Chăm giờ đây là đất lành của những người định cư lâu đời lẫn những người tứ xứ. Người ở lâu đời gồm người Chăm và người các dân tộc thiểu số khác, người di dân suốt chiều dài lịch sử Nam tiến. Người đến sau này do chạy thoát chiến tranh ác liệt, cũng như do hoàn cảnh lịch sử: dân di cư từ miền Bắc, trong đó đáng kể là đồng bào theo Thiên Chúa giáo, Việt kiều hồi hương từ xứ sở Chùa Tháp, dân chạy nạn chiến tranh từ sau năm 1973 từ các tỉnh miền Trung, nhiều nhất là từ Quảng Trị, dân đến định cư làm ăn sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất.

Lịch sử di dân từ xa xưa đã truyền tụng lại hai nhân vật được tôn thờ cho đến ngày nay, đó là vợ chồng Thầy Thím: “Theo sự tích, Thầy Thím quê gốc ở Điện Bàn (Quảng Nam), đức tài vẹn toàn. Dưới thời vua Gia Long năm thứ 2, gia đình Thầy bị kết tội tử hình oan. Trước giờ thi hành án, Thầy được vua ban một tấm lụa đào để múa từ biệt vua. Theo truyền thuyết, tấm lụa quán lấy Thầy Thím và đưa vợ chồng Thầy bay vào phương Nam. Đến ngành Tam Tân (xã Tân Tiến, thị xã La Gi, Bình Thuận ngày nay), Thầy Thím cải trang thành một dân thường, từ đó Thầy giúp đỡ dân nghèo ở đây bằng cách bốc thuốc chữa bệnh, đóng ghe thuyền giúp ngư dân, khai khẩn đồng ruộng. Những năm sau ngày Thầy Thím mất, cứ mừng 5 tháng Giêng lại có hai con hổ về mộ Thầy thăm, rồi lại buồn bã ra đi. Biết ơn công lao Thầy Thím, dân làng đã lập đền thờ Thầy và thờ cả hai con hổ. Tiếng lành đồn xa, năm 1906 (đời vua Thành Thái năm thứ 18) vua đã hủy bỏ bản án oan trước đây và sắc phong Thầy “Chỉ đức Tiên sinh, chí đức Nương Nương Tôn thần”. Ngày nay, lễ hội *Dinh Thầy Thím* (lễ chính vào ngày rằm tháng 9 âm lịch) đã trở thành nét văn hóa truyền thống của không chỉ riêng người dân địa phương mà còn thu hút hàng trăm nghìn lượt du khách khắp nơi về xin lộc ơn phước của Thầy mỗi năm.”¹

Ngoài dinh Thầy Thím, vùng Lagi còn có một điểm tham quan độc đáo là ngọn *hải đăng Kê Gà*. Đây là ngọn hải đăng thuộc loại cổ nhất và cao nhất nước ta, nằm trên một hòn đảo gần bờ, gọi là mũi Kê Gà, ở phía Nam và cách thành phố Phan Thiết 40km, bằng đá, hình bát giác, được người Pháp xây dựng từ năm 1897 đến năm 1899, cao 66 mét (kể từ mặt biển đến ngọn đèn). Ban đêm, đèn có thể phát sáng xa đến 22 hải lý (khoảng 40km) giúp tàu thuyền đi qua vùng biển này². Ngọn hải đăng sừng sững giữa trời biển xanh bao la, giữa một quần thể đá trần trụi nhiều dáng vẻ. Sẽ thiếu sót nếu không nói đến Hòn Bà, một đảo nhỏ hình con rùa ngoài khơi, khá gần (cách bờ khoảng 2 cây số) để mỗi lần ngắm biển, ta có thể thấy những cây cổ thụ xanh mờ xa xa; trên đảo có một ngôi đền thờ nữ thần Thiên Y A-na, cũng như có thờ tượng Phật Thích-ca, tượng Phật Bà Quan Âm.

Vùng ven biển đầy nắng gió và hẻo lánh này giờ đây đã trở thành một thị xã phồn thịnh, một thị xã có xe

taxi phục vụ ngày đêm. Kinh tế mạnh là nhờ biển: biển cho hải sản dồi dào, phong phú, biển với bãi cát tốt và nắng ấm quanh năm làm cho ngành du lịch phát triển. Ấn tượng đối với tôi, dĩ nhiên là biển, là nắng gió đầu xuân thật nhẹ nhàng, cho chúng tôi được sống thoải mái, xa rời những chuyện thế sự. Một ấn tượng nữa là cây thanh long. Những cánh đồng thanh long dài tít tắp, cây thanh long xanh ngắt bám rễ vào cột xi măng, vươn cao, tỏa rộng rồi thả mình lơ lửng, có nơi mới trồng, có nơi bắt đầu cho hoa, rung rinh trong nắng, tương tự hoa quỳnh – chỉ khác là hoa quỳnh nở ban đêm –, có nơi đã cho trái, làm cho hai màu xanh đỏ của lá và trái tương phản đậm nét dưới ánh mặt trời. Cây trái đã dài bằng con người, thế mà con người còn muốn cây thêm năng suất, bằng cách cho đèn điện chiếu sáng, đánh lửa thanh long, lấy đêm làm ngày.

Chỉ có mấy ngày đến thăm Lagi nhưng tôi cũng ghi nhận được vài nét đặc biệt của thị xã này. Dân miền biển da hơi ngăm ngăm, tính thật thà; giá sinh hoạt nơi đây nếu không vì kinh tế thị trường của ngành du lịch biển thì chắc là rẻ lắm. Dấu giá cả như thế nào thì bát cơm, tô canh, đĩa cá... thể hiện tính chất no đầy của nó, không đẹp để cầu kỳ như kiểu một số quán ăn đất kinh kỳ dọn chén đĩa lớn, màu mè mà thực chất chẳng bao nhiêu. Ly cà phê cũng thế, đậm đà và dung tích đáng kể chứ không phải chút chút trên đây, còn ly trà Lipton, nặng trịch với trái cam to bổ đôi. Một điều lạ là nhiều quán ăn dùng đĩa thức ăn để đựng nước chấm, chứ không dùng chén nhỏ. Có thể sống trong điều kiện thiên nhiên khoáng đạt và ưu đãi như thế, với một trình độ tổ chức xã hội chưa cao, con người có khuynh hướng sống mộc như bản tính chân thật của mình, cứ như tự nhiên mà sống. Đó là nếp sống của những cư dân lâu đời, của những đồng bào dân tộc gắn liền mảnh đất này từ xa xưa; có như thế đây mới là đất lành hội tụ biết bao người từ mọi miền đất nước. Tuy nhiên, ấn tượng của chúng tôi về thị xã miền biển này càng đẹp thêm nếu không có chuyện rác, chuyện túi ni lông được xả thoải mái khắp nơi, từ cửa hàng cà phê đến bãi biển, từ con suối đến vệ đường. Biển Lagi quả thật như một dung nhan thiếu chăm chút!

Lagi, nơi xa lạ đó không thể trở thành nơi quen thuộc nếu chúng tôi không nghĩ đến một người o, xa cách đã lâu, nay về già sống với con cháu ở Lagi. O đã cùng gia đình tôi lập nghiệp tại thị xã Quảng Trị từ thuở tôi còn thơ ấu; thế rồi chiến tranh khốc liệt đã đánh bật o đi, từ Quảng Trị vào Huế, đến Đà Nẵng, rồi cuối cùng vào đến Lagi với đôi quang gánh buôn bán lật vật, từ *năm đồng ba chữ* cho đến sạp tại chợ, để ngày hôm nay, sáu người con đều thành danh. Gặp lại o sau mấy mươi năm xa cách, trời đã ngó lại và thương, 85 tuổi mà rất khỏe mạnh, lại còn pha chút ít phong lưu, trái với nét chất phác và khắc khổ của cuộc đời bán buôn nhỏ, chống mắt sớm, nhằn nài nuôi con nước mắt lưng



trông. Hình như những người con của Quảng Trị đi nơi xa thì khá thành đạt, không những về kinh tế mà cả gặt hái chuyện văn thơ nhạc. Những người con của o cũng thế, cũng là người văn nghệ, và chính họ đã đưa chúng tôi đến một địa chỉ thơ, một ngôi chùa.

Như có duyên may, một vị sư trẻ người Quảng, vốn hành điệu ở Huế, năm 1990, đã dừng bước bên con suối Đá vắng vẻ, cảnh quan đơn sơ, cách khá xa trung tâm Lagi. Tên con suối cũng lạ, theo như một người sở tại cho biết: Suối chảy qua nhiều tảng đá to nên được đặt tên là suối Đá; sau này dân Quảng vào định cư ở gần con suối, phát âm tên suối gần như là Đố, cho nên sau này dân quen gọi là suối Đố. Thấy đã tậu được đất nơi này và ban đầu dựng một thảo am, thấy cao hứng đặt tên là *chùa Đây*, "*Chùa Đây – Suối Đố nằm ru hát thiền*"³. (Tên chính thức của chùa là Thanh Trang Lan Nhã). Từ đường chính vào chùa, du khách như đi vào một khu rừng im vắng, mát mẻ. Chùa không lớn, nhiều công trình dở dang, và công trình chính là ngôi chánh điện thì mới phần móng. Thế nhưng sân chùa vẫn là không gian thơ. Thơ của thầy và thi hữu, được viết trên... bia thơ, đó là những tấm bê tông như giả lát cắt của thân cây cổ thụ, đặt trên bệ xây, phía sau là hàng tre vàng rất đẹp. Ngoài chuyện thơ, thầy có tham vọng tạo một nơi được gọi là "bảo tàng văn hóa" cho mọi người, và trước mắt thầy sưu tập được một số hiện vật quý. Thấy có duyên với các chùa miền Bắc, thầy đã thỉnh về nhiều cổ vật: phù điêu, đồ gốm, gạch... thời Lý-Trần, đặc biệt thầy cho trưng bày một hiện vật đồ gỗ mà theo thầy là một trong những chiếc cộc đã được đức Hưng Đạo đại vương cho đóng trên sông Bạch

Đằng trong trận thủy chiến với quân nhà Nguyên. Hiện vật văn hóa bao gồm cả các đồ dùng sinh hoạt xưa: cối trấu, ống nhổ, bình vôi, con dao bổ cau, chiếc quạt tre mà người mẹ đã dùng thuở sinh thời... Trên điện, thầy tôn trí theo cách các chùa dân gian phía Bắc: ngoài tượng Phật, có rất nhiều tượng... kể cả Ngọc Hoàng thượng đế, Thập điện minh vương, công chúa Liễu Hạnh, thiên lôi,... Thực sự tôi lạ lẫm với điện thờ như thế trong một ngôi chùa tại một địa phương phía Nam. Nhưng tôi đặc biệt chú ý tượng Ngài Địa Tạng, một tượng cổ mà thấy thỉnh về từ chùa nào đó ở Bắc, bị sém mất một phần vai và thân. Ngoài sân, thầy cho trưng bày một số cối xay, bên cạnh đó, tôi rất bất ngờ khi nhìn thấy một tảng đá to trên đó in hai dấu chân; phải chăng đó là dấu chân của một kẻ lữ du dừng chân bên suối một đêm trăng, như là một cơ duyên "*Trăng về suối Đố, bờ neo mảnh tình*"⁴?

Về phần chúng tôi, dấu thời gian ở Lagi không nhiều, nhưng dấu chân trên cát đã được lưu giữ trong tâm hồn như là kỷ niệm những ngày đầu xuân thắm đượm hương vị của biển, của nắng gió và nhất là đậm đà tình cảm của người thân lâu ngày gặp lại, và của cả những người sơ ngộ.

Chú thích:

1. Theo Quang Nhân, báo điện tử *Binhthuantoday.com*, 12/10/2011: Lễ hội Dinh Thầy Thím: Quy mô và an ninh hơn.
2. Theo <http://tuoitre.vn/Ao-trang/248872/Hai-dang-ke-ga.html>
- 3, 4. Thơ Đinh Hồi Tường ■

Lên tháp Nhạn, ngắm Tuy Hòa

THỰC QUYỀN

"Phú Yên có đỉnh Cù Mông - Có hòn Nhạn
tháp, có dòng sông Ba". Câu ca dao đã ghi
lại một số đặc điểm địa lý của Phú Yên,
trong đó có niềm tự hào tháp Nhạn. Ai đó
đã nói đến Phú Yên mà chưa ghé thăm núi
Nhạn thì chưa thể xem là đã biết Tuy Hòa. Xem chừng,
câu nói ấy thật là có lý.

Núi Nhạn nằm ngay ở phường 1, TP. Tuy Hòa, tỉnh
Phú Yên, cao khoảng 60m, xưa kia là một cù lao nhỏ
thuộc vịnh Tuy Hòa. Sau này, khi vịnh cạn, núi đã ăn
sâu vào đất liền. Trên đó, tháp Nhạn là một công trình
kiến trúc độc đáo, một đỉnh cao của nền văn hóa, nghệ
thuật dân gian và tín ngưỡng Chăm. Tháp Nhạn là biểu
tượng quen thuộc của thành phố trẻ Tuy Hòa. Tuy Hòa
có thể tự hào với tháp Nhạn đứng trơ gan cùng tuế
nguyệt trên núi Nhạn, soi bóng xuống dòng Đà giang
trữ tình. Tuy Hòa, thành phố ven biển tuy nhỏ nhưng
càng duyên dáng khi có núi Nhạn xanh um trên đỉnh
như một hòn non bộ ngự giữa lòng thành phố.

Tháp Nhạn là một trong những nơi thờ nữ thần Po
Nagar Mẹ xứ sở, gắn liền với truyền thuyết Mẹ đã giết quỷ
dữ, khai sinh ra con sông Đà Rằng trong xanh, hiền hòa
để cho con cháu đi lại. Nhớ ơn Mẹ, vào thế kỷ XI đồng bào
Chăm đã xây dựng tháp để tưởng niệm. Kể từ đó, tháp
Nhạn như một cột mốc, một ngọn hải đăng, một con mắt
thần Parasvara dẫn lối cho tàu thuyền. Truyền thuyết về
núi Nhạn có rất nhiều, tuy nhiên, nhìn từ xa, núi rất giống
hình con chim nhạn đang thu mình chuẩn bị bay lên trời
cao. Tương truyền, trên núi có rất nhiều chim biển, đặc
biệt là bầy nhạn đông tới hàng ngàn con. Con chim nhạn
ngày xưa giống loài vịt và to gấp đôi chim hải âu. Hoa vàng
và sim tím ở trên đỉnh núi nở rộ mỗi độ xuân về. Dưới
bom đạn chiến tranh, chim chóc bay đi hết, để lại tháp
Nhạn chơ vơ, đẹp đơn côi trong buổi chiều buồn. Ngoài ý
nghĩa tâm linh, tháp Nhạn còn là nơi ngắm cảnh và nghỉ
ngơi của thương nhân và cư dân trong vùng. Cách tháp
không xa, người ta đã khai quật từ lòng sông một chiếc
thuyền buôn dài 8,5m có chứa rất nhiều đồ gốm cổ. Điều
đó chứng tỏ rằng, xưa kia, ở nơi đây, thương nghiệp rất
phát triển.

Thông thường, muốn "đăng sơn để vọng viễn", lữ

khách phải trải qua con đường hết sức gian khổ. Tuy
nhiên, đường đi lên tháp rất rộng và dễ đi, ngay cả ô tô
cũng có thể đưa du khách tiếp cận tháp. Tháp hiện ra
trông đồ sộ, cổ kính trong khuôn viên khoảng 1.000m²,
xung quanh được lát gạch và quét dọn sạch sẽ. Theo sử
cũ ghi lại, tháp được dựng lên từ vào thời chúa Nguyễn
Hoàng khoảng từ năm 1578 – 1580. Nhiều nhà khoa
học còn phỏng đoán tháp này cùng thời với tháp Bà Pô
Nagar ở Nha Trang vì các viên gạch ở tháp Nhạn và tháp
Bà giống nhau về sức chịu đựng sự tàn phá của thời gian.
Tháp Nhạn cao khoảng 25m, hình chóp nhọn, đầu hơi tà
vì tảng đá hình búp sen mang biểu tượng phồn thực đặt
trên nóc tháp trong thời chiến tranh đã rơi xuống. Ngày
nay, đỉnh tháp được tôn tạo lại nhưng vết tích vẫn còn.
Ở bốn góc giữa các thân mái là tiểu trụ đầu thuôn nhọn.
Chân tháp hình vuông, mỗi cạnh dài hơn 10m. Cũng
giống như phần lớn các tháp Chăm, hướng chính của
tháp Nhạn là hướng Đông phản ánh vũ trụ quan của Ấn
Độ, vì đây là hướng của thần thánh, của sinh sôi nảy nở.
Kiến trúc của tháp Nhạn gồm ba bộ phận mà theo quan
niệm của người Chăm, đó là: trần tục, tâm linh và thần
linh. Tháp có hình tứ giác với 4 tầng, càng lên cao càng
thu nhỏ lại nhưng vẫn theo phong cách tầng dưới. Mỗi
tầng đều có các hàng cột chạy dọc khiến cho khi chiêm
ngưỡng người ta có cảm giác tháp cao hẳn lên. Cắt ngang
cột là vô vàn những đường riềm làm cho chiều rộng của
tháp thêm gia tăng. Trên mặt tường tháp không có hoa
văn trang trí. Vòm cửa giữa hình cung nhọn có hình đầu
quái vật trên đỉnh. Đây là một chóp tháp được kết hợp hài
hòa giữa hai hình tượng chóp nón cùng với hình tượng
Linga, nhưng ở dạng còn cách điệu và chưa hoàn chỉnh
như ở những nơi khác. Khi thực dân Pháp xâm lược nước
ta, chúng nã pháo làm cho đỉnh tháp và ba góc tháp bị
đổ về phía cửa tháp ở hướng Đông. Do bị hư hại nhiều
trong chiến tranh, vào cuối năm 1960, tỉnh Phú Yên cho
tu bổ, hàn gắn những chỗ bị nứt bên trong và ngoài tháp.
Hiện nay, trong tháp Nhạn không có bộ thờ và các tượng
thờ. Phía sau tháp có một phiến đá lớn cao 1,30m, mỗi
cạnh rộng 0,90m, dưới chân có chạm hình cánh sen. Dưới
chân núi Nhạn về phía Tây nam, ven bờ sông có một tảng
đá khá bằng phẳng trên mặt khắc ba chữ cổ (dạng chữ

Phạn) ta thường gặp ở các tấm bia trụ cột trong các tháp Chăm như ở Po Nagar. Tầng đá cao 5m, rộng 5m. Tháp Nhạn tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc của người Chăm ở vùng đất Phú Yên xưa. Trải qua biến động và thời gian, hầu hết các tháp đều không còn đủ các thành phần như lúc khởi dựng. Tuy nhiên, những hoa văn trên thành tháp vẫn còn sắc nét, thể hiện trình độ kiến trúc điêu luyện của người xưa. Đứng bên tháp cổ rêu phong, du khách có thể thu vào tầm mắt toàn cảnh thành phố đang vươn mình, những cồn cát ven sông, những con đường chằng chịt vắt ngang qua xóm thôn yên bình và núi Đá Bia sừng sững. Từ trên đỉnh tháp ta sẽ ngỡ nhận ra dường như con sông Đà Rằng thơ mộng đã bén duyên cùng núi Nhạn trăm mặt để cho người ta gọi Phú Yên là Núi Nhạn - Sông Đà.

Đã hơn 1.000 năm tuổi nhưng tháp Nhạn vẫn đứng trầm mặc như thách thức sự phá hủy của thời gian. Màu gạch đỏ dù có rêu phong phủ lấp vẫn được lưu giữ qua bao đời. Tháp như đứng bên lề cuộc sống xô bồ huyền ảo, lăm đưa chen, nhiều toan tính này. Trong Tháp có tượng Bà được thờ trang nghiêm, du khách tham quan đều đến thắp hương cầu nguyện. Xưa kia, tháp có những cái am nhỏ được dựng vào thời Hậu Lê để thờ Bà Thượng Đĩnh, tức là Bà Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần. Trong thời kháng chiến, am này bị bom đạn tàn phá. Sau này, khi hòa bình lập lại, nhân dân Tuy Hòa dựng lại một ngôi miếu trên nền cái am cũ như to lớn hơn với bốn chữ "Thượng Đĩnh Linh Miếu". Cuối năm, người ta lên trên tháp làm lễ tạ ơn Yàng, cúng thần lúa, thần nước, thần đất... Tết đến, họ tụ lại quanh tháp để múa hát đón chào các vị thần. Các điệu múa nổi tiếng dẫn người ta vào một không khí huyền ảo: múa đội lu, múa quạt, múa đập lửa... hòa cùng tiếng trống paranưng, kèn xaranai rộn rã.

Núi Nhạn là nơi có giá trị sinh quyển rất lớn. Điều đặc biệt là núi Nhạn tuy nhỏ nhưng là nơi quy tụ nhiều giống cây quý giá mà không phải nơi nào cũng có được. Ở đây, ta có thể bắt gặp bằng lăng nước, thiên tuế, móng bò soọc... chỉ nghe cái tên không đã thấy lạ. Núi Nhạn có thể nói là một kho tư liệu lớn về tự nhiên với những cây quý hiếm. Mùa xuân, người ta lên núi Nhạn để hòa mình vào cây cỏ, nghe chim muông ca hát, ngắm mặt nắng xôn xao hay chiếu bóng trên mặt nước Đà Rằng thì thật không có gì thú vị bằng. Ngoài kia, sóng nước hòa cùng sóng lúa, trắng lên cho thời gian tưởng như ngưng đọng trong mỗi viên gạch rêu phong nơi thành cổ u hoài.

Cứ đến mùa thi, sĩ tử Tuy Hòa lại không thể bỏ qua Núi Nhạn. Không gian yên tĩnh, chút gió hiu hiu, chút nắng hanh vàng với mấy bộ ghế đá, đây là nơi ôn thi lý tưởng. Dưới chân tháp, thực khách nâng ly rượu nồng ngầy ngất, nhìn màn mưa trắng xóa bay trên tháp cổ, bỗng giật mình vì cơn mưa chờ thời gian qua, đời người thật ngắn ngủi. Núi Nhạn tạo ra một không gian lý tưởng để tu tâm, dưỡng tính nhìn lại mình. ■





Để giảm tải bệnh viện

ĐỖ HỒNG NGỌC

Quá tải bệnh viện đang là một vấn nạn lớn của ngành y tế nhiều năm qua chưa giải quyết được. Thực ra, giảm tải bệnh viện không khó! Câu hỏi cần đặt ra là: Tại sao quá tải? Quá tải ở đâu? Làm cách nào để giảm tải?...

Và câu trả lời đơn giản: Quá tải là bởi vì bệnh nhân quá đông, bệnh viện không đủ giường nằm, nhân viên thiếu...; y tế tuyến dưới không đủ điều kiện cơ sở vật chất, không tạo được niềm tin, bệnh nhân dồn về tuyến trên v.v. Vậy nếu có cách nào đó làm cho dân ít bệnh đi, giường dôi ra, tăng niềm tin vào y tế ở tuyến

dưới (gọi là y tế cơ sở), sẽ giải quyết được vấn đề.

Tại sao bệnh nhân đông?

Vì dân số gia tăng. Vì giao thông thuận tiện. Vì môi trường sống ngày càng xấu đi. Vì đời sống căng thẳng, đầy lo lắng, bất an. Vì kỹ thuật y học... tiến bộ... Bệnh diễn biến thường bất ngờ, thà đi xa mà gặp thầy hay thuốc giỏi vẫn hơn đến trễ bị mắng sao đến trễ vậy! Kỹ thuật y học tiến bộ không ngừng: Siêu âm màu, CT Scan, MRI, nội soi, xạ hình v.v. đầy bí hiểm, có khả năng phát hiện... vô số bệnh tật từ lúc còn trong bào thai đến lúc sắp từ giã cõi đời. Xét nghiệm máu cho kết quả mấy chục thứ một lúc, kèm theo là những chỉ số bình thường để mọi người mặc sức so sánh, suy đoán, băn khoăn, lo lắng, sợ hãi. Thông tin y học tràn ngập, thương vàng hạ cám. Lên mạng tìm càng thêm hoang mang. Tốt nhất đến bệnh viện. Bệnh viện càng cao càng tốt, càng chuyên sâu càng tốt!

Bệnh nhiều cũng vì người ta sống lâu hơn xưa. Từ năm 1000 đến 1900, suốt gần ngàn năm, tuổi thọ bình quân của con người chỉ tăng từ 24 lên đến 30 tuổi. Trong khi từ 1900 đến 2000, một trăm năm thôi, tuổi thọ từ 30 lên 65. Ngày nay, tỷ lệ sống trên 80 tuổi ngày càng đông. Tuổi thọ tăng cao, sinh nhiều bệnh mạn tính, trầm trọng, kéo dài, khó chữa, đòi hỏi có sự chăm sóc đặc biệt.

Mặt khác, người dân bệnh nhiều cũng do bị... hù dọa. Thông tin “y tế” tràn ngập, không kiểm soát nổi, quảng cáo đủ mảnh khoe, gây tâm lý sợ hãi hoang mang. Mở TV ra coi sẽ thấy đầy quảng cáo thuốc, quảng cáo cơ sở khám chữa bệnh này nọ với những danh từ đao to búa lớn, hình ảnh rùng rợn, người dân muốn không bệnh cũng không được!

Có người kể chuyện cả làng đang yên ổn thì một hôm có đoàn “từ thiện” ở trên xuống, vắc theo mấy mớ thuốc men, khám bệnh siêu âm các thứ phát hiện lu bù bệnh tật, cho vài ngày thuốc rồi rút êm. Từ đó cả làng nháo nhào, đi đâu cũng nghe bàn toàn chuyện bệnh hoạn, ăn không ngon ngủ không yên nữa. Dĩ nhiên khám bệnh “từ thiện” là việc làm rất đáng quý, đáng khuyến khích nhưng vấn đề là nên quan tâm thế nào để giúp cho đến nơi đến chốn.

Mặt khác, nhiều khi các nhà y học chỉ cần thay đổi vài... chỉ số tham khảo thì bệnh sẽ tăng lên ào ạt. Thí dụ xưa bảo huyết áp trên 14/9 mới có vấn đề, nay bảo chỉ cần 13/8 là có vấn đề rồi. Xê dịch chút xíu vậy thôi đủ nhiều trăm triệu người rơi vào... bệnh lý! Dĩ nhiên những kết luận đó đều có cơ sở khoa học cả. Thế nhưng những lời khuyên về phương pháp phòng bệnh và điều trị tăng huyết áp không dùng thuốc chẳng ai nghe. Nào ăn ít muối, ít đường, nào uống ít rượu, không hút thuốc lá, nào tập thể dục... vất vả quá. Nhưng rồi những thứ thuốc mới nào đó được tung hô ầm ĩ ít lâu bỗng bị cấm... lưu hành vì gây phản ứng phụ không

phải là hiếm! Có lần thậm chí người ta còn nghi ngờ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cố tình hù dọa đại dịch cúm để... giúp một công ty sản xuất thuốc chủng ngừa!

Giảm tải cách nào?

Chuyện đau ốm bệnh hoạn của người dân nhiều hay ít không phải là chuyện của y tế mà là chuyện của... lãnh đạo. HIV/AIDS là một bằng chứng rõ rệt nhất. Nơi nào nhà lãnh đạo biết quan tâm, trực tiếp lo chương trình phòng chống HIV/AIDS, đưa chương trình này vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia thì nơi đó dịch bệnh được khống chế và giảm rất nhanh. Nơi nào lãnh đạo thờ ơ, để mặc cho ngành y tế xoay sở thì dân mắc bệnh ngày càng đông dẫn tới suy sụp cả nền kinh tế và gây rối loạn xã hội. Cho nên sự *cam kết chính trị* (political commitment) là yếu tố quyết định để khống chế bệnh tật, giúp người dân sống yên vui, hạnh phúc. Nếu lãnh đạo coi y tế là “mùi nhon kinh tế”, thì để dân bệnh càng nhiều càng tốt, càng “quá tải” càng hay!

Một “cam kết chính trị” tốt, thực sự vì dân, là khi nhà lãnh đạo tập trung xây dựng hệ thống dự phòng vững chắc, tăng cường cán bộ “chuyên khoa phòng bệnh” xuống cơ sở (cả ê-kíp gồm bác sĩ, nhân viên y tế công cộng, giáo dục sức khỏe, nhân viên công tác xã hội, phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới v.v.) để tổ chức phòng bệnh, nâng cao dân trí - cho người dân biết tự chăm sóc sức khỏe mình và gia đình, cộng đồng mình - đồng thời xây dựng mạng lưới y tế gần dân để chữa trị sớm các bệnh thông thường và triển khai các biện pháp phòng ngừa... Muốn vậy phải quan tâm đào tạo y khoa về hướng y học dự phòng, y học cộng đồng, biết làm việc ê-kíp và quan trọng hơn có chế độ chính sách thỏa đáng thu hút nhân lực về hướng này, thí dụ trả lương xứng đáng, cấp nhà ở, phương tiện đi lại, du học... - lương có thể cao gấp đôi ba lần khu vực điều trị. Một chuyên viên giỏi ở khu vực dự phòng có thể không khó để giúp cho một vạn dân trong khu vực họ chịu trách nhiệm ít phải mắc bệnh... Một đồng bỏ ra cho phòng bệnh sẽ tiết giảm cả chục đồng cho điều trị.

Nhưng các chuyên viên phòng bệnh dù có giỏi thì một mình cũng sẽ không làm được gì. Phải có sự tham gia tích cực của cộng đồng. Khi người dân hiểu cái gì là có lợi ích thiết thân cho sức khỏe của họ, họ sẽ ủng hộ, sẽ tham gia. Đó là sự *tham gia cộng đồng* (community involvement). Các tổ chức đoàn thể như phụ nữ, thanh niên, công đoàn, mặt trận... chính là cơ sở tốt để tạo ra sự tham gia cộng đồng này. Nhưng thế vẫn chưa đủ, còn phải có sự phối hợp của nhiều ngành dưới sự điều phối chung của một “nhạc trưởng”, của một nhà lãnh đạo. Chẳng hạn ngành truyền thông phải dành bao nhiêu thời lượng, tiền bạc công sức để nâng cao dân trí; ngành môi trường, ngành xây dựng, giao thông,

lượng thực... đều phải xắn tay vào cuộc. Cái đó gọi là sự *phối hợp liên ngành* (intersectoral cooperation). Chỉ có cách đó, người dân mới bớt mắc bệnh, mới giải quyết căn cơ vấn đề quá tải của bệnh viện tuyến trên và nói chung, chỉ có cách đó mới làm cho người dân có hạnh phúc, đạt đến “một trạng thái sẵn sàng khoái về thể chất, tâm thần và xã hội” như định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về *sức khỏe*.

Trước mắt, một giải pháp “tình thế” là mở thật nhiều bệnh viện đáp ứng nhu cầu của người dân để giải tỏa quá tải ở bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện tuyến trên. Thực ra chuyện “quá tải” bệnh nhân đâu chỉ thấy ở bệnh viện? Một thời “Nước cá thần”, rồi chùa Pháp Hoa ở Đồng Nai, thần y Nam Hải ở ngoài Bắc, ông thầy ở Bình Phước, ngôi vườn kỳ lạ ở Long An... cũng từng “quá tải” đó thôi.

Nói khác đi, người bệnh đến với thầy thuốc trước hết là vì lòng tin, hy vọng được chữa hết nỗi đau và nỗi khổ của mình. Do vậy, dù xa xôi, khó khăn, đắt đỏ cách mấy họ cũng lặn lội tìm đến. Một số bệnh viện luôn quá tải không chỉ vì chuyên môn giỏi mà vì “tiếng tăm” (thương hiệu). Vậy tại sao không mở thêm nhiều “đại lý” của các bệnh viện đó ở khắp nơi? Nếu đảm bảo được chất lượng như “bệnh viện gốc” thì bệnh nhân dại gì đi xa cho tốn kém, vất vả. Bệnh viện “gốc” sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng. Họ phải huấn luyện nhân viên, tổ chức “quy trình” quản lý chặt chẽ để giữ uy tín của mình. Với công nghệ thông tin hiện nay, việc chẩn đoán từ xa, can thiệp từ xa không còn là quá khó. Một giáo sư giỏi ở tuyến trên không cần phải “luân chuyển” xuống cơ sở mà ở tại chỗ chỉ đạo hướng dẫn cho hàng chục vệ tinh, “chi nhánh”, “đại lý”, sẽ hiệu quả hơn, năng suất sẽ cao hơn. Họ sẽ phân cấp, phân loại để làm sao điều trị tốt nhất cho bệnh nhân và nhờ đó bệnh viện gốc sẽ không còn bị tràn ngập bởi những trường hợp không đáng vào viện, chỉ vì “thương hiệu” mà tìm đến.

Vài đề xuất cụ thể

Ai cũng biết bệnh trẻ em phần lớn tự khỏi nhờ sức đề kháng tự nhiên của cơ thể. Nhờ có nhiều bệnh “lặt vặt” thường xuyên như vậy mà sức đề kháng được phát triển, tạo “miễn dịch” suốt đời. Vấn đề là làm sao biết lúc nào bệnh nặng, lúc nào nhẹ để xử trí cho đúng. Cái đó là nghề của bác sĩ. Bác sĩ “mát tay” hay không, giỏi hay dở là ở chỗ biết “phân biệt” này. Chính vì nhiều bệnh ở trẻ em tự khỏi nên không ngạc nhiên thấy nhiều khi chỉ cần nước lã, lang băm... cũng chữa được bệnh.

Trước tình hình quá tải ở các bệnh viện Nhi Đồng thành phố, trên báo *Tuổi Trẻ* trước đây tôi có đề xuất giải pháp nên có Bệnh viện Nhi Đồng 3. Chữ “Bệnh viện Nhi Đồng 3” nằm trong ngoặc kép. Đó chính là nên phục hồi lại hệ thống *Chăm sóc trẻ em lành mạnh* sẵn có trước đó ở khắp các quận huyện đã bị “phế bỏ”. Có lẽ

nhiều người cho rằng chăm sóc trẻ đang “lành mạnh” là một điều... vô lý, tốn kém! Thực ra hệ thống chăm sóc trẻ em lành mạnh là biện pháp phòng bệnh tích cực nhất dành cho trẻ dưới 6 tuổi, thực hiện bởi các chuyên viên nhi khoa, các chuyên viên tâm lý, nhân viên công tác xã hội... ở cơ sở, gần gũi với nơi người dân sống. Ở đó trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ hằng tháng, cân đo, chủng ngừa, hướng dẫn dinh dưỡng, giải đáp thắc mắc cho các bà mẹ từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ; khi đau ốm thì có bác sĩ nhi tại chỗ khám chữa trị sớm, khi cần thì chuyển đi đúng nơi đúng lúc. Các bác sĩ nhi này được đào tạo và huấn luyện ở các bệnh viện Nhi Đồng, được “quản lý” chất lượng để có đủ kiến thức và kinh nghiệm. Các bà mẹ nhờ đó sẽ rất yên tâm, tin cậy, gần bó. Việc gì cứ mỗi mỗi phải chen chúc vào bệnh viện tuyến trên cho khổ, cho mất thì giờ, bức bối, tốn kém? Để duy trì một hệ thống như thế phải đầu tư đúng mức. Nó vừa giúp giảm tải cho tuyến trên và quan trọng hơn, mang lại hạnh phúc cho người dân.

Các bệnh viện Ung Bướu thì có một đặc thù riêng. Thường có khoảng 20% bệnh nhân đang nằm tại các bệnh viện Ung Bướu là ở vào giai đoạn cuối. Ta biết, ở giai đoạn này vấn đề điều trị không quan trọng bằng *Chăm sóc giảm nhẹ* (Palliative Care), nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết các vấn đề xã hội, tâm linh. Đây là một “chuyên khoa” mới của ngành y ngày càng phát triển ở các nước tiên tiến. Việc chăm sóc không chỉ đơn thuần y khoa mà bao gồm cả tâm lý xã hội... Nếu bệnh viện có một địa điểm thuận lợi, một “chi nhánh” dành riêng cho bệnh nhân giai đoạn cuối này sẽ giảm tải đáng kể. Đây cũng là điều rất có lợi cho bệnh nhân vì ở đó ngoài thuốc men họ sẽ còn được hướng dẫn về thiền, yoga, dinh dưỡng, được chăm sóc về tâm linh, tình cảm, được hỗ trợ về xã hội bởi các chuyên gia, bác sĩ, nhà tâm lý, nhân viên công tác xã hội, các tu sĩ, bà sơ, ni cô...

Nếu Nhi Đồng có hệ thống *Chăm sóc trẻ em lành mạnh*, nếu Ung Bướu có hệ thống *Chăm sóc giảm nhẹ*, Chấn thương chỉnh hình, Phụ sản... có những hệ thống “chi nhánh”, “đại lý” phù hợp, đảm bảo chất lượng, thì giảm tải bệnh viện sẽ không còn khó lắm nữa.

Tóm lại, để giảm tải bệnh viện cần có giải pháp toàn diện, vừa căn cơ vừa tình thế. Một mặt tăng cường hệ thống chữa bệnh, đảm bảo chất lượng điều trị, dưới dạng hệ thống vệ tinh, chi nhánh của các bệnh viện đang quá tải và mặt khác, quan trọng hơn, là củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đẩy mạnh dự phòng, đầu tư đúng mức và đúng nghĩa. Công việc đó phải là việc của nhà lãnh đạo để ra các chính sách phù hợp với một triết lý nhân bản, vì dân, từ đào tạo nguồn nhân lực cho đến tổ chức guồng máy mới mong giải quyết tận gốc. Sức khỏe của người dân là nguồn lực chính của sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nên không thể khoán riêng ngành y tế! ■

Tiếng tu oa

BIÊN NHÂN

Một bước nhân sinh đêm nối ngày

Bước cao

bước thấp

ngắn mà dài

Chiều về sờ lại chân mòn mề

Bỏ cổ đầu xe hấp dẫn dai

*

Sáng nay mát rượi

trời hồng thắm

Cảm giác bình minh khắp tế bào

Nắng sớm long lanh sương lá biếc

Chim trên cành riu rít xôn xao

*

Nghe gió đèo hương lá lướt qua

Nghe trời ôm đất thở giao hòa

Nghe cây hát khê bài cho nhận

Nghe suối tương sinh gọi hải hà

*

Ta lại là con giữa mẹ cha

Giữa trời đất rộng khóc tu oa

Điệu ru...

Bài hịch...

Hồn quê Việt...

Giọt lệ tinh khôi chợt vỡ òa...

Dấu trầm luân

MẠC PHƯƠNG TỬ

Mặt hồ thành xưa in bóng

Ngàn năm thốt tượng rêu phong

Ngàn năm gió sương mây lớp

Tang thương lạc dấu mây hồng.

Bóng chiều đồ dài tháp cổ

Sương chiều giăng bạc trời xưa

Cát bụi ngàn năm cổ độ

Sầu lên tượng đá bao mùa.

Trầm hùng bên dòng nước bạc

Trầm hùng mấy cuộc tang thương

Bao vết thời gian vẫn tạc

Hồn thiêng bàng bạc mười phương.

Trái bao mưa nguồn chớp bể

Người về mây nẻo phù vân

Lối cũ nghiêng chiều diễm lệ

Đá còn tạc dấu trầm luân.

Đêm trắng

NGUYỄN TÂN ON

Đêm ở nhà tiếng gia đình rôm rả
Con học bài anh ngồi nghĩ vẩn vơ
Em mắng yêu
Rằng thơ với thần
Ngủ đi
Mai còn dậy đi làm

Đêm cơ quan lặn vào tĩnh lặng
Ký ức phục lên rớt tiếng thạch sùng
Anh gom hết bóng đen
Để mai về
Tặng em
Đêm trắng.

Đường lá thơm

PHẠM THANH CHƯƠNG

Anh vẫn nghĩ cho dù có chậm
Một ngày rồi anh sẽ về thăm
Con đường đất từng vùng cỏ cháy
Đất khô cằn già bão quanh năm

Trời có lạnh như mùa đông trước
Gió nồm xưa có thổi sau nhà
Những trưa vắng có còn nhịp võng
Giấc ngủ buồn từ lúc anh xa?

Nếu ngày mai anh không về được
Đừng bận lòng chuyện đáng gì đâu
Dù có anh hay không vẫn vậy
Để lòng vui đừng chút gợn sầu

Anh vẫn biết dù không nói được
Như nắng vàng quanh quần đường quê
Lòng em sao quê nhà vẫn thế
Đường lá thơm đợi bước anh về.

Giọt sữa quê hương

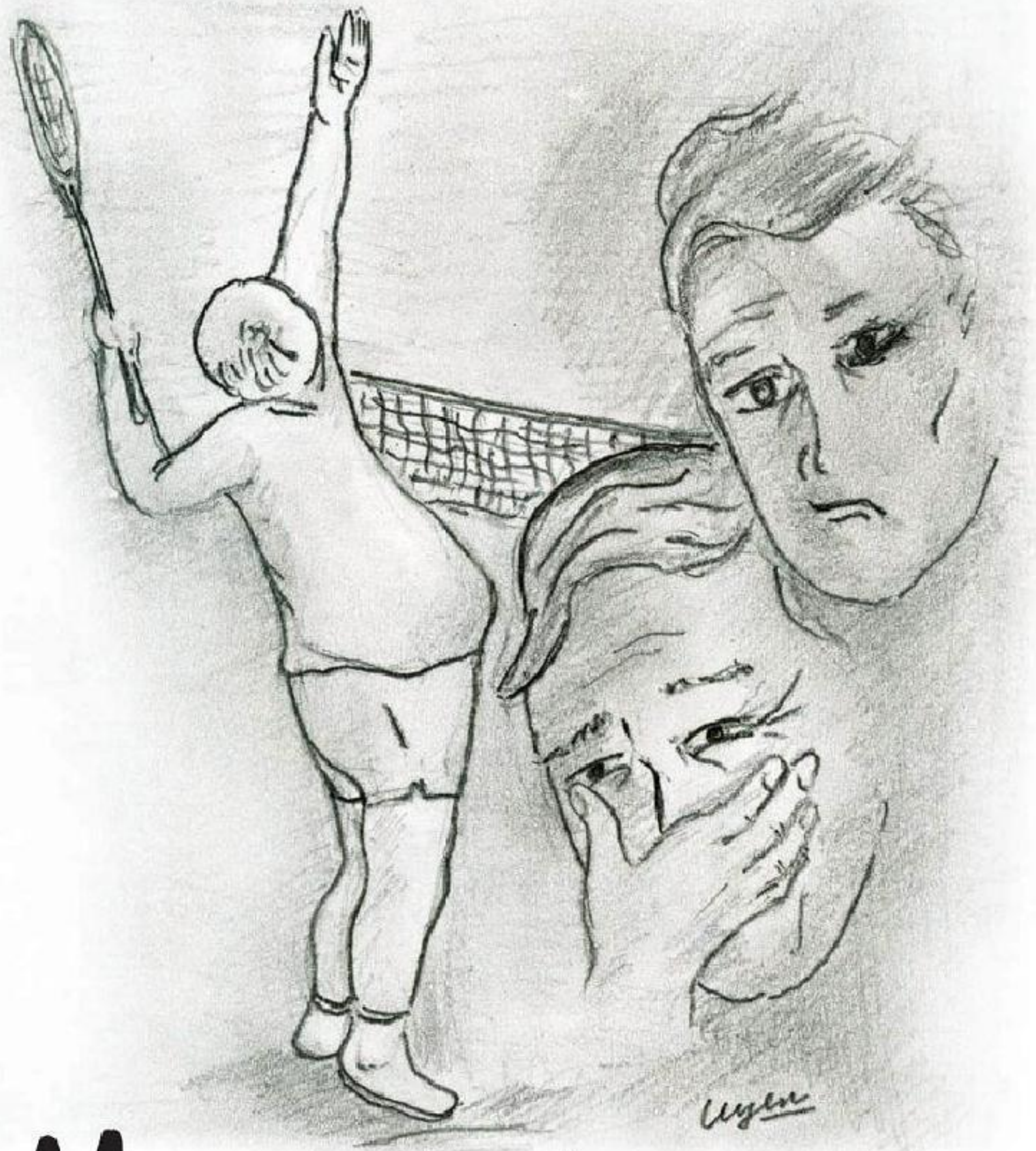
TRÀ KIM LONG

Nắng ôm siết xuống mặt đường
Vốc hơi nóng ngược lên phương trời này
Giọt mồ hôi nhiều mắt cay
Người đi công nặng tháng ngày trên lưng

Nghiêng thân bóng đổ chập chùng
Bóng xe và bóng người trùng lên nhau
Cây già trái chín vùng sâu
Mang hương về phố chia nhau chút tình

Thoảng nghe màu đất quê mình
Vừa qua mấy cuộc hành trình phương xa
Khơi nguồn mạch sống nở hoa
Hạt gieo lòng đất người hòa nắng sương

Chắt chiu giọt muối giọt đường
Làm nên giọt sữa quê hương ngọt ngào
Trên đầu nắng đội trời cao
Người mang nghĩa sống đi vào nhân gian.



Hưởng thưởng

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Thường trường như chiến trường nên việc đổi ngôi giám đốc công ty là bình thường. Là mỗi lần như thế, có mấy anh tự tha hóa hết như kỳ nhông đổi màu theo thời tiết.

Giám đốc công ty đầu tiên được kể đến là người (nói theo ngôn ngữ dân gian) có tâm hồn ăn uống. Món khoái khẩu của ông lắm khi dân dã nhưng

không hẳn dễ tìm; đại loại dưa không làm từ lá cải mà phải là ngồng cải; trái mót mật dầm chua thay cho cà muối, đồng đông cân cần kho lá nghệ thích hơn hải sản cao sang... Là người miền ngược nên sếp khoái những món mang hơi hướng núi rừng; thường chỉ những người tâm phúc mới chiêu được sự tinh móm của sếp. Bữa liên hoan nào đó ở công ty, sếp bất ngờ

nhận ra có những người hợp cạ ăn uống nhưng chưa quen. Sếp nhìn mâm cỗ, mắt long lanh, rõ là sự phấn chấn và ngạc nhiên đến cùng lúc. Mắt không rời món nướng chủ lực ăn kèm rau rừng chấm muối ớt, sếp thích thú, hất hàm: "Ai thiết kế?" Đám thực khách nở nụ cười lấy lòng rồi chỉ trưởng phòng hành chính. Anh này rút rề bước tới diện kiến sếp, hai tay xoa xoa như phải ghê. Sếp cao giọng "được"; cả đám vỗ tay đồng loạt.

Nhóm quyền lực của công ty thường ăn nhậu với giám đốc đầu hay từ đây họ phải chia sẻ khẩu vị chua cay của sếp. Một phần tất yếu trong bữa ăn của sếp là ớt, ông ăn ớt rau rầu như nhai dưa chuột. Các món xào, kho cũng phải cho ớt kha khá mới thích. Hậu quả là ngồi cùng sếp, khối anh đỏ mặt, xuýt xoa, mồ hôi ròng ròng như cảm nắng. Một gia vị cũng thuộc nhóm không thể thiếu với sếp là mẻ. Xào thịt kho cá, quên gì kê, quên mẻ là vớt, mà phải tra nặng tay để dậy mùi. Nào phải ai cũng ưa chua chua cay cay như sếp, nhưng đành ngậm đắng nuốt cay cho yên chuyện.

Kẻ nào đạo diễn những món sướng một người, khổ nhiều người? Không khó chỉ ra - trưởng phòng hành chính, kèm theo là những tiếng lẩm bẩm "thằng hướng thượng", "đồ lạng lách". Ngay khi mới phong thanh nghe công ty sắp có giám đốc mới, anh ta liền bí mật điều nghiên sở thích của bề trên. Ăn là vậy, uống của sếp cũng phải độc chiêu mới xứng tầm. Trà phải hái từ những cây chè *shan tuyết* trên núi cao chót vót, thậm chí phải nhờ khỉ hái - anh ta bảo thế. Nếu không phải trà tinh khiết ấy thì trà ướp sen, làm kỳ công như để tiến vua ngày trước. Sau ăn uống là hiệp hai thư giãn, vui vẻ. Khoản này đích thị là năng khiếu của những giọng ca gắn liền bia rượu do trưởng phòng hành chính chủ xướng. Đám này nhảy như đánh võ, hát như chửi nhau nhưng leo đèo theo sếp để hiển tế là chính. Ngày nghỉ, thầy trò đổi gió bằng cách ngược lên rừng với chim kêu vượn hú cùng suối khe róc rách. Họ đi sẵn rồi quây quần bên đồng lửa vừa nướng vừa xuýt xoa thưởng thức thành quả lao động cùng rượu bia lai láng. Hoang dã nhưng không kém phần thi vị khi trưởng phòng hành chính bố trí mấy em chân dài kè kè bên sếp. Âm dương cận kề, rượu bia đưa đẩy, núi rừng chõ che, bóng đêm đồng lõa khiến bọn họ thỏa sức đi đến tận cùng sự sướng. Sau mỗi cuộc vui, chỉ cần giám đốc vỗ vai "được!" là trưởng phòng có quyền vênh mặt với đồng nghiệp. Yêu ghét mặc kệ nhưng ai cũng phải nể anh ta về khả năng đi tắt đón đầu nhu cầu của sếp.

Từ núi rừng, trưởng phòng hành chính cùng ê kíp hướng thượng quay ngoắt về với biển khi công ty có giám đốc thứ hai. Vị này yêu biển từ trong ra ngoài, nghĩa là thích dung nạp hải sản, thích ngâm mình vùng vẫy hàng giờ dưới biển. Trưởng phòng lại lật đặt ôm phao theo sếp với vẻ háo hức ngời ngời như thật. Người lùn cùn như cái nắm, tròn quay như cối xay, xuống nước chắc chìm không sùi tăm nhưng anh ta

lẳng nhẳng bu sếp như gà con bám mẹ. Ngặt nỗi, sếp đi bơi đúng vào giờ vàng cần cho gia đình, nghĩa là sáng sớm và cuối ngày. Mặc vợ con tự lực cánh sinh, trưởng phòng quyết không rời sếp. Trong khi anh ta thả hồn với những cuộc vui bất tận thì vợ ở nhà quần giò với việc nhà và chăm hai con nhỏ. Một nhất là khoản đưa đón hai nhóc đi học thêm, học kèm triển miên như chong chóng; lắm khi chị đi mà ngỡ chân không dính đất. Thở thẻ ngọt nhạt không xong, chị vùng lên, dùng dùng tìm đến tận nơi chồng du hí, lôi về. Thư thư được mấy bữa rồi đầu lại vào đấy.

Giám đốc bị thoái hóa cột sống, nghỉ bơi nhưng đồ chững vẫn thiết tha với biển. Sau một tuần điều nghiên, trưởng phòng hành chính đưa ra tua mới - câu cá. Sếp sướng, vỗ tay đánh đét "hay!". Ngày nghỉ, thuyền lại rề sóng đưa sếp cùng ê-kíp tâm phúc ra biển làm ngư dân nửa vời. Mỗi khi sếp câu được cá, cả đám vỗ tay như sấm, làm kinh động cả đảo vắng. Nắng gió biển khơi khiến họ đen như cột nhà cháy nhưng không ai muốn bỏ cuộc. Ai ngại nhất khi họ cười, hàm răng trắng lóa khiến khuôn mặt đen càng tương phản. Có anh đen đến nỗi, khi cười mới giúp người đứng xa xa định vị được những bộ phận trên mặt anh ta. Trưởng phòng hành chính tất nhiên vừa tiên phong mở lối vừa kiên trì đến phút chót trong những cuộc vui với sếp. Anh ta liên tục bội ước với vợ về cam kết ăn tối ở nhà, trừ khi vì công việc. Nghe vợ cảm râm, anh vật lại, giọng vênh lên đầy vẻ cao ngạo: "Nghĩ ngắn tũn như thế, khá sao được! Muốn sang phải bắc cầu kiều, muốn được "phát triển" phải yêu... cái gì cô không biết à?!" Chẳng rõ biết không nhưng vợ quyết không buông yêu sách: Phải dành một ngày nghỉ mỗi tuần cho gia đình. Ừ à cho qua chuyện nhưng với sếp, anh vẫn như hình với bóng. Thế là sân nhà bùng nổ.

Ngày u ám nào đó, trưởng phòng hành chính đến công ty với nét mặt đưa đám cùng cánh tay te tuar rỉ máu. Trước những ánh mắt hình dấu hỏi của đồng nghiệp, anh nhả nhó: "Bị mèo quào". Thế đã tiếm phòng đại chưa? Đã uống kháng sinh ngừa nhiễm trùng chưa? Nạn nhân cười như mếu, gật gật nhưng mắt bối rối, nhìn lảng đi nơi khác. Cái gật đầu không dứt khoát của anh khiến nhiều người sinh nghi. Và rồi, thông tin rò rỉ từ buồng tắm cho hay, không chỉ trên tay, trên người anh còn nhiều chỗ xây xước, kể cả "vùng cấm". Phản biện của kẻ hay rắc rối nào đó: "Khả năng tự vệ đầu mà để chó mèo xâm hại toàn thân như thế?!" Như sự tỉnh, rất nhiều tiếng "à" lên cộng hưởng. Sau cuộc phúc tra âm thầm của những thám tử tự phong, sự thật hé ra trước ngõ ngàng của bao người. Thương tích nham nhở kia chính là hậu quả tức nước vỡ bờ. Khi ngôn từ yêu thương không níu được chân chống, trong phút giây quần chí hổ đỏ, vợ trưởng phòng hành chính đã dùng ngay hạ sách-bạo lực. May mà bàn tay người đẹp lúc mất khôn kịp dừng khi chưa quá muộn. May nữa là

chị này chăm cắt móng tay thành ra đi họa để lại trên cơ thể đứcc lang quần chỉ trầy da tí chút.

Ở công ty, không ai gán sếp bằng lái xe riêng cho giám đốc. Nhưng hình như anh này không biết tận dụng lợi thế cự ly. Bằng chứng là anh tỏ ra đứng đưng trước những thú vui, sở thích của sếp. Đưa sếp lên rừng xuống biển, trong khi sếp cùng cận thần đi tìm trò vui, anh ngả ghế nằm rung đùi đọc báo hay nghe nhạc rồi đẩy luôn một giấc. Bữa nào sếp thư giãn gần sân ten-nít, coi như anh trúng mánh. Những dịp ấy, anh đưa sếp tới nơi rồi lật đặt thay đồ, xách vợt ra sân làm vài séc. Anh buộc đối thủ phải nhớ khi rình kha khá giải thưởng từ những giải ten-nít không chuyên của thành phố. Anh vui ra mặt khi công ty xây dựng sân ten-nít; ấy là thời điểm vị giám đốc thứ ba sắp về nhận nhiệm sở. Khi công ty có sếp mới cũng là lúc lái xe riêng cho giám đốc bỗng dưng được sếp yêu. Không vỗ vập, chẳng cầu thân nhưng anh được sếp cảm tình ngay bữa đầu xem anh chơi ở sân công ty. Trên hàng ghế khán giả, ông liên tục vỗ tay, la hét cổ vũ cho anh, hồn nhiên như đứa trẻ. Hết trận, ông chạy vào sân bắt tay anh, chúc mừng chiến thắng rồi thách đấu vào chiều hôm sau.

Tin sếp đấu với lái xe lan nhanh kéo theo háo hức mong chờ. Chưa tới giờ nghỉ, cán bộ nhân viên công ty đã ùa ra vây kín sân. Trận đấu diễn ra với khán giả ủng hộ nghiêng hẳn về phía sếp; đứng thắc mắc sao bên trọng bên khinh như thế. Chung cuộc, phần thắng thuộc về lái xe và liên tục những ngày sau, anh đều thắng. Dường như càng thua, sếp càng muốn so tài với anh để rồi sau mỗi trận đấu phải chi tiền giải khát. Loáng thoáng đến tai anh: "Lính mà không biết điều, chơi với sếp mà thắng bằng như kẻ chì, thế là dở". Trưởng phòng hành chính gặp anh cảnh báo thẳng mặt: "Hiếu thắng cho lắm coi chừng thiệt thân đấy!". Sau phút giây ngỡ ngàng, anh lái xe vật lại, giọng khét mùi chộc ngoáy: "Tôi thể thao vì thể thao chứ không thể thao vì người trên cao như ai đó đâu!". Kẻ bị điểm huyết tái mặt, quay đi.

Như sự kéo theo tất yếu, khi sếp mê ten-nít, trưởng phòng hành chính cùng ê-kíp hướng thượng khẩn trương đoạn tuyệt sân bắn và bơi lội, chuyển ngay sang môn thể thao từng được cho là thời thượng. Quần áo, giày, vợt đi đứt mấy triệu nhưng sá gì; sáng sáng chiếu chiếu họ từng bừng ra sân, cứ như yêu ten-nít từ kiếp trước, cứ như sắp thành những siêu sao quần vợt tầm cỡ Nadal, Federer, Djokovic tới nơi rồi. Nhìn trưởng phòng hành chính chơi với sếp, ngửa mặt không chịu được. Bóng đưa thẳng vào sếp cứ như dọn cỗ mời xơi; lắm khi đường bóng của sếp chẳng hóc hiểm gì nhưng anh ngã lăn lóc cổ đổ, cốt làm trò cho đối thủ. Thua triển miên nhưng anh vẫn ham chơi một cách đáng ngờ. Và rồi, sự nhàm chán không đến với kẻ thua mà đến với người thắng; giọng sếp ỉu xiu: "Chơi món này

mà chênh lệch quá cũng mất hứng". Mỗi lần ra sân, sếp lại giao kèo: "Phải sòng phẳng, không được chơi "chính sách" đấy". Nhưng trưởng phòng tưởng sếp nói vậy mà không phải vậy nên đầu lại vào đấy.

Hình như sếp chỉ hứng thú khi so tài với anh lái xe. Từ ngày anh này không chơi ở sân công ty nữa, sếp cũng ít ra sân. Nhưng đam mê nào dễ dứt, ông bảo anh quay lại sân nhà nhưng bị từ chối thẳng. Ông gắng hỏi thì nhận được lời chân thành: "Ở công ty mình có những người chơi thể thao vì mục đích khác. Em sợ dấy vào họ, mang tiếng". Sếp vỗ vai anh, miệng cười nhưng vẻ không vui: "Tôi biết".

Trưởng phòng hành chính và những người đồng dạng ngỡ ngàng khi sếp rời sân nhà qua sân khác, chơi cùng anh lái xe. Phong trào ten-nít của công ty đang sôi sục bỗng dưng hạ nhiệt. Có người gặp trưởng phòng hành chính, hỏi kháy: "Thế nào, sắp chuyển sân hả?". Anh ta cúi mặt, chẳng nói gì, không lâu sau thì già từ ten-nít. ■



Mẹ,

tiếng chim kêu và dòng sông cổ tích

THÀNH NAM

1.

Tôi có thói quen ngồi lâu trong mỗi bữa ăn. Thời gian ấy giúp tôi quay về với những kỷ niệm đông đầy của thời thơ ấu, lúc còn cha còn mẹ nơi quê nghèo. Cái tình cảm sâu lắng đó, cho đến khi về già, cho đến khi đi qua nhiều chặng đường dâu bể, đã giúp tôi nhận ra những hương vị quý giá vô ngần.

Tôi nhớ, hai món gắn liền với hơi thở người phụ nữ quê tôi ngày xưa là nước tro gội đầu và dầu dừa xúc tóc.

Mẹ tôi lóng nước tro dừa cho trong để gội đầu thay xà phòng. Bà cũng dùng cơm dừa khô vắt lấy nước cốt thẳng lại thành dầu đựng vào chai để xúc tóc mỗi khi đi đám. Dầu dừa thẳng xong để lại cơm vàng giòn ngon như cơm tôi ăn nhớ đời!

Nói về món ăn mẹ nấu thì vô vàn những điều đọng lại trong ta. Ở hoàn cảnh dù đơn sơ trong cuộc sống, mỗi bà mẹ đã tạo cho con những kỷ tích, nguy nga hơn cái đẹp của biển trời, vững sâu hơn lòng nham thạch...

Tôi đã đi qua nhiều vùng ẩm thực trong nước. Công bằng mà nói, có nhiều món ngon hơn mẹ tôi làm ngày xưa. Nhưng cũng thực tình mà nói, những món ăn có bàn tay mẹ mới trở thành khẩu vị, thấm vào tim, vào tủy ta cho đến tận cùng hơi thở, nó là "tiềm thức ẩm thực" chứa cả cay, đắng, ngọt, bùi... dầu đó chỉ là một miếng tàu hủ chiên, một chén tương hột kho chấm bông lục bình, một cục chao bùi ăn với đậu bắp luộc...

Ngay cái từ "Mẹ" đã là ngon lòng ngon dạ cho những ai còn có mẹ chở che đùm bọc. Bản thân mẹ là "xôi nếp một", là "đường mía lau" thì mẹ cho ta ăn gì cũng ngon, thành kỷ ức triền miên theo tháng lun năm dài và những ngày còn lại dù trong những sáng khuấy động hay những chiều yên ắng...

Ai trong đời may mắn là người đã trải qua thời gian dài sống bên mẹ, được mẹ nấu cho nhiều món ăn.

Có nhìn được bếp than hồng của mẹ với làn khói quện bay vào không trung ở những sáng, những trưa, những chiều, ăn những món mẹ làm, trao đổi với mẹ giữa bữa ăn về những kỷ niệm vui buồn đời mẹ đời con, về bốn mùa xuân, hạ, thu, đông hay hai mùa mưa, nắng... thì người đó có hạnh phúc.

Nếu ta đã từng mập ú ra ở những tháng năm được mẹ nấu cho ăn và teo tóp lại khi trống vắng mẹ thì mới nhận ra rằng: quán xá ở đâu, nấu ngon thế nào mà thiếu bàn tay ấy sẽ cảm thấy kém ngon hơn!

Yếu tố chính giúp ta cảm nhận cái đậm đà của mọi loại hương vị là MẸ!..

2.

Cái khu vườn đầy kỷ niệm này, cha mẹ tôi tạo lập từ thời xưa. Qua bao chặng đường dâu bể, giờ nó vẫn tồn tại như Tổ quốc mình.

Nằm bên con kênh hiền hòa. Bao đời rồi nước vẫn đưa vào đưa ra những đám lục bình miên man như số phận.

Phía sau vườn là đồng ruộng có phù sa chở về từ con sông chín nhánh vây bọc bởi những rừng cây xanh. Ở đó thời nào cũng có khói lam chiều tỏa lên hòa quện với mây trời lẫn vào màn sương trắng phủ kín không trung. Trên cánh đồng nơi nào cũng có dấu chân thời trẻ dại tôi đi qua giữa trưa hè hay nửa đêm trăng tỏ.

Tuổi thơ tôi ấy là nắng đốt thịt da, là âm vang của tiếng chuột kêu, chim hót, giọng náo nức của đàn cóc về chiều và lũ vạc kêu sương...

Rồi cha mẹ tôi lần lượt qua đời. Anh chị em trưởng thành, theo nhịp điệu thời gian, kẻ có vợ, người có

chồng “ra riêng” còn tôi ở lại.

Kỷ niệm về cha, về mẹ, về sự sum vầy anh chị em ngày xưa làm mỗi lần vào nhà tôi nghe lòng thất lại, ngùi ngùi một nỗi nhớ thương.

Vườn tôi ngày nhỏ đầy các thứ chim. Thời gian chiến tranh súng đạn nổ quá, rồi bị con người đuổi bắt... chúng từ bỏ nơi “đất không lành” ra đi.

Vùng này giờ lên thành phố, người ta chen nhau mua đất, thực sự mỗi tấc đất là mỗi tấc vàng. Riêng vườn tôi còn nhiều vẻ hoang sơ nên các loài chim nhỏ về đậu kêu hót véo von.

Có cặp chia với làm tổ trên bụi cây cạnh cửa sổ nhà. Một hôm chim non rớt xuống, sợ tôi bắt con, chim mẹ bay lảo đảo kêu la inh ỏi. Tôi nâng niu từng chim non thả về cây. Từ từ chúng thân thiện hơn mỗi lần thấy tôi về.

Một con chim cú ngồi lặng lẽ trong lùm tre sợ đám chim nhỏ phát hiện kéo nhau đến “la ó”. Vài con thò lòi sặc sỡ cắn nhau nhào lộn dưới mé mương, vài con lòng tong, cá rô, cá sặt... loi nhoi trong mương vườn. Nhìn chúng, tôi nghe đầu óc mình nhẹ đi sau những năm dài bôn ba vì miếng cơm manh áo, vì danh lợi phũ phàng.

3.

Con sông chiều nay nước không đầy, nó mất đi cái tuần tự của cuộc vận hành theo qui luật thiên nhiên.

Nửa thế kỷ trước, cũng nơi đây nước tràn cả đồng áng, đường đi. Cây cỏ bị nhấn chìm trong nước ừ dột thời gian rồi vùng lên xanh tươi một màu kỳ diệu.

Bây giờ sông cạn dần. Ai đã lấy đi nguồn nước mát vô biên của trời đất? – Chỉ có con người gây ô nhiễm mới làm sông cạn đá mòn.

Sông chứa nước, nước chứa cá. Cá lội nhón nhơ đủ sắc màu, có khi số phận không may bị tra miệng vào lưới câu giăng giữa rừng những miếng vảy trắng tanh nồng.

Sông đưa ra những khúc gỗ đen nằm sâu trong đất không biết tự thuở nào, nó không còn là cây cũng không là than bùn. Nó lững lững giữa thời gian năm tháng đợi thành trầm tích.

Sông đưa ra những miếng miếng tổ miếng chén từ đời ông sơ.

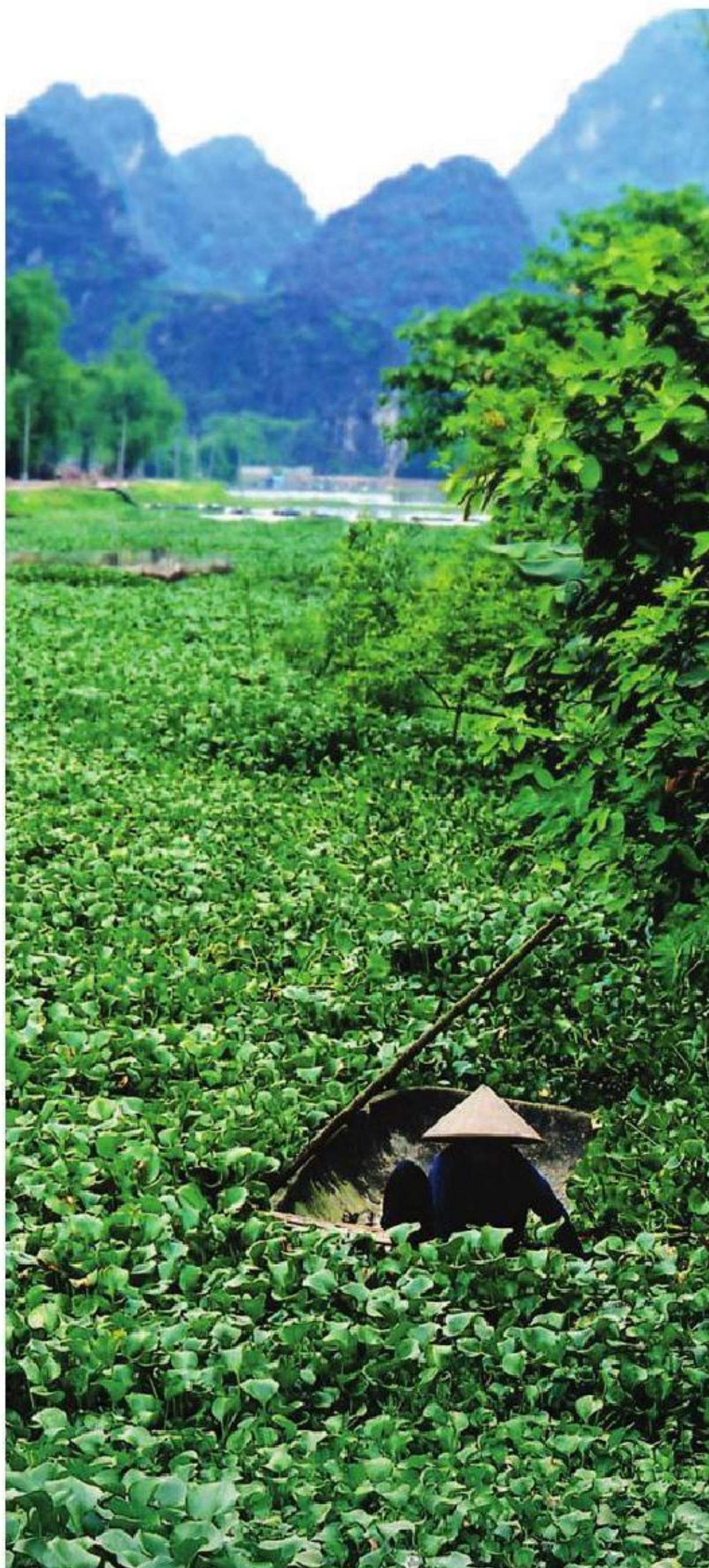
Ngày xưa sông này toàn rừng. Nhiều loài cạp xuống uống nước, chúng đi từng đàn hoặc một thân.

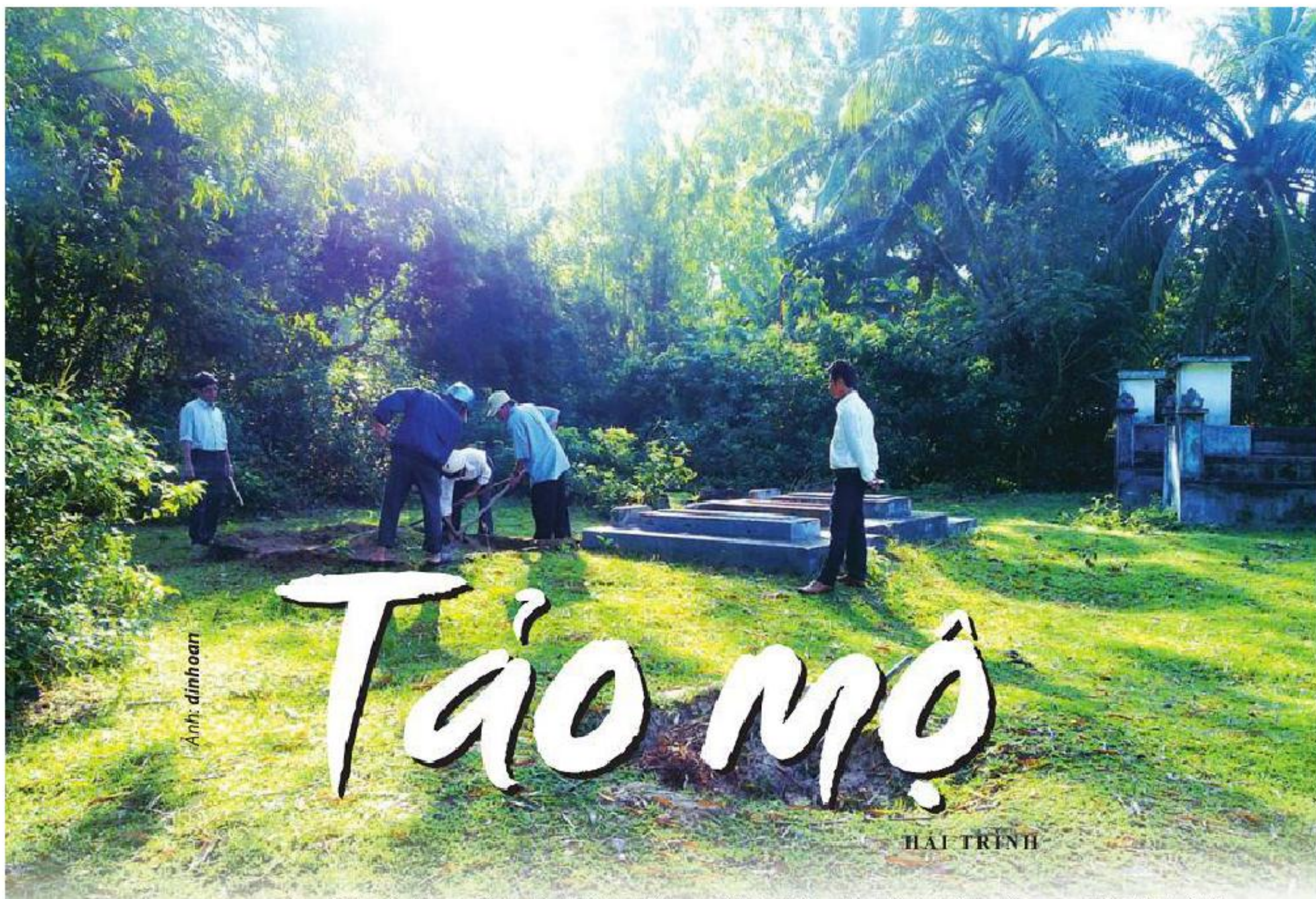
Tôi ngồi trên gốc cây, cái gốc cây không biết có tự bao giờ trơ ra một màu đen lóng lẩy. Nghe chuối thời gian đến, đi, qua mãi những kiếp người.

Cây trong đất lâu năm vẫn giữ hình thù. Hài cốt tổ tiên tôi cũng vùi sâu trong đất, thẳng thẳng mang dấu tích nghìn thu...

* * *

Tôi lắng lòng nghe vọng lại từ mảnh đất xưa quê, bầu trời, hình ảnh, âm vang, sức chảy... nghe tâm tư ngào ngạt hương đời. ■





Ảnh: dinhhoan

Tảo mộ

HAI TRINH

Vào cái thuở thanh bình của những tháng ngày xa xưa ấy, Với tôi, ngày tảo mộ của dòng họ được xem như là một ngày hội lớn của quê hương. Háo hức biết mấy niềm vui! Là một bạch diện thư sinh; tay yếu chân mềm; thế nên tôi được hiểu ngầm là thuộc diện “miễn sai”¹ trong các dịp tế lễ, cúng kiếng của dòng tộc. Từ mờ sáng hôm ngày chánh lễ, tôi được vinh dự mang lễ vật theo bác Trưởng cùng đoàn trai tráng xuống Cồn mố để sửa sang mồ mả và cáo yết gia tiên.

Dòng sông quê nhạt nhòa sương khói. Đường quê chập chờn bướm trắng ban mai. Có thể nói vào những ngày này, quê tôi đẹp nhất. Hồn tuổi thơ tôi như bay bổng theo hơi ấm ngọn gió đầu xuân. Tay bưng chiếc khay khảm xà cừ xinh xắn. Lễ vật chỉ vồn vện mấy thứ có tính tượng trưng. Một bình rượu còn con men xanh xứ Huế, kèm theo đôi chén mắt trâu, thêm vào mấy bó nhang trầm, một đôi đèn cầy và mười tờ vàng mã. Tôi lẻo đẻo theo bác Trưởng như được vinh dự thừa hành một sứ mệnh thiêng liêng, cao cả mà không phải ai cũng được giao phó. Đến nơi. Bác Trưởng cẩn trọng sửa lại vành khăn, rồi khoác vào chiếc áo xanh lụng thụng. Tôi bày lễ vật theo chỉ dẫn của bác. Đoàn bác cầm ba cây nhang, đưa lên ngang đầu rồi lâm râm khấn vái. Tôi nghe rõ mồn một lời cầu khẩn của bác tôi: - Thường niên chiếu lệ. Hôm nay đúng ngày giỗ tổ và cũng là lễ Tảo mố. Thay mặt gia tộc, tôi xin cung thỉnh ngài cùng chư vị, con cháu trong gia tộc về Từ đường mà thượng hưởng

lễ tế, chứng giám lòng thành của con cháu và phò hộ cho dòng tộc được nhiều phước đức, trường tồn...”

Trong lúc bác tôi cầu khẩn, từng đoàn trai trẻ, là con cháu của dòng tộc, cười cười nói nói, râm ran trò chuyện, nhanh nhẹn đưa những nhát cuốc xoèn xoẹt vun quén những nấm mồ đã tròn năm chưa một lần được chăm chút. Hầu đúng ba tuần rượu; đốt hết xấp vàng mã bên mộ Tổ, theo chân bác, tôi cầm bó nhang ngùn ngụt khói bay cắm lên từng ngôi mộ vừa mới được sửa sang. Tào hóa cũng khéo sắp đặt; hoa nào bướm đó, thật xứng đôi vừa lứa. Những đàn bướm muôn màu, nhỏ li ti cỡ bằng hạt đậu chập chờn bay lượn trên ngàn hoa đại sắc sỡ cũng chỉ bằng những cúc áo dất đều trên thảm cỏ xanh. Bác Trưởng trịnh trọng chỉ tay vào từng ngôi mộ mà nhắc đến lai lịch và quan hệ huyết thống của những người đã khuất để cho chúng tôi ghi nhớ mà truyền lại cho con cháu đời sau.

Mùi cay nồng thắm của cỏ non quyện vào hương trầm phảng phất khiến tôi có cảm giác như đây là phút giao hòa giữa trời đất. Chợt nhớ đến một câu văn đã làm xao động lòng tôi trong một bài chính tả được làm bài học thuộc lòng thuở ấy: “... Tôi trọng linh hồn tổ tiên tôi; nên một cảnh cây, ngọn cỏ của non sông hoa gấm này đều phảng phất hồn thiêng của tổ tiên tôi vậy”. Như một sợi dây vô hình, một tự tình huyết thống; đi qua những năm mố cỏ xanh mà bước chân tôi như ngỡ ngàng.

Chú thích:

1. Khởi phải làm công việc nặng nhọc ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Hôm ấy đời bạn chúng tôi vào siêu thị mua sắm. Đến trưa, ghé quầy thức ăn gọi hai đĩa cơm sườn có rau và nước súp. Thấy đĩa cơm hấp dẫn quá, hai đứa đồng lòng gọi thêm đĩa cơm trắng. Nghĩ rằng mình đang đói, thế nào ăn cũng hết. Lúc đó khách ăn trưa đến đông, họ ngồi chung bàn với khách đang ăn thật vô tư. Bàn chúng tôi vừa có một người đàn ông trung niên bung cơm ghé vào. Ông ta khẽ chào chúng tôi rồi múc cơm ăn ngon lành. Khi đó chúng tôi đã ăn lưng bụng; phần còn lại, ăn uể oải. Thấy ông ta ăn nhiệt tình quá, chúng tôi đưa mắt nháy nhau, cười. Bạn tôi vụt nói:

- Anh làm ơn ăn đùm đĩa cơm trắng này, chúng tôi no quá, ăn hết nổi chẳng qua vì cái tật "con mắt to hơn cái bụng".

Chỉ nói có thế, ông ta liền giảng: "Hạt cơm là hạt ngọc của Trời, không được coi thường, ăn cơm không được bỏ mứa." Thì đúng như lời dạy của cha mẹ, thầy cô mình khi mình còn nhỏ, ai mà không biết. Bạn tôi nói nhỏ, "Mình già, xấp xỉ 70, còn bị ông này dạy đời." Thấy hai đĩa cơm chúng tôi còn ế hế, ông ta tiếp tục: "Quê tôi ở miền Trung, nghèo lắm, có nhiều người không có cơm ăn. Con nít được người lớn dạy: chỗ ăn no bụng, vì sẽ thành thói quen, đến khi thiếu cơm, chịu không được, khổ lắm."

Hai chúng tôi nghe vậy, giật mình, lơ mắt nhìn ông ta ăn. Lát sau ông ngẩng mặt, nói: "Tôi chấp nhận ăn đùm hai cô đĩa cơm này với điều kiện..."

Ông ta bỏ lửng câu nói, cốt để chúng tôi suy nghĩ, cũng có thể là thách thức. Bạn tôi cười: "Điều kiện gì vậy? Nghe ghê quá!" Ông ta đáp, "À, có gì đâu, hai cô phải ăn cho hết phần cơm của mình." Chúng tôi cười xòa mà chối vờ, vội ngón sạch cơm, nhờ nước súp làm phương tiện.

Anh gì bừa đó ơi!

Tôi hy vọng anh đọc VHPG để thấy bài viết này. Vì mỗi lần vào quán gọi cơm là mỗi lần tôi nhớ đến anh, đúng hơn là cách hành xử của anh, nó thể hiện một tư tưởng, một triết lý đạo đức Tri hành hợp nhất. Nhờ đó, làm xoay chuyển nếp nghĩ, nếp sống của tôi và của bạn tôi. Muốn lần cảm ơn anh, người cho chúng tôi bài học thực tiễn, quý giá, buộc phải nhớ đời.

Chân An Tịnh, thị xã Hà Tiên – tỉnh Kiên Giang

Nghề nghiệp khiến hàng ngày tôi phải di chuyển ngoài đường phố khá nhiều. Vì vậy, tôi không sao tránh khỏi những phiền phức vì va quẹt đụng chạm xe cộ hay vì những khi phải chen chúc lóc lách tìm lối đi giữa đám xe cộ đông đúc. Không ít lần, tôi đã bị mắng chửi, trách móc một cách oan ức; và tôi không thể không bực bội, tức giận trước những kẻ thô lỗ, hồ đồ. Con giận thường khiến tôi mệt mỏi, bứt rứt cả người, mụ mẫm cả trí óc. Có khi tình trạng này kéo dài liên tiếp nhiều giờ. Một hôm, tôi tình cờ đọc được bài báo "Phản nộ mất khôn" đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 106 nói về bảy sự nguy hại của tâm phản nộ. Bằng cả thân, khẩu, và ý, những kẻ đang trong tâm trạng phản nộ có thể hại người mà đang lúc ấy mình xem là kẻ thù, dẫn tới khổ đau cho cả hai; nhưng trên hết, kẻ đang có tâm phản nộ chính là kẻ đang ở trong tình trạng bị dọa dọa ngục. Từ đấy, tôi học tập theo những chỉ dẫn của bài báo; mỗi khi biết mình đang giận dữ, tôi tự tìm cách hạ cơn giận. Dần dần, hầu như tôi không còn động tâm vì những lời lẽ thô lỗ trách móc tôi một cách oan ức, không chỉ giữa những người cùng đi với tôi trên đường phố hàng ngày, mà cả với những ai tôi cần phải tiếp xúc. Việc thực hành theo những lời dạy của Phật được trích lại trong bài viết nói trên thực sự đã mang lại cho tôi sự thanh thản. Tôi chân thành biết ơn tác giả Hải Hậu đã viết bài báo ấy, tôi cũng cảm ơn nhân duyên đã cho tôi được đọc bài báo ấy để từ đó tôi trở thành một độc giả trung thành của Văn Hóa Phật Giáo.

Nguyễn Minh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Viêm loét dạ dày - tá tràng (đau bao tử)

Đây là căn bệnh tiêu hóa rất phổ biến ở nước ta. Ngoài việc gây ra những khó chịu cho người bệnh thì tình trạng loét dạ dày - tá tràng còn là tiền đề nguy hiểm dẫn đến ung thư. Ở Việt Nam, ước tính 7 - 10% dân số bị loét dạ dày - tá tràng. Tỷ lệ nam và nữ trong loét dạ dày - tá tràng là 1/1, còn đối với loét hành tá tràng là 2/1.

Các triệu chứng thường gặp nhất

Người bệnh cảm thấy đau tức vùng thượng vị, đặc biệt là liên quan đến tình trạng đói. Triệu chứng đau thường liên quan tới bữa ăn từ 30 phút tới 2 giờ, đau có thể xuất hiện khi đói hoặc nửa đêm về sáng. Có khi chỉ biểu hiện bằng cồn cào, ăn vào thì dịu đi. Đau bụng có thể xuyên ra sau lưng, đau lan sang phải. Đau có tính chu kỳ: đau khoảng 2-8 tuần, kể cả không điều trị gì thì triệu chứng đau cũng giảm, sau đó sẽ có đợt tái phát. Có những bệnh nhân xuất hiện ợ hơi, ợ chua, nóng rát vùng thượng vị.



Vi khuẩn *Helicobacter Pylori* gây viêm loét dạ dày - tá tràng.

Khoảng 20% bệnh nhân bị loét dạ dày - tá tràng nhưng không hề có triệu chứng, mà người bệnh vào viện vì các biến chứng như: xuất huyết tiêu hóa, thủng dạ dày hoặc hẹp môn vị, hoặc nội soi kiểm tra phát hiện ra bệnh.

Các biến chứng: Xuất huyết tiêu hóa biểu hiện bằng nôn ra máu, đại tiện phân đen; Hẹp môn vị: nôn nhiều làm bệnh nhân không thể ăn được, ăn vào gây nôn và đau bụng; Thủng dạ dày hoặc tá tràng: đột ngột người bệnh thấy đau bụng dữ dội, bụng căng cứng; Ung thư dạ dày: loét hành tá tràng thì không gây ung thư nhưng loét dạ dày có thể gây ung thư.

Các biện pháp chẩn đoán

Trước kia, người ta chụp X-quang để chẩn đoán loét dạ dày - tá tràng, nhưng phương pháp này tỏ ra kém chính xác và không xác định được bản chất ổ loét là lành tính hay ác tính. Ngày nay, nội soi dạ dày - tá tràng bằng ống mềm cho phép thầy thuốc quan sát trực tiếp được tổn thương, đồng thời sinh

thiết giúp chẩn đoán người bệnh có bị nhiễm *Helicobacter Pylori* (HP) hay không. Trong trường hợp nghi ngờ ổ loét dạ dày ác tính cho phép sinh thiết để chẩn đoán trên vi thể giúp tìm được tế bào ác tính. Nội soi còn giúp theo dõi quá trình liền sẹo và khỏi của ổ loét.

Nhiều nguyên nhân dẫn đến bệnh

Mất cân bằng giữa các yếu tố chống loét: Dạ dày và hành tá tràng thường bị viêm và loét là do 2 đoạn này của ống tiêu hóa thường xuyên tiếp xúc với dịch dạ dày, dịch này có chất toan (CIH) rất cao. Dung dịch toan đó bình thường được phủ kín trong lòng dạ dày nhờ có hàng rào niêm mạc bảo vệ ngăn chặn sự thâm thấu của H^+ vào niêm mạc, hàng niêm mạc này tiết chất nhầy và bicarbonat và tái sinh tế bào. Khi dịch vị toan đó đi xuống sau hành tá tràng, độ toan của nó được trung hòa bởi các dịch tụy tạng, dịch mật và dịch ruột non cho nên đoạn ruột non sau hành tá tràng ít khi bị loét. Khi có sự mất cân bằng giữa chất toan với các yếu tố bảo vệ nói trên, CIH sẽ tấn công niêm mạc gây viêm rồi phá hủy niêm mạc gây loét và loét.



Nội soi dạ dày.

Nhiều yếu tố làm mất cân bằng giữa các yếu tố gây loét và yếu tố chống loét, trong đó quan trọng nhất và thông thường nhất là vi

khẩn HP sống trong lớp nhầy của dạ dày. Ở dạ dày, men urê của HP đã phân hủy urê của dịch vị thành NH_3 và CO_2 làm pH của dịch dạ dày tăng lên. Sự gia tăng pH dịch vị không những tạo an toàn cho sự khu trú của HP trên niêm mạc dạ dày gây viêm rồi gây loét bởi các độc tố của nó mà còn kích thích dạ dày tăng tiết một loại chất có tác dụng làm tăng tiết chất toan trong dạ dày. Nhưng không phải bất cứ ai bị nhiễm HP cũng đều bị loét, bởi còn phụ thuộc vào loại HP (còn gọi là týp), chỉ có loại HP týp I mới có nhiều độc tố gây loét.

Ngoài ra còn các yếu tố di truyền trong gia đình và nhiều yếu tố khác phối hợp, các yếu tố này ở người chưa bị nhiễm HP cũng đã có thể gây viêm rồi gây loét như: rượu, thuốc lá, cà phê, aspirin và các chất kháng viêm không steroid... Các trạng thái bị choáng nặng (chấn thương sọ não, nhồi máu cơ tim, nhồi máu phổi, bỏng nặng, choáng nhiễm khuẩn...) cũng có thể dẫn đến loét dạ dày - hành tá tràng. Ngoài ra cũng cần lưu ý đến một số bệnh có thể gây thêm loét dạ dày, hành tá tràng như u tụy tạng, bệnh xơ gan.

Các biện pháp điều trị

Chống yếu tố gây loét: Làm mất tác dụng của chất toan bằng các thuốc chống toan. Diệt HP (nếu có) bằng các thuốc kháng sinh. Thường phải phối hợp ít nhất 2 loại kháng sinh và sử dụng cùng với các thuốc kháng tiết toan, vừa để chống CIH vừa để tăng cường hiệu lực diệt HP của kháng sinh. Cần loại bỏ các yếu tố gây viêm loét như đã nói ở trên. Nếu vì một bệnh khác mà phải dùng aspirin và thuốc kháng viêm không steroid, thầy thuốc sẽ phải cân nhắc cẩn thận.

Có thể điều trị khỏi bằng thuốc: Các thuốc điều trị như thuốc trung hòa axit trong dạ dày, thuốc giảm tiết axit, thuốc kháng thụ thể H_2 ở màng tế bào, thuốc ức chế bơm proton, các thuốc kháng sinh có tác dụng diệt HP..., các thuốc này phải sử dụng theo chỉ định của bác sĩ.

Người bệnh có triệu chứng của loét dạ dày - tá tràng cần đến chuyên khoa tiêu hóa để xác định chính xác và điều trị, tránh tự dùng thuốc điều trị vì phần lớn những bệnh nhân có triệu chứng giống loét dạ dày - tá tràng nhưng thực tế trên nội soi hoàn toàn không có loét. Bệnh nhân bị ung thư dạ dày nhưng có triệu chứng giống loét dạ dày - tá tràng. Dùng thuốc không đúng dẫn tới kháng thuốc tràn lan của HP. Điều trị không có hệ thống dẫn tới bệnh tái phát và xảy ra các biến chứng.

BS. Nguyễn Trường Sơn
(Tạp chí Sức Khỏe & Đời Sống
Bộ Y tế)

Tham gia chuyên đề:

Pháp Tuệ, Minh Hiếu, Nguyễn Vinh và sự tài trợ của

CÔNG TY TNHH MAY XK MINH PHỤNG

278 Lãnh Binh Thăng, phường 11, quận 11, TP.HCM

ĐT: (08) 3962 9524 – Fax: 84.8 3962 9525

Email: minhphung@hcm.vnn.vn

Tôi đi học thiền ở Thiền viện Hương Nghiêm

Bài, ảnh: HUỆ TÂM

Từ khi có duyên đến với Phật, tôi một lòng thành tâm kính Phật trọng Tăng và chuyên trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Với tuổi đời còn trẻ nên tôi chưa cầu vãng sanh mà chỉ mong an tịnh thân tâm để làm công việc không bị sai sót, bạn bè thương mến và tương trợ đồng nghiệp. Nhưng tôi vẫn thấy bằng khuông như mình còn thiếu một điều gì trong đường tu, cho đến ngày đầu năm theo bạn lên Quan Âm Tu viện, gặp Hòa thượng Thích Giác Quang, Phó trụ trì và nghe dạy về pháp môn "Thiền Tịnh song tu", tôi mới ngộ ra là sao mình chưa chịu tìm hiểu về yếu chỉ của thiền để làm duyên cho đường tu tập của mình. Tôi hăm hở tìm hiểu về nguồn gốc Thiền từ 33 vị Tổ; Hành trạng đặc pháp của Lục Tổ Huệ Năng và những lời dạy vàng ngọc của Hòa thượng Tổ sư Thích Thanh Từ. Nhưng tôi vẫn còn e ngại, chỉ đứng thập thò ở ngưỡng cửa thiền chứ không dám bước vô cho đến một ngày cơ duyên hội đủ tôi theo chân đoàn hành hương về Thiền viện Hương Nghiêm và đó cũng là ngày 19-2 âm lịch Vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tôi dự lễ và tham gia khóa dạy tu thiền tại đây.

Thiền viện Hương Nghiêm thuộc Hệ truyền phái của Hòa thượng Tôn sư Thích Thanh Từ, thiền phái Trúc Lâm với phương châm: "Phản quan tự kỷ". Ngài là thầy truyền pháp của Tỳ-kheo Thích Trúc Thông Nhân, trụ trì thiền viện.

Mỗi tháng vào ngày Chủ nhật giữa tháng âm lịch, thiền viện đều có tổ chức khóa tu thiền dành cho người sơ cơ. Điều hành chung là thầy trụ trì, Ban giảng sư Thiền viện Thường Chiếu thuyết giảng, Trợ lý hướng dẫn tọa thiền cho thiền sinh do quý thầy và huynh đệ những khóa tu trước đảm trách.

Chúng tôi theo chân các thiền sinh vào thiền đường, ước độ hơn 100 người, vì là ngày vía, còn bình thường thầy trụ trì cho

biết hơn 250 người, thiền đường không đủ chỗ, thiền sinh phải ngồi ngoài hành lang và nhà nghỉ mát. Đa phần thiền sinh ở độ tuổi trung niên trở lên và có khoảng gần 20 người tuổi thanh xuân như tôi. Đúng 8 giờ, khóa tu bắt đầu: Phần nghi lễ dâng hương và tụng kinh sám hối. Kế đến thời giảng quý thầy thay phiên phụ trách. Còn hôm nay được nghe đạo hữu Chánh Tấn Tuệ thuyết giảng đến 9 giờ 30 phút và đúng 10 giờ, thiền sinh ổn định tọa cụ, nghe thầy trụ trì dạy phương pháp và thực tập tọa thiền trong thời gian 30 phút cho đến khi báo kết thúc thời hành thiền. Sau đó, thầy trụ trì hướng dẫn cách xả thiền: thiền sinh thực tập các động tác làm đã thông kinh mạch. Buổi chiều từ 13 giờ 30, thiền sinh được nghe pháp của Ban Giảng sư, kế đó tọa thiền và 15 giờ kết thúc khóa tu.

Thầy trụ trì căn dặn: Thiền sinh sau khi về nhà, cần tiếp tục hành thiền đều đặn: trước khi đi ngủ và lúc dậy buổi sáng sẽ mau có kết quả trong tu tập. Và tùy duyên những ngày Chủ nhật về chùa nghe pháp và tu tập nâng cao. Đặc biệt, thiền viện có dành 2 thất cho các Tăng và cư sĩ Phật tử có tâm nguyện nhập thất, dưới sự chỉ dạy của thầy trụ trì và nếu thiền sinh không có điều kiện tự túc, mọi chi phí sẽ do thiền viện đài thọ trong suốt thời gian nhập thất (có thể là 1 tuần, nửa tháng và 1 tháng). Hiện nay đang có một vị Tăng và 1 cư sĩ nhập thất.

Được biết, trước nhu cầu tu tập với số thiền sinh ngày càng tăng, nên thầy trụ trì đang xúc tiến lập bản vẽ thiết kế và dự toán tài chính để tiến hành xây dựng thiền đường mới có sức chứa 500 người, dự kiến rộng 600m² và ngôi chánh điện 500m², lập thêm 10 cốc cho chư Tăng và thiền sinh nhập thất. Với khả năng hạn hẹp tài chính của thiền viện, rất mong được sự chung tay góp sức xây dựng của các mạnh thường quân và Phật tử gần xa. Trước đây, thiền



Thầy Thích Trúc Thông Nhân, trụ trì TV. Hương Nghiêm hướng dẫn thiền sinh



Thiền sinh dự khóa tu

viện đã được sự phát tâm của Phật tử gần xa và các vị mạnh thường quân trong việc xây dựng cây cầu treo Giồng Sắn nối đất liền với cù lao tạo duyên cho Phật tử đến thiền viện tu học khỏi phải đi đò, nguy hiểm khi gió to sóng lớn.

Tâm nguyện của thầy trụ trì: "Xiển dương Thiền tông theo hướng Hòa thượng Tôn sư để phổ biến đến cho mọi người. Ngày nay vật chất và khoa học đang phát triển cao nên cũng cần nâng cao nhận thức qua thực tập thiền hầu giúp thân tâm các thiền sinh được an lạc, hạnh phúc và giác ngộ để ứng dụng tốt trong cuộc sống".

Chúng tôi được tặng cuốn băng "Lý thuyết và thực hành tọa thiền" của Hoà thượng Tôn sư, trong đó Ngài căn dặn: "Người tu thiền phải chú trọng hành thiền chứ không thể chỉ thông lý thuyết suông, thiếu ứng dụng sẽ giậm chân tại chỗ". Các bạn đạo khi nhập môn "Thiền Tịnh song tu" phải thực hành cho chuyên cần để mang lại lợi ích cho bản thân, mở rộng tâm từ bi hỷ xả...

Cầu treo Giồng Sắn được xây dựng năm 2009



Cốc dành cho người nhập thất

Thiền viện Hương Nghiêm
ấp Bến Đình, xã Phú Đông,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
ĐT: 0616271141 – 01212940744

Chạnh lòng nhớ về **PHƯỚC LONG CỔ TỰ**

NGUYỄN BÔNG



Chư tôn đức Tăng Ni và quan khách dự lễ

Lâu lắm rồi tôi không có dịp về Ninh Hòa thăm anh Lộc, người bạn tâm giao của thời trai trẻ với hơn tám năm công tác gắn bó cùng nhau. Tuy tuổi đời hai đứa bằng nhau, nhưng anh lúc nào cũng nổi trội hơn tôi mọi mặt. Tính tình anh lại rất điềm đạm, nhân ái, gặp phải chuyện nan giải, khó khăn đều được anh giải quyết có tình có lý và mang tính nhân văn. Sau này tôi mới biết anh được kiến giải như vậy là nhờ chủ nhật nào cũng đến sinh hoạt và nghe pháp ở chùa Phước Long.

Nhân theo đoàn du lịch hành hương đến Đại Lãnh – Tu Bông, nhớ tới bạn hiền bao năm xa cách, tôi tách đoàn về Ninh Hòa thăm cố nhân. Chúng tôi gặp nhau, vui mừng cười ra nước mắt, nhìn lại thấy đứa nào tóc cũng đã điểm bạc. Hôm nay là ngày 19-2 âm lịch, vía Đức Bồ tát Quán Thế Âm, anh rủ tôi cùng nhau lên chùa Phước Long dự lễ và thỉnh pháp.

Tôi thật bất ngờ và xúc động khi nhìn thấy cảnh ngôi chánh điện đang trùng tu

đang dở, vì chùa hết khả năng tài chính. Nếu như thế này theo năm tháng e rằng công trình bị nắng mưa xói mòn. Chạnh lòng vì Phật tử ở chốn vùng xa thiếu phước, không có đủ năng lực đóng góp dồi dào như chốn thị thành...

Chùa Phước Long là ngôi cổ tự được Tổ Tế Nhuận khai sơn tạo tự hơn 200 năm qua và được truyền thừa nhiều đời trụ trì, qua năm tháng chiến tranh và thời gian dài bị xuống cấp nghiêm trọng. Mỗi lần mưa to gió lớn là nước chảy dột khắp nơi, không an toàn cho Phật tử tu tập, tụng kinh, bái sám... Chính vì vậy mà ngày 25-11-2011 (nhằm ngày 01-11 Tân Mão) Thầy Thích Nhuận Phát, trụ trì và Phật tử bốn tự đã chính thức động thổ khởi công xây dựng ngôi Đại hùng Bảo điện (Theo Giấy phép xây dựng số 2078/GPXD ngày 07-9-2011 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa). Buổi lễ động thổ được tổ chức trang trọng dưới sự chứng minh chư tôn đức Tăng Ni và sự tham dự của chính quyền địa phương, đồng đạo Phật



HT. Thích Ngộ Tánh, Chánh đại diện PG TX Ninh Hòa động thổ.



Đại đức Thích Nhuận Phát, trụ trì

tử gần xa. Tuy nhiên, Phật sự lớn lao này, khả năng tài chính của chùa còn hạn hẹp nên không thể đáp ứng nổi, đành chịu cảnh đang dở. Thiết nghĩ:

"Phật pháp xương mình bởi Tăng già hòa hợp"

"Thiền môn hưng thịnh do dân việt phát tâm".

Phước Long cổ tự là nơi nương tựa tâm linh của Phật tử và bà con nghèo ở đây, thầy trụ trì tha thiết ngưỡng mong chư tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước hoan hỷ phát tâm góp phần công đức, tiếp sức với Ban Điều hành trùng tu cho Phật sự chóng viên thành để tạo duyên cho Tăng chúng và Phật tử ổn định tu học.

Chia tay Phước Long cổ tự, lòng tôi vẫn vương mãi những hình ảnh: chánh điện đang dở, những con người lao động cần cù lam lũ, đời sống mộc mạc nhưng rất tin tâm với Phật pháp và những nụ cười hồn nhiên của các em thơ trong sinh hoạt của chùa...

Chánh điện đang xây đang dở



Mọi sự giúp đỡ vật thí và tài thí xin gửi về: Ban trùng tu chùa Phước Long, thôn Phước Lý, xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, ĐT: (84) 0128 2640255 – 0128 2640255. Chủ tài khoản: Trần Hoàng Huynh, số tài khoản: 0105142738 tại Ngân hàng Đông Á, chi nhánh Nha Trang, Việt Nam – Swiss code: EACBVNVX



Việt Chay®

Nurish compassion
Nourish compassion

dời về địa chỉ mới

Số 290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. HCM
Bên cạnh Thiền Viện Quảng Đức (VP2)

Tel: (08) 3848 3399

Khai Trương

Ngày 2/4/2012
(12/3 Nhâm Thìn)



Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết gặp lại không
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau



HÀNH HƯƠNG
TÂY TẠNG HUYỀN BÍ
(09 ngày)

Khởi hành: 25/05/2012 (05/04 Nhâm Thìn)

HÀNH HƯƠNG
**TỨ ĐẠI PHẬT SƠN
TRUNG QUỐC**

(12 ngày)

Khởi hành: 30/05/2012 (10/04 Nhâm Thìn)

HÀNH HƯƠNG
VƯƠNG QUỐC BHUTAN
(07 ngày)

Khởi hành: 26/04/2012 (06/04 Nhâm Thìn)



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

Doãn Tấn (PD: Chánh Tâm): 0933 88 33 63

Tel: (08) 38 48 33 88

Email: ngocviet_travel@yahoo.com

BUFFET CHAY & NGHE PHÁP

"CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG" (Quality of Life)

Tại Nhà hàng Chay MANDALA, vào lúc 13h00 thứ Bảy cách tuần

THỜI GIAN: 11h00 - 12h45: Buffet trưa; 12h45 - 13h00: Ổn định chỗ ngồi; 13h00 - 14h00: Nghe giảng; 14h00 - 14h30: Hỏi đáp
Vui lòng liên hệ đăng ký trước: ĐT: 0977 994 233 gặp Thanh



"BUFFET THIÊN NHIÊN" vào ngày **RẼM** hàng tháng

110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM - Tel: (08) 3926 0638

Email: veg.mandala@yahoo.com

THÔNG BÁO

❑ Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số đặc biệt 152, mừng Đại lễ Phật đản phát hành ngày 27-4-2012 với hình thức trang nhã, nội dung phong phú, 68 trang in 4 màu toàn bộ trên giấy couche (láng)

❑ Trân trọng kính mời quý doanh nghiệp, công ty, cửa hàng, nhà hàng chay, tiệm cơm chay... tham gia đăng quảng cáo và viết bài (PR) giới thiệu sản phẩm và hoạt động kinh doanh của đơn vị

Giá đăng quảng cáo:

- Bìa 2: Khách đăng dài hạn
- Bìa 3: 8.000.000đ
- Bìa 4: 12.000.000đ
- Trang ruột nguyên trang: 4.000.000đ - 1/2 trang: 2.000.000đ - 1/4 trang: 1.000.000đ - 1/8 trang: 500.000đ.

Hạn chót nhận bài và file ngày 15-4-2012

❑ Vui lòng liên hệ với cô Thu Sương, Trưởng phòng Quảng cáo, ĐT: 0918032040 hoặc anh Nguyễn Bổng, Phụ trách Trị sự, ĐT: 0913810082 để được hướng dẫn và tạo điều kiện.

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Khu ẩm thực chay sân vườn Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thủ Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Tráng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Mọt hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h-21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan - Sinh nhật - Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn



PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc câu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036

QUÁN CHAY



Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

Phạm Đình Lưu

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngochich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

○ Cửa hàng: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752

Đang giảm giá 40%
đến ngày 30-4-2012



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG • DD: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

GÓCCUỘC SỐNG
làm giàu những ước mơ

www.goccuocsong.vn

